NĂM THỨ 6 – NGÀY 15-7-62

BÁCH KHOA

trong số này

HOÀNG MINH TUYNH *chính sách mới của Xô viết tại Phi châu* • TRẦN HƯƠNG TỬ *nhân sinh quan của Sartre* • BỬU KẾ *tòa khâm sứ* • ĐẶNG TRẦN THÁI *góp ý về dạy Triết* • NGUYỄN VĂN TRUNG *nghệ thuật kịch của Bertolt Brecht* • PHONG GIAO *kinh nghiệm đời văn* • BÙI HỮU SỦNG *cuộc cách mạng tư tưởng Đức, về thế kỷ 19* • TRẦN DẠ TỪ *khi em mười sáu* • HOÀNG NGỌC HIỀN *trường thành* • HOÀNG TRINH *bâng khuâng* • HÀ NGUYÊN THẠCH *còn lại* • ĐYNH HOÀNG SA *tấm vải liệm* • ĐOÀN THÊM *hòa âm số 9* • NGUYỄN ĐỨC CUNG *3 bài thơ* • VIỄN LINH *hồi sinh* • TRẦN VĂN QUANG — BÉ KÝ *trả lời cuộc phỏng vấn quan niệm hội họa* • TRÀNG THIÊN *về một thái độ trong văn nghệ miền Bắc* • *Sinh hoạt : về trung tâm Văn Bút V. N.* • *về Hội nhà văn V. N.* • *về cuộc nói chuyện của ông Phạm-Việt-Tuyền* • *của phái đoàn giáo sư trường mĩ thuật* (NGUIỄN NGU Í và NHÂN THẾ *phụ trách*)

133

http://tieulun.hopto.org

Một sự may mắn ! ! !

Nếu **« VERIGOUD »**

được quảng-cáo rộng-rãi hơn, ai cũng sẽ nhận thấy rằng đó là thứ si-rô ngon nhất tại Việt-Nam và Quí vị sẽ khó - khăn lắm mới tìm mua được.

« VERIGOUD »

nước trái cây nguyên chất chế-tạo hầu Quí vị bởi Hãng :

SOCIÉTÉ FRANÇAISE DES DISTILLERIES DE L'INDOCHINE

CÁC HIỆU BUÔN ĐỨNG ĐẮN ĐỀU CÓ BÁN VỚI GIÁ 65 $ MỘT CHAI

http://tieulun.hopto.org

BÁCH KHOA *trong số này*

Số 133 ngày 15-7-62

HOÀNG-MINH-TUYNH *chính sách mới của Sô viết tại Phi châu*	3
TRẦN-HƯƠNG-TỬ *Nhân sinh quan của Sartre*	11
BỬU-KẾ *tòa khâm sứ*	23
ĐẶNG-TRẦN-THÁI *góp ý về dạy triết ở Trung học*	35
NGUYỄN-VĂN-TRUNG *nghệ thuật kịch của Bertolt Brecht*	41
PHONG.GIAO (*dịch Erskine Caldwell*) *kinh nghiệm đời văn*	53
BÙI-HỮU-SỦNG *nghe diễn thuyết về cuộc cách mạng tư tưởng Đức, thế kỷ 19*	59
TRẦN-DẠ-TỪ *khi em 16*	71
HOÀNG-NGỌC-HIỂN *trường thắnh*	72-73
HOÀNG-TRINH *bâng khuâng*	74
HÀ-NGUYÊN-THẠCH *còn lại*	74
ĐYNH-HOÀNG-SA *tấm vải liệm (dịch Prem Chand)*	75
ĐOÀN-THÊM *hòa âm số 9*	83
NGUYỄN-ĐỨC-CUNG *3 bài thơ*	84
VIÊN-LINH *hồi sinh (truyện ngắn)*	85
TRẦN-VĂN-QUANG — BÊ-KÝ *trả lời cuộc phỏng vấn quan niệm hội họa*	95
TRÀNG-THIÊN *về một thái độ trong văn nghệ miền Bắc*	105
NGUIỄN-NGU-Í *trung tâm văn bút Việt-Nam bầu lại ban thường vụ — Hợi nhà văn Việt-Nam — Hoàng quang, một xử sĩ, một chứng nhân hay một lính chí nguyện*	110 111 112
NHÂN-THẾ *phái đoàn giáo sư các trường mĩ thuật đi thăm các nước bạn về*	114

http://tieulun.hopto.org

BÁCH-KHOA

trong những số tới

Chính sách Mỹ-quốc tại Châu Mỹ La-Tinh	HOÀNG-MINH-TUYNH
Góp ý về vấn đề giáo dục	NGUYỄN-NHƯ
Isaac Newton	NGUYỄN-HIẾN-LÊ
Nhân-sinh-quan của Sartre : quan niệm về tình yêu và quan niệm về định mệnh con người	TRẦN-HƯƠNG-TỬ
Mánh lới điều tra (4) : Trá ngụy	TRẦN-THÚC-LINH
Góp ý về chương trình triết bậc Trung học	LÊ-TẤN-LỘC
Tìm hiểu Nhật-bản qua thi-ca	ĐOÀN-VĂN-AN
Góp ý về cú pháp	ĐỖ-HỒNG-VŨ
Bên lề nghệ thuật : Đồ đạc	ĐOÀN-THÊM
W. Faulkner	TRẦN-PHONG
Phụ nữ xứ người	MỘNG-TRUNG
Viếng thăm báo Figaro	Cô MINH-ĐỨC
Về dâu (truyện dài)	VÕ-PHIẾN
Teddy (dịch Salinger)	NGUYỄN-MINH.HOÀNG
Con Tư diêm	VŨ-HẠNH
Bi hài kịch Phụng-Minh-Thôn	DOÃN-QUỐC-SỸ
Truyện ngắn	NGUYỄN-MẠNH-CÔN

http://tieulun.hopto.org

CHÍNH SÁCH MỚI CỦA XÔ-VIẾT TẠI PHI-CHÂU

HOÀNG-MINH-TUYNH

Người Xô-Viết đang nỗ lực dùng hình thức viện trợ kinh tế và văn hóa xâm nhập các nước tân lập Hắc-Phi. Nỗ lực ấy thể hiện thế nào ? Liệu người Xô-Viết có hy vọng biến cải được lục địa ấy và trồng cắm được chủ nghĩa Mác-Lê tại đó không ?

Trong bài khảo cứu này, chúng tôi cố gắng trình bày những sắc thái của chính sách Xô-Viết tại Hắc-Phi từ năm 1959. Sở dĩ chúng tôi chọn năm ấy là vì từ năm 1959, người Xô-Viết thành lập Viện Phi-Châu và để nó sáp nhập Viện Hàn-Lâm Khoa-Học Mạc-Tư-Khoa, đồng thời tạo dựng sáu trung tâm huấn luyện cán bộ Phi-Châu trong các nước « Dân chủ nhân dân ». Đó là khởi điểm một giai đoạn hoạt động tập trung có phương pháp.

1959 cũng là năm mậu dịch thương mãi và viện trợ kinh tế Xô-Viết được đặc biệt nhận thức và chính đốn cùng trở thành yếu tố xâm nhập chủ yếu của Liên-Xô tại Hắc-Phi.

Đặc tính của khu vực xâm nhập

Nền độc lập của các quốc gia mới tại Phi-Châu, đối với Liên-Xô, là một sự kiện hiển nhiên phải chấp nhận. Trái với các nước có tinh thần quốc gia tại Á-Châu, sự hình thành tinh thần quốc gia tại Phi-Châu đã diễn tiến ngoài ảnh hưởng Xô-Viết ; Liên-Xô đã chậm trễ, đợi mãi tới khi Phi-Châu tiến tới giai đoạn «tranh đấu giành độc lập kinh tế » mới gia nhập với họ để cùng « đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân và chủ nghĩa đế quốc ». Do vị trí địa lý,

http://tieulun.hopto.org

cơ cấu xã hội có tính chất thủ cựu và ít phân biệt giữa các tầng lớp nhân dân, Hắc-Phi là đất gần như hoàn toàn không bị ảnh hưởng của các cuộc cách mệnh theo ý thức hệ Cộng-Sản. Điều đó giải thích cho chúng ta hiểu sự chậm trễ của người Xô-Viết trong lúc can thiệp vào Phi-Châu và sự cố gắng tập trung nỗ lực của họ trong địa hạt viện trợ kinh tế.

Tại các nước tân lập Phi-Châu, uy thế của các tay lãnh tụ rất được dân chúng tôn trọng, trong khi tín nhiệm của các phần tử đối lập còn rất mong manh, nhất là tinh thần tổ chức của các phần tử này còn non kém, sách lược ngoại giao của Xô-Viết, do đấy, phải làm bộ tỏ ra hết sức trung thực, không hề dám ra mặt ủng hộ đối lập để phản đối chính quyền. Hành vi dại dột của viên đại sứ Daniel Solod định nhúng tay vào nội bộ Guinée và nâng đỡ một phần tử đối lập với ông Sekou-Touré, đã bị ông này ra lệnh trục xuất tức khắc, khiến chính ông Mikoyan phải thân hành qua thăm viếng Guinée với một viên đại sứ mới như có ý để xin lỗi và thêm vào một mớ những hứa hẹn mới cốt làm vui lòng nhà độc tài da đen nọ. Trong lúc trao đổi chúc từ, Sekou-Touré cắt nghĩa cho Mikoyan hiểu rằng : « cách mệnh không thể nhập cảng mà cũng không thể xuất cảng ». Guinée tiếp tục nhận được một số lượng viện trợ khá lớn lao của các nước Cộng-Sản, và mậu dịch thương mãi của họ với các nước này cầu thành một phần quan trọng trong ngoại thương.

Có lẽ điểm đặc biệt đáng lưu ý nhất trong hoàn cảnh chánh trị hiện nay của các nước Hắc-Phi là tình trạng tương đối ổn cố ở bên trong cũng như ở bên ngoài, khiến nhờ đấy họ vẫn giữ được độc lập trong chính sách đối ngoại. Guinée được Liên-Xô và các nước «dân chủ nhân dân» tận tình ủng hộ, mà vẫn tự chủ, Éthiopie nhận viện trợ của cả Đông lẫn Tây, mà vẫn tiếp tục theo đuổi đường lối của mình ; viện trợ của các nước muốn tìm thế gây ảnh hưởng trong sách lược đối ngoại của nước này thực không tương xứng với kết quả họ đã thu lượm được nếu ta lấy những biểu quyết của Ethiopie tại Liên Hiệp Quốc làm tiêu chuẩn mà tính lại.

Những nhận xét trên cho chúng ta thấy sách lược bất lương muốn tìm thế ủng hộ đối lập để phản đối chính quyền của Xô-Viết đã vấp phải khá nhiều khó khăn ; mặt khác, viện trợ kinh tế của Liên-Xô dùng làm phương tiện để gây ảnh hưởng chính trị cũng bị hạn chế, không đem lại được bao nhiêu kết quả.

Quan niệm viện trợ của Xô-Viết

Theo dự án Chương trình của Đảng Cộng Sản Liên-Xô, — được coi là bản « Tuyên ngôn Cộng Sản ở hậu bán thế kỷ XX » — đối với một thời đại rất khác biệt với thời đại Lénine, tính chất đặc thù của các quốc gia Hắc Phi là « không th uộc chế độ đế

http://tieulun.hopto.org

quốc chủ nghĩa mà cũng không thuộc chế độ xã hội chủ nghĩa ». Trong dự án trên cũng như trong các bản công bố khác, chúng ta thấy người cộng sản vẫn thường nhấn mạnh rằng : nói vậy không có nghĩa là bảo hoàn cảnh đặc biệt của miền này ở ngoài các định luật của chủ nghĩa Mác-Lê. Chủ nghĩa Mác-Lê — vốn không phải là một giáo điều — đã chỉ dẫn rõ : các quốc gia hậu tiến có thể bước từ chế độ phong kiến đến chế độ xã hội chủ nghĩa mà không cần qua giai đoạn của chế độ tư bản chủ nghĩa. Điều đó đòi hỏi nhiều cải biến sâu xa trong cơ cấu kinh tế và xã hội của xứ sở. Trong quá trình này, viện trợ kinh tế Xô-Viết được coi là một yếu tố thúc đẩy thực tích cực và nhiệm mầu.

Công cuộc kỹ nghệ hóa là mục tiêu thứ nhất. Ông Khrouchtchev nhân dịp viếng thăm hợp doanh chế sắt do người Xô-Viết thiết lập cho Ấn-Độ, có tuyên bố rằng : « những kẻ sợ hãi một công cuộc kỹ nghệ hóa thái quá » có khuynh hướng muốn « duy trì hoài cái cách phân công quốc tế rất quái gở mà chủ nghĩa thực dân đã tạo ra. » Công cuộc kỹ nghệ hóa đóng vai trò quyết định trong « công cuộc đấu tranh cho độc lập kinh tế » của các quốc gia Phi Châu : nó sẽ hoàn thành việc đào tạo giai cấp công nhân, lúc này, mới chiếm có 5 % toàn dân số các quốc gia Hắc Phi. Tại Nigeria, bách xuất phân chỉ được 1,5. Năm 1957, Guinée có 95.000 công nhân, mà có tới 48.000 chỉ được làm việc theo mùa. Trong một xứ tiến hành kỹ nghệ hóa, giai cấp vô sản sẽ tăng gia mau hơn giai cấp tư sản quốc gia ; nó sẽ trở thành lực lượng chính yếu của một mặt trận quốc gia. Nước hậu tiến sẽ biến thành một nước « dân chủ quốc gia » rất gần với một nước « dân chủ nhân dân ».

Phát triển khu vực quốc doanh là một mục tiêu song hành ; sách lược viện trợ kinh tế nhằm quốc hữu hóa các lãnh địa rộng lớn trong sinh hoạt kinh tế của nước hưởng viện trợ. Công cuộc này sẽ được sự hộ trợ của giai cấp thống trị tại quốc gia mới Phi Châu ; giai cấp tư sản quốc gia bao giờ cũng muốn củng cố địa vị và quyền lợi của họ : « công cuộc mở mang khu vực quốc doanh, ở giai đoạn này, phù hợp với quyền lợi của giai cấp tư sản quốc gia, nên nó sẽ hạn chế sự xâm nhập của tư bản tư nhân ngoại quốc ».

Sắc thái của « cuộc đấu tranh cho độc lập kinh tế » này tỏ lộ rất rõ rệt nhờ tỷ dụ của xứ Guinée :

« Vấn đề chính yếu của Guinée, trong giai đoạn này, là đấu tranh chống sự chi phối của các công ty xuất nhập cảng ngoại quốc đang nỗ lực ngăn cản công cuộc phát triển kinh tế xứ sở. Để truất phế các hãng buôn ngoại quốc, nhà nước Cộng hòa phải dự trù tiến hành tổ chức các cơ quan ngoại thương quốc doanh ; các cơ quan này thực tế đã nắm giữ độc quyền thương mãi với Liên - Xô và các nước xã hội chủ nghĩa... »

http://tieulun.hopto.org

Viện trợ kinh tế được người Xô-Viết định nghĩa rộng rãi chẳng kém gì những mục tiêu họ nhắm. Chương trình viện trợ gồm những ngân khoản tín dụng dài hạn, những trợ cấp kỹ thuật và khoa học, những quan hệ mậu dịch thương mãi, những cơ quan, tổ chức đào tạo cán bộ tương lai xây dựng « chế độ dân chủ quốc gia ».

Thể thức bồi hoàn tín dụng đều giống nhau : 2,5 % trong 12 năm. Đối với các nước nông nghiệp hậu tiến, mậu dịch thương mãi là khoản có lợi ích quan trọng hơn cả. Liên-Xô và các nước khác trong khối cộng sản hiệp thành một thị trường tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp thặng dư rất mực « dễ chịu » cho họ. Tín dụng Xô Viết xuất ra được bồi hoàn bằng sản phẩm độc canh. « Ngoại thương là nền tảng của cuộc hợp tác kinh tế Xô-Viết — Phi-Châu ». Mậu dịch thương mãi được dùng làm mồi mở đầu cho các cuộc đầu tư kỹ nghệ. Có điều đáng lưu ý là tại Guinée, một xứ được hưởng viện trợ kinh tế của Liên-Xô và của các nước Cộng sản nhiều hơn hết, lại là nước kỹ nghệ hóa kém hơn hết trong các nước nhận viện trợ Cộng sản tại Hắc-Phi.

Viện trợ kinh tế Xô-Viết cho các nước Hắc-Phi

Trong thông điệp gởi cho Hội nghị liên đới giữa các dân tộc Phi Châu lần thứ hai (tháng Tư 1960) ông Khrouchtchev đã đề nghị «viện trợ kinh tế bất vụ lợi cho tất cả các nước chưa tận lượng phát triển». Nhiều nước Hắc-Phi, kể cả những nước không từng thiết lập quan hệ ngoại giao với Liên-Xô, và chính phủ đương nhiệm được coi như chính phủ phản động, chẳng hạn như Nigeria hoặc Libéria, đều nhận được đề nghị tặng cấp tín dụng của Xô-Viết. Cố nhiên đó là bước đầu để đi tới chỗ «gạ gẫm» thiết lập quan-hệ ngoại giao.

Rút cuộc, các nước Hắc-Phi có ký kết thỏa hiệp hợp tác kinh tế và kỹ thuật với Liên-Xô, đã nhận được trong khoảng thời gian hai năm (từ tháng 7-1959 đến tháng 7-1961) một tổng số tín dụng 787 triệu roubles (1 rouble cũ = 0,25$). (So sánh ta thấy Pháp cấp cho các cựu thuộc địa Phi Châu hàng năm chừng 300 triệu Mỹ kim) Ngân khoản tín dụng và trợ cấp kỹ thuật Xô-Viết tặng dữ cho các nước Hắc Phi được phân chia như sau :

Ethiopie.— Nước này thiết lập quan-hệ ngoại giao với Nga đã lâu, từ 1940, nhận được những khoản tiền không quan trọng lắm và cũng không được xác định rõ. Ethiopie là nước đầu tiên tại Hắc Phi ký kết thỏa hiệp với Xô - Viết. Do thỏa hiệp này Ethiopie được Liên Xô cấp khoản tín dụng 400 triệu roubles cũ để thực hiện kế hoạch kỹ nghệ hóa ngũ niên, đặt trọng tâm vào việc kiến tạo cơ sở chế tạo sắt và các chất hóa học. Để đáp lại cuộc hợp tác này, Ethiopie cho xây cất lại một trường kỹ thuật tại Bahar Dar cho 1.000 học

http://tieulun.hopto.org

sinh. Liên Xô được Tiệp-Khắc tiếp tay, chấp thuận một khoản tín dụng 24,5 triệu quốc tệ Ethiopie (1 đồng Eth. = 0,45$) để mở mang kỹ nghệ và hầm mỏ.

Guinée.— Thỏa hiệp tháng 8 năm 1959 bảo đảm một khoản tín dụng 140 triệu roubles cũ và trợ cấp kỹ thuật để mở mang kỹ nghệ nhẹ, kỹ-nghệ thực phẩm và nông nghiệp. Tháng 3 năm 1960, ký kết một tạm ước, *protocole*, dự trù tài trợ kế hoạch tam niên (1960-1963) phát triển quốc gia, gồm: xây cất năm cơ xưởng (xi-măng, tà vẹc đường rầy, giầy dép, đóng hộp trái cây, lưu trữ thực phẩm bằng hơi lạnh) năm mươi bất động sản, một trường Bách-Khoa cho 1.500 học sinh và một sân vận động cho 25.000 khán giả, tại Conakry; trên địa hạt nông nghiệp: tổ chức và trang bị một khu ruộng và một nông trại sản xuất sữa tươi nhà nước. Sự đóng góp của các nước khác trong khối Cộng-Sản khá quan trọng. Tổng số tín dụng Cộng-sản đã cấp phát mà chưa sử dụng hết để thực hiện kế hoạch tam niên lên tới 120 triệu Mỹ-kim. Năm trăm chuyên viên Xô-Viết tới làm việc ở ngay trong xứ, và nhiều sinh viên Guinée được cấp học bổng theo học tại Liên-Xô.

Ghana.— Các thỏa hiệp ký kết hồi tháng 8 năm 1960 và tháng 2 năm 1961 dự trù một khoản tín dụng 160 triệu roubles cũ và trợ cấp kỹ thuật để xây dựng một máy phản lực nguyên tử, mở mang tiềm lực điện khí và kiến trúc nhiều bất động sản. Sự đóng góp của các nước « dân chủ nhân dân » khá quan trọng.

Mali.— Nước thứ ba trong khối Casablanca đã ký kết hồi tháng 3 năm 1961 một thỏa hiệp bảo đảm một khoản tín dụng 40 triệu roubles cũ và hợp tác kinh tế và kỹ thuật Xô-Viết — Mali. Liên-Xô cam kết tham gia các công tác cải thiện hệ thống giao thông trên sông Niger, xây dựng một nhà máy xi măng, một sân vận động cho 25.000 khán giả và một trường học cho 300 học sinh tại Bamako.

Somalie.— Thỏa hiệp tháng 6 năm 1961, dự trù một khoản tín dụng 40 triệu roubles cũ và trợ cấp bất hoán để xây dựng hai bệnh viện, một học đường, một nhà máy in và một đài phát thanh.

Cộng-Hòa Soudan.— Nước này trước đây đã ký kết một thỏa hiệp với Tiệp-Khắc, mới rồi lại nhận viện trợ của Xô-Viết hồi tháng 7 năm 1961.

Nỗ lực Xô.Viết tại các nước trên rất lớn lao và thường được tập trung trong một thời hạn rất ngắn; các dự án bao giờ cũng có vẻ khoe trương nhằm nâng đỡ các giá trị nhân bản (học đường, bệnh viện), do đấy gây ra những phản ứng tâm lý trong quần chúng không phải là không đáng kể. Viện trợ Cộng-sản còn được bổ túc bằng những cung cấp võ khí, những phái bộ quân sự (bao giờ cũng do các nước vệ tinh

http://tieulun.hopto.org

phụ trách) và bằng cách huấn luyện quân sự cho các người Phi-Châu tại Liên-Xô và Roumanie nữa.

Thái độ Xô-Viết đối với chủ nghĩa quốc gia Phi Châu

Theo con mắt của người Xô-Viết thì chủ nghĩa Liên Phi hiện tại — căn cứ theo cách thức nó thể hiện ra trong chương trình chính trị của các quốc gia Tây Phi — là một quan niệm lý tưởng chính thức của giai cấp tư sản là giai cấp vẫn còn lĩnh đóng vai trò tiền bộ có lợi cho chủ nghĩa cộng sản ở khắp Phi Châu. Chương trình thống nhất Phi Châu được nhìn dưới hai khía cạnh : thống nhất các quốc gia và thống nhất các giai tầng xã hội. Cuộc thống nhất các giai tầng xã hội quan trọng hơn, vì nó góp phần vào việc tiêu trừ chế độ bộ lạc để có thể từ đấy tiến tới lập thành chế độ quốc gia, (quá trình này hiện nay chưa hoàn tất) ; mặt khác nó chính là con đường đưa tới chỗ kiến tạo một mặt trận quốc gia thống nhất. Đó là đại khái ý kiến của người Xô-Viết về cuộc xây dựng Hiệp Chúng quốc Phi Châu. Chúng ta thấy ý kiến ấy có vẻ rất mông lung, không lấy gì làm chuẩn xác cho lắm.

Đến như thái độ của « chủ nghĩa xã hội » và « chủ nghĩa Mác-xít » Phi Châu, ta cũng thấy không được người Xô-Viết minh định cho rõ rệt hơn. Khi viện dẫn cuốn tự truyện của ông Nkrumah, ông Potekhine nhắc lại rằng Hội nghị Liên Phi thứ năm họp tại Manchester (1945) đã diễn ra dưới sự bảo trợ (?) của chủ nghĩa Mác-xít. Và ông Mikoyan cũng tuyên bố với ông Nkrumah : « Cái nó kết hợp chúng tôi với Ngài là ý chí muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội của Ngài ». Song những kẻ « mác-xít giả », *pseudo-marxistes*, có khuynh hướng muốn nhấn quá mạnh vào « cá tính Phi Châu », thường bị chỉ trích.

Thái độ chung của Liên Xô đối với chủ nghĩa Liên Phi được biểu diễn ra như sau :

« Lý tưởng Liên Phi chứa đựng khá nhiều yếu tố khác với quan điểm của chúng tôi. Tuy nhiên, chủ nghĩa Liên Phi nhằm thống nhất hết mọi dân tộc Phi Châu để đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân và chủ nghĩa đế quốc... nên trên phương diện ấy, chủ nghĩa Liên Phi đáng được hết mọi dân tộc có thiện chí ủng hộ. »

Người Xô-Viết không hề bỏ lỡ cơ hội ca tụng các giá trị của người Phi Châu. Tất cả những gì có liên quan xa gần đến ưu điểm của người da đen đối với người da trắng trong phương thuật đúc kim khí và đến ưu thế của người Ghana, Bénin và Bouganda ở thời trung cổ, đều được báo chương Xô-Viết trích thuật tường tận vô cùng. Ông Kozlov, khi tiếp đón ông Sékou-Touré tại Mạc-Tư-Khoa hồi tháng 11 năm 1959, đã cố tình ẩn vào bài diễn văn của ông nhiều đoạn xưng tụng phế tích, hoang tàn hùng vĩ Zimbabwe, coi là công trình trách tuyệt của những bậc đế vương xứ Ghana cổ thời, và đồng thời ca ngợi những giá trị văn hóa của các quốc gia Phi-Châu khác.

http://tieulun.hopto.org

Có nhiều vấn đề phát xuất tự chính sách Liên-Phi được người Xô-Viết đề cập đến một cách quá sơ lược và có dụng ý tuyên truyền rõ rệt, những dự án thiết lập một ngân hàng đầu tư và một thị trường chung cho các nước Phi-Châu, được họ trình bày như là một hình thức đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân và chủ nghĩa đế quốc. Trong chủ nghĩa Liên-Phi, chủ trương bất bạo động là sắc thái khác lạ nhất với quan điểm Xô-Viết. Người Xô-Viết cho người khởi xứng ra nó, ông Tom Mboya, là một kẻ « khó chịu », chuyên làm những điều vớ vẩn, chướng tai gai mắt. Họ còn cho ông là « tay sai của đế quốc ». Chủ trương bãi bỏ đường lối cách mệnh chống thực dân là phản bội cuộc đấu tranh giải phóng các dân tộc Phi-Châu.

Tuy nhiên, điều thua thiệt quan trọng nhất các nhà lãnh tụ Liên-Phi đã gây ra chủ nghĩa Mác-Xít tại Phi-Châu, chính là việc giải thoát phong trào nghiệp đoàn tại đây khỏi nanh vuốt của Liên-Hiệp Nghiệp-Đoàn Thế-Giới, là tổ chức ông Sékou Touré bảo là có chương trình không thích hợp với « lương tâm nghiệp đoàn của người Phi-Châu » chút nào.

***

Tóm lại, chúng ta có thể nói : nỗ lực của Xô-Viết hiện nay nhằm cải biến các cơ cấu của toàn bộ các quốc gia Phi-Châu hầu thiết lập tại đó một hình thức mới của chủ trương sống chung hòa bình (1).

HOÀNG-MINH-TUYNH

---

(1) Những đoạn chúng tôi trích dẫn, có đánh dấu «...», đều là những đoạn bằng pháp văn của ông Georges Kaniewicz dịch thẳng tự các tài liệu bằng Nga văn và đăng trong tạp chí « Revue de l'Action Populaire », số tháng 6-1962.

NHẬT BÁO

NGÔN LUẬN

TỜ BÁO ĐẦY ĐỦ NHẤT

THỎA MÃN ĐƯỢC NHU CẦU
CỦA **MỌI** NGƯỜI
TRONG GIA ĐÌNH

http://tieulun.hopto.org

THAI BANKING SERVICES IN SAIGON

Bangkok Bank Ltd.

SAIGON BRANCH

44, Nguyễn-Công-Trứ, 44

SAIGON

☆ ✦ ☆

HEAD OFFICE *Plapplachai, Bangkok.*

OVERSEAS BRANCHES :

LONDON *Barrington House 59-67 Gresham Street, London, E.C. 2*

TOKYO *No. 1, 2-Chome Muromachi, Nihonbashi, Chuo-ku, Tokyo*

HONGKONG *60, Bonham Strand West.*

CENTRAL DISTRICT *Shell House, Queen's Road.*

KOWLOON *580 A. Nathan Road Kowloon.*

SINGAPORE *64 South Bridge Road.*

KUALA LUMPUR *14 Ampang Street.*

http://tieulun.hopto.org

SARTRE, hay là thuyết Hiện-sinh phi-lý

TRẦN-HƯƠNG-TỬ

(xem từ B. K. số 132)

II. — HỮU-THỂ TỰ-QUY HAY LÀ NHÂN-SINH-QUAN CỦA SARTRE

J. P. SARTRE

Triết của Sartre tự nhận là Hiện-sinh chủ-nghĩa, tất nhiên ông dành một phần quan-trọng cho Hiện-sinh. Phần Nhân-sinh-quan của Sartre quả thực chiếm một địa vị đặc biệt trong các tác phẩm triết học của ông: có thể nói tất cả các phân-tích tâm-lý và nhận định siêu-hình-học của ông đều quy về việc thiết lập một nhân-sinh-quan mới. Không những mới đối với các triết thuyết cổ truyền, mà còn mới hẳn đối với các trào lưu hiện-sinh hiện-đại nữa. Đối-lập với Marcel và Jaspers ở chỗ Sartre không công nhận có Thượng-đế và không chịu nhận một tương-quan nào giữa con người và Thượng-đế, ông còn đối-lập ngay cả với Heidegger ở chỗ chủ-trương rằng « con người là một đam-mê vô ích », cả đời chạy theo một cái bóng ma.

Để dễ nắm được cái then chốt của nhân-sinh-quan theo học-thuyết Sartre, chúng ta nên nhớ ngay hai điểm này: thứ nhất, con người khác sự vật ở chỗ có ý-thức; hai là, bản-tính của ý-thức là dự-phóng. Về điểm thứ nhất, tưởng không cần bàn thêm, nhưng chỉ cần nhắc lại rằng: Descartes đã đồng-hóa con người với tinh-thần thuần-túy, Hégel đã đồng-hóa con người với tinh-thần tuyệt-đối, còn Sartre

http://tieulun.hopto.org

lại chỉ coi con người là ý-thức mà thôi, một ý-thức có dự-tính tiến đến vô-cùng, và vì không thể đạt được cái vô cùng đó, cho nên kết cục ý-thức đó tự nhận rằng mình có bản-tính phi-lý. Coi con người là ý-thức, Sartre đã không làm việc chi mới lạ : Hégel đã chủ-trương như thế, và nhất là Husserl đã trình bày rõ ràng rằng không thể có ý-thức thuần-túy, nhưng chỉ có *ý-thức về* một cái gì (conscience-de). Vì con người chỉ có thể sinh hoạt tại thế, cho nên ý-thức của ta sẽ hoặc có nội dung là vũ-trụ, hoặc có nội dung là những sinh-hoạt của ta trong vũ-trụ. Như vậy ý-thức không bao giờ tự ý-thức về mình : nó chỉ ý-thức về môi-trường sinh-hoạt của mình, hoặc ý-thức về những hành vi đã qua của nó. Tóm lại, theo Sartre, thì con người khác con vật ở chỗ có ý-thức : con vật sống đắm mình trong hiện-tại ; vì thế Sartre thường nói sự vật thì nhầy nhụa và dính chặt (visqueux). Con vật không có khả năng « tháo mình ra » để dự-tính tương-lai, hoặc hồi-tưởng về dĩ vãng : con vật bị gắn chặt với môi-trường hiện-tại và thời gian hiện-tại ; trái lại, bản-tính con người là ý-thức, và ý-thức thì luôn luôn phóng mình ra phía trước để đón nhận các đối-tượng. Các đối-tượng luôn luôn thay đổi, ý-thức con người cũng theo đó mà đổi luôn ; hơn nữa, tâm-trí con người ta thường chỉ nhìn về cái *sắp tới* ngay, hoặc sắp tới mai ngày : hai đặc-tính này của ý-thức con người được coi là căn-bản của sinh-hoạt tinh-thần. Cũng vì thế, Sartre có lý phần nào để định-nghĩa con người bằng ý-thức của con người.

Chúng ta vừa nhắc qua mấy điểm về lập-trường của Sartre lấy ý-thức để định nghĩa con người. Bây giờ chúng ta bàn đến *dự-phóng* (pro-jet) là ý-hướng sinh-hoạt của con người. Nói cho đúng bản-tính con người không phải là dự-phóng, nhưng là có dự-phóng. Husserl viết : «Bản-tính của ý-thức là hướng tới» Đó là *ý-hướng-tính*, một danh-từ quen thuộc của Tâm-lý-học hiện đại. Tâm-linh con người không nằm lỳ lỳ bất-động như sự vật, nhưng luôn luôn hướng tới ; khi thì nó hướng tới vật này, khi nó hướng tới người kia : không khi nào nó thôi hướng tới như vậy, nghĩa là không khi nào nó thiếu nội dung. Không có nội-dung này thì có nội-dung khác ; ý-thức con người không ở tình trạng thuần-túy, sạch không. Cả những khi chúng ta tưởng mình không nghĩ chi hết, thì lúc đó chúng ta cũng thực sự có nghĩ một cái gì đó : người ta nhiều khi bắt chợt mình đang theo đuổi những ý nghĩ xa xa, những mộng chưa thành hình rõ rệt, những sự vật mà chúng ta chưa kịp nhận thức rằng chúng ta biết chúng. Tất cả những điều trên đây chưa có gì ra ngoài hướng đi của Husserl và khoa Hiện tượng-học.

Sartre đã trễ ngang : ông đã dùng Hiện-tượng-học để bênh vực cho một *nhân-sinh-quan* của ông. Trong khi đại đa-số các nhà hiện-tượng-học đi vào triết-lý hiện-sinh để xây một triết học nhân-vị, đề-cao tự-do nhân-vị và định mệnh độc đáo của mỗi con người, như Mounier và Berdiaeff đã nhận định và chúng tôi đã nêu lên ngay tự bài đầu tiên loạt bài này, thì, trái lại, Sartre đã muốn dẫn chúng ta vào con đường hiện-sinh hư-vô và phi-lý. Tại sao lại có sự khác biệt như thế giữa Sartre và các triết-

http://tieulun.hopto.org

gia hiện-sinh khác ? Thưa vì Sartre không nhận có định-mệnh, không nhận có đời sau, không nhận có tội phúc và thưởng phạt nào hết ; tuy ông không nói rõ ràng con người chết là hết truyện, nhưng ai cũng dễ nhận thấy đó là chủ trương của ông. Đúng như R. Verneaux đã nói trên đây : « Triết-học của Sartre là chính triết học của Hégel mà thiếu phần tổng-đề». Con người của Sartre chỉ cắm cúi nhoài mình về phía trước, nhưng không bao giờ vãn hồi được những giá trị tinh-thần của những hành-vi mình. Như thế chúng ta mới hiểu tại sao Sartre đã định nghĩa con người là *dự-phóng*. Theo Hégel, sau cùng con người có thể đạt được tất cả những dự-phóng của mình ; còn theo Sartre, thì cho đến chết, con người tất-tả chạy theo trăm ngàn dự-phóng, hết dự-phóng này đến dự-phóng kia, rồi rút cục chẳng bao giờ mãn nguyện : *con người sẽ chết trong thất-vọng và chán-ngán.*

Dưới đây chúng ta sẽ lần lượt tìm hiểu ba dự-phóng then chốt nhất của con người theo học-thuyết Sartae : dự-phóng chiếm-hữu, dự-phóng thông-cảm và dự-phóng tự vãn-hồi. Nhưng, trước khi đi vào nội-dung những dự-phóng đó, thiết tưởng cũng cần biết rõ ràng thế nào là một dự-phóng theo tư-tưởng của Sartre.

***

Dự-phóng là gì ?

Theo Sartre, thì dự-phóng là tự-tạo cho mình một đối-tượng để mà theo đuổi.

Các học-giả thường nhắc đến một trang sách ý-vị của Sartre : « Khi tôi vào tiệm cà-phê để tìm thằng Pierre, tất cả sự vật trong tiệm, tự cô bán hàng duyên dáng cho chí những a[illegible] tôi quen thuộc đang ngồi uống h[illegible] đang chơi bi-da, đều trở thành một cái chi vô-định, giống như cái nền-ảnh (fond) mà trên đó tôi đợi thấy hình-ảnh của Pierre nổi bật lên » (*L'être et le néant*, p. 44). Xem thế : cùng một sự vật mà có thể trở thành hai ba đối-tượng cho tôi. Thí dụ trên đây : mọi khi tôi vào hàng, việc đầu tiên là nhìn mặt tươi cười của cô bán hàng ; vậy mà hôm nay, vì tôi có ý tìm thằng Pierre, cho nên duyên dáng của cô ta cũng không cứu cô thoát khỏi tình trạng chìm trong đống vô-định của cái nền-ảnh. Như vậy, dự-phóng là công việc của tâm-linh ta. Với dự-phóng, ta có quyền mặc cho vạn vật những ý-nghĩa mà có lẽ tự chúng không có. Kinh nghiệm hằng ngày cho hay : những chàng thanh niên vào tiệm nọ mua kẹo một ngày có đến mấy lần, nhưng các anh có thèm kẹo đâu. Mua rồi ăn vài chiếc, rồi cho chúng bạn. Cũng có khi mua kẹo rồi để cả mớ ở nhà, chảy nước. Các anh vào hàng để ngắm cô bán hàng và tán truyện. Trái lại, mấy đứa nhỏ cũng hay vào tiệm mua kẹo, nhưng chúng chưa ra khỏi tiệm đã mút kẹo rồi. Giá có hỏi mặt mũi cô bán hàng nọ thế nào, chắc các em không trả lời nổi.

Dự-phóng là tự tạo cho mình một đối-tượng. Dự phóng là hóa phép cho có những hình-ảnh nảy lên tự những đống dữ-kiện kia. Dự-phóng là gán những ý-nghĩa cho sự vật. Sự vật nguyên nó không có ý-nghĩa nào hẳn : bản-tính của sự vật là hàm-hồ, lưỡng diện, có thể nảy lên hình này mà cũng có thể nảy lên hình khác. Tiệm bán kẹo trên đây đã có hai ý-nghĩa : những

http://tieulun.hopto.org

chiếc kẹo [illegible]n con nít đang cần ăn để lớn lên, [illegible]ô thiếu-nữ duyên dáng cho mấy thanh niên đang thèm khát ái tình.

Nhờ dự-phóng, con người được coi như có quyền *sáng-tạo* và biến-chế vũ-trụ: vạn vật hiện ra theo những ý-hướng của ta. Cũng một nửa trái đào của người cung-phi mà ý-nghĩa khác nhau làm sao: khi còn được vua say mê, thì vua sung sướng cầm lấy nửa trái đào và khen: « Thật là chí tình, một trái đào mà cũng cắn đôi, không quên trẫm ». Nhưng khi tình yêu đã phai, nhan sắc đã nhạt, thì vua thịnh nộ quát: « Quân vô lễ và phạm thượng, dám cho trẫm ăn thừa ». Thực ra, chúng ta chỉ sống những ý-nghĩa đó của sự vật mà thôi: những ý-nghĩa đó, ta không phải đi kiếm đâu xa, vì chúng đáp lại những ý-hướng của ta. Thành thử một cách gọn ghẽ cho dễ nhớ thì có thể nói như thế này: *ý-hướng* của ta là *ý-nghĩa* của sự vật. Thường người ta đổ lỗi cho hoàn cảnh, nhưng nói đúng ra thì chính chúng ta gây nên hoàn cảnh cho mình: hoàn cảnh chỉ có ý-nghĩa nọ ý-nghĩa kia, vì chúng ta đã có ý-hướng này ý-hướng khác. Trong hai hoàn cảnh giống hệt nhau, vậy mà người hiền đã nhờ đó mà tiến đức, còn kẻ độc ác lại do đấy mà đi sâu vào đường tà.

Trên đây chúng tôi mới trình bày dự-phóng theo nghĩa thông thường nhất người ta đọc thấy trong sách vở của Sartre. Dự-phóng theo nghĩa thứ nhất này là dự-phóng của con người đối với vạn vật. Husserl gọi là « sự kiện ta gán ý-nghĩa cho vạn vật » (Sinngebung). Đây chúng tôi không muốn phê-bình lập trường đôi khi quá trớn của Sartre cho rằng sự vật bao giờ cũng có ý-nghĩa mà ta gán cho nó; chúng tôi chỉ xin lưu ý rằng chỉ có phần ý-nghĩa *cho ta* (pour nous) là hàm-hồ nơi sự vật mà thôi, ngoài ra sự vật vẫn có một ý-nghĩa nào đó *của nó*, và xin tạm gọi là ý-nghĩa chung cho mọi người. Ý-nghĩa này không hoàn toàn tùy ở ta: thí dụ tôi không thể nhìn cô bán hàng cà-phê ra thằng Pierre được, và cũng không lẫn nửa trái đào với một trái đào còn nguyên được. Thành thử chỉ có ý-nghĩa của sự vật *đối với tôi* là có thể tùy ý-hướng tôi mà thay đổi.

Bây giờ chúng ta bàn đến một thứ dự-phóng căn-bản nhất trong học thuyết Sartre: dự-phóng của con người về chính mình nó. Đây con người không còn dùng dự-phóng để gán ý-nghĩa cho sự vật, nhưng là gán ý-nghĩa cho đời sống của mình. Theo ông, cuộc đời con người nguyên nó không có ý-nghĩa nào hết: nó chỉ có ý-nghĩa mà ta gán cho nó. Tư-tưởng này của Sartre được trình bày trong suốt cuốn *L'Existentialisme est un humanisme* và phần IV cuốn *L'être et le néant* (pp.508-708). Có thể tóm tắt tư-tưởng của Sartre vào mấy điểm sau đây:

a) Trước hết, Sartre cực lực chối bỏ quan niệm *bản-tính con người* của triết-học cổ truyền Tây-phương. Platon và Aristote chủ-trương rằng tất cả chúng ta đều là những cá-vị của một loài: các con trâu giống nhau thế nào, thì các con người ta cũng giống nhau như thế, vì các vật trong một loại nhất thiết phải giống nhau. Ý-tưởng này đã được học

http://tieulun.hopto.org

thuyết Ki-tô giáo sửa chữa và bổ túc, mang đến cho triết học một quan-niệm đích thực hơn về nhân-vị con người : chúng ta giống nhau về bản-tính, nghĩa là chúng ta ai cũng là người như ai, nhưng làm người cũng có trăm ngàn cách làm người, vì có người làm thánh, có người làm quỷ, có người chí-khí tài cao, có người sống lầm lỳ như khối thịt ; tuy nhiên triết-học Ki-tô-giáo nhận định rằng con người là vật thụ tạo và hữu-hạn, cho nên con người không được tự ý hủy-diệt mình, hoặc xử dụng đời mình theo ý mình. Nói thế không có nghĩa là con người không có quyền vươn lên ; trái lại Thiên Chúa kêu mời con người « trở nên toàn hảo như Thiên Chúa » (Thánh kinh). Tóm lại, theo Ki-tô-giáo và những triết-học chịu ảnh-hưởng tôn-giáo đó như Descartes, Marcel, Jaspers v.v..., con người là vật thụ-tạo, là con của Thiên Chúa và được Thiên Chúa kêu mời tiến lên mức toàn thiện.

Sartre không nghĩ thế. Việc đầu tiên của ông là chối bỏ Thượng-đế và chối bỏ không nhận con người là thụ-tạo của Ngài. Hơn nữa ông chủ trương cứng rắn rằng : không có bản-tính con người. Con người phải tự tạo ra bản-tính của mình. Trong ý đó, ông thường viết : « *Bản-tính đến sau hiện-sinh* ». Câu này có nghĩa là : cuộc đời của ta chỉ có ý-nghĩa do ta tạo nên cho nó mà thôi, trước đó không có bản-tính hay ý-nghĩa nào hết. Sartre còn hay viết : « Con người phải tự phát-minh ra mình », nghĩa là tự ý muốn sống thế nào thì sống, miễn là thể-hiện được cái dự-phóng của mình về đời mình. Nói thế, Sartre muốn con người được toàn quyền đặt ý-nghĩa cho đời mình.

b) Được toàn quyền tự-quyết, con người sẽ quyết hướng đời mình theo đường nào ? Lấy tiêu-chuẩn nào làm căn-cứ phân biệt thiện ác ? Tại sao tôi lại chọn dự-phóng này (thí dụ làm chính trị) và bỏ dự-phóng kia (thí dụ tham gia công việc giáo-dục) ? Sartre trả lời rằng những câu hỏi như thế hoàn toàn vô-nghĩa. Theo ông, thì tất cả những quyết định của ta đều phi-lý, hay nói đúng hơn, đều không có lý-do nào hết. « *Quand je délibère, les jeux sont faits* ». Khi tôi suy-tính, thì truyện đã ngã ngũ rồi ». (*L'être et le néant* p. 527). Sartre có ý nói rằng : khi con người tưởng suy-tính hơn thiệt để quyết-định đàng nào, thì khi đó nó chỉ tìm lẽ để biện-hộ cho sự chọn của mình mà thôi ; chính sự chọn thì đã rồi, vì sự chọn là ý-thức ta có về hoàn cảnh đó, mà hoàn-cảnh đó lại là kết-quả sự nhận-thức của ta (đáp lại một ý-hướng của ta). Cho nên Sartre không ngần ngại viết : « Chính tôi là lý-do của sự chọn đó : trong hoàn cảnh đó, tôi đã ý-thức như thế về sự vật, thì đó cũng chính là sự chọn của tôi. Sự chọn và ý-thức cũng là một (choix et conscience sont une seule et même chose) (*L'être et le néant* p. 539). Càng đọc Sartre, ta càng thấy ông chủ-trương rõ ràng : sự chọn của ta không bao giờ có lý-do. Sự chọn đó bao giờ cũng đi trước lý-do. *Không phải vì có lý mà ta chọn, nhưng vì ta chọn cho nên có lý.*

Thực Sartre đã nâng con người lên bậc chúa tể, tự mình đặt luật lệ cho vũ-trụ và cho chính mình nữa. Sartre đã dám viết : « Thực ra, chúng ta là một tự-do

http://tieulun.hopto.org

để lựa chọn. Vậy ng chúng ta đã không chọn được tự : chúng ta bị lên án phải tự-do. En fait, nous sommes une liberté qui choisit, mais nous ne choisissons pas d'être libres : nous sommes condamnés à la liberté ». (*L'être et le néant* p. 565). Chúng ta bị án phải tự-do, nghĩa là chúng ta làm gì và làm thế nào thì chúng ta vẫn cứ tự-do, vì chúng ta *là* tự-do. Nếu nhớ ý-tưởng trên kia của Sartre (không phải vì sự vật tốt mà ta chọn nó, nhưng vì ta chọn nó mà nó tốt), chúng ta dễ hiểu tại sao Sartre lại dám chủ-trương rằng « chúng ta bị lên án phải tự-do » : là vì chính sự chọn của ta không bao giờ có lý-do, sự chọn đó hoàn toàn do tự ý của ta, như vậy nếu chọn là *tự chọn* và tự chọn là *tự-do*, thì quả thực ta tự do luôn và không làm sao tránh được khỏi tự-do.

Trong cuốn *L'Existentialsime est un Humanisme* đã lấy một thí dụ để trình bày quan điểm của ông : nếu Thiên Chúa dựng nên con người, thì con người phải thể-hiện đúng như dự-tính của Ngài khi sáng tạo nên con người, cũng như người thợ cầm mảnh sừng trong tay và nghĩ sẽ chế-tạo nên một con dao dọc giấy : con dao dọc giấy sẽ đáp lại đúng dự-tính của người thợ sừng, và cũng thế, con người sẽ đáp lại đúng dự-tính của Hóa-Công. Theo Sartre, như vậy làm gì còn tự-do con người ? Sartre liền tuyên-bố không có Thiên Chúa và kết luận rằng con người phải tự tìm lấy ý-nghĩa đời sống cho mình. Tự đó, ông đã đi tới chỗ nêu lên hai ý-nghĩa của *dự-phóng* mà chúng ta vừa lược lại trên đây.

***

Dự-phóng là dự-tính. Sinh-hoạt là diễn tiến, là hướng về tương-lai, cho nên con người không thể không có dự-phóng. Sartre thu gồm tất cả các dự-phóng của con người vào ba loại mà thôi, và ông gọi là ba « phạm-trù của sinh-hoạt con người». Đó là : *làm, có, là* (*L'être et le néant*, p. 664 :« Les trois grandes catégories de l'existence humaine concrète : *faire, avoir, être* »). Sau đó ông cho rằng phạm-trù «làm» có tính-chất tạm thời ; nó chỉ là phương-tiện để thể hiện hai phạm-trù kia mà thôi. Thành thử kết cục chỉ còn hai phạm trù «có» và «là» (gần giống như hai phạm-trù Chiếm-hữu và Hiện-hữu của Gabriel Marcel).

Sở dĩ chúng ta cần biết qua mấy phạm trù này của Sartre, vì ông thường phân tích các trạng thái sinh hoạt con người theo chiều hướng đó : con người dùng *hành-động* («làm») để đạt được những sở nguyện của mình, như *có* căn nhà, *có* địa vị, *có* gia-đình («có»), tuy nhiên càng có nhiều càng chán ngán, càng thấy mình có nhiều tham vọng, bởi vì con người muốn có tất cả, và muốn mình *là* tất cả («là»). Đó là một tham-vọng hão-huyền, không thể nào thực hiện được ; nhưng con người cũng không thể nào không có tham vọng đó : thành thử bản-tính con người là chạy theo những dự phóng, mà những dự-phóng đó cứ càng ngày càng biến xa đi. Vì thế Sartre đã kết luận rằng «đời người là một đam-mê vô ích». Ba phạm-trù (làm, có, là) tượng-trưng ba loại dự-phóng căn-bản nhất của con người theo phương-diện *chủ-thể* : đó là những *ý-hướng* sâu xa nhất của con người. Những *ý-hướng* đó dẫn ta chạy theo những *đối-tượng*

http://tieulun.hopto.org

rõ rệt. Chính những đối-tượng này đã cụ-thể-hóa những ý-hướng kia. Thực ra những phân-tích của Sartre về các đối-tượng này tỏ ra cụ-thể và dễ hiểu, vì ở đây ông đưa ra những sự kiện, chứ không bàn xuông về những phạm-trù trừu-tượng nữa. Và đó cũng là đường lối chúng ta theo ở đây để tìm hiểu nhân-sinh-quan của Sartre.

Bây giờ đã đến lúc chúng ta nhìn thẳng vào ba dự-phóng được Sartre coi là căn bản nhất của con người : dự-phóng có, dự-phóng thông-cảm với tha nhận, và dự-phóng tự vãn-hồi bản-thân.

A. — Dự-phóng có.

Ta chỉ muốn có cái gì ta thiếu, một khi ta cảm thấy ta là sự thiếu đó *(L'être et le néant*, p. 664). Cũng nên nhớ : Sartre định nghĩa bản tính con người là *vô thể tính* (néantise) ; sánh với sự vật là cái chi đầy ứ và rắn cắc, Sartre bảo bản tính con người là *rỗng hổng* (décompression) ; vì rỗng hổng, nó mới thâu nhận được các sự vật không phải là nó, còn các sự vật thì đầy ứ (massif) cho nên chúng chỉ là chúng và không thể thâu nhận được cái chi khác cả. Bởi vậy khi gọi bản tính con người là sự *thiếu* (manque), Sartre cũng chỉ nhắc lại tính-chất rỗng hổng của bản-tính đó mà thôi.

Sartre viết : *«Le pour-soi choisit parce qu'il est manque, la liberté ne fait qu'un avec le manque, elle est le mode d'être concret du manque d'être»* (Ibid. p. 652). Xin tạm dịch là : «Chủ-thể lựa chọn, vì chủ thể là sự thiếu ; tự-do và sự thiếu đó cũng là một, vì tự-do chỉ là tình-trạng cụ-thể của sự thiếu kia ». Cũng như chiếc cốc dùng để giác con bệnh (ventouse), nó hút chặt và hút bởi một [illegible]ượng con bệnh vào trong lòng cốc, chứ nó «thiếu» không khí : cũng vậy, con người đi kiếm những cái mà nó thiếu. Cái mà nó thiếu đó có thể là bát cơm, manh áo, có thể là xe hơi nhà lầu, có thể là một người đẹp và cũng có thể là một bức sơn mài tuyệt mỹ (Ibid. p. 664). Mọi sự tùy ở tình trạng «thiếu» hiện nay của mỗi người. Trong những nước tư-bản hoặc theo tư-bản, đại đa số dân chúng sống trong nghèo khổ bên cạnh một số nhỏ những ông giầu sang như vua chúa đời xưa : người dân nghèo thiếu cái chi ? Họ thiếu những cái cần thiết nhất, cơm áo cho họ và gia đình họ, sống hôm nay lo ngày mai. Họ ngắm người khi thấy mấy chiếc xe *Mercedès* chở mỗi một đứa bé con của mấy ổng đi học. Họ không có giờ để nghĩ nhiều hơn ; họ lại trở về mối bận tâm thường xuyên của họ : làm sao có cơm áo. Trong khi đó, mấy ông kia tìm hết thuốc này đến thuốc nọ mà vẫn không thấy đói mỗi khi ngồi vào bàn ăn la liệt những món tây trộn lẫn món tầu. Mấy ổng chơi chán xe này lại mua xe kia, nghe có kiểu nào mới là mua ngay ; và thấy đâu có hoa thơm cỏ lạ, các ổng thể nào cũng có kế để hưởng những hương sắc đó. Rồi cũng chán. Mối bận tâm của mấy ổng ấy là kiếm cách « giải trí ». Mấy ổng cần giải trí, vì thấy cuộc đời «thường lệ» quá đi. Một trang trong cuốn *Nôn mửa* vẽ nên cảnh đó bằng những mầu khá đậm : sau nhiều năm sống bừa bãi ở tỉnh nhỏ, chàng Roquentin dọn về Paris để «thay đổi không khí» ; nhưng rồi chàng vẫn thấy chán. Chàng than : «Trời ơi ! Tôi biết làm gì những ngày

http://tieulun.hopto.org

dài đằng ... này ? Tôi sẽ đi dạo chơi. Tôi ... ngồi từng giờ ở vườn Bách Thảo. Tôi sẽ vào thư viện đọc sách. Tôi sẽ đi coi Xi-nê. Gì nữa ?... Tôi mới ba mươi tuổi đầu. Tôi thương hại cho thân tôi. Có lúc tôi nghĩ hay là tiêu phăng 3 triệu quan trong một năm cho xong. Mà tiêu cái gì ? May sắm thêm ? Kiếm thêm «mèo» ? Đi du lịch ? Tất cả những món đó, tôi thừa nhiều quá, và đã chán ngấy rồi » (*La Nausée* p. 243).

Người nghèo thì muốn được no ấm như người giầu. Người giầu lại thèm ước giầu thêm. Con người không bao giờ thỏa mãn được mối tham. Dự-phóng *có* sẽ không bao giờ được thể hiện mỹ mãn. Tại sao thế ? Tại tình cờ chăng hay là tại bản-tính sự vật ? Sartre thưa là tại bản-tính sự vật, nghĩa là sự thể nhất định phải như thế : con người luôn luôn phóng mình chạy theo những hoài-vọng của mình, đồng thời những hoài-vọng đó không bao giờ chấm hết (nhân dục vô nhai mà !). Đây xin lược dịch một đoạn văn của Sartre trả lời câu hỏi trên : « Những nhà đạo-đức-học thâm thúy nhất đã vạch cho ta thấy những dục-vọng của con người phải được vượt qua. Stendhal và Proust đều chứng-nghiệm rằng ái-tình và ghen-tuông không thể kết thúc bằng việc chiếm-hữu một cô gái đẹp, nhưng các tâm-tình đó nhằm chiếm lấy toàn thể vũ-trụ qua người con gái đó. Người đàn bà, trong những trường hợp như thế, chỉ là hình-thái cụ-thể và dễ chiếm của vũ-trụ đối với ta mà thôi. Những tiểu-thuyết-gia Công-giáo cũng nhận định tính háo sắc của hạng Don Juan chỉ là một trạng-thái trống rỗng của tâm-hồn con người, khi họ « thiếu » Thiên Chúa. Thành thử tất cả các đam-mê kia chẳng qua chỉ là những khía cạnh của cùng một dự-phóng căn-bản : dự-phóng chiếm lấy toàn thể vũ-trụ. Vũ-trụ là tha-thể (l'Autre) đối với con người : con người không được thỏa mãn trước khi vãn-hồi tất cả những gì là tha-thể đối-diện với nó đó ». (*L'être et le néant* p. 648-650). Những ý-tưởng của Sartre biểu lộ trong đoạn văn đây không phải là không có phần đích đáng. Ông đã muốn nói lên một sự thực mà con người mọi nơi và mọi thời vẫn hằng tin tưởng. Sự thực đó là : con người có bản-tính thần-linh, cho nên những ước muốn của con người thường có ý bao trùm lấy cả trời đất. Thánh Augustin viết : « Lòng chúng ta không nguôi cho đến khi đạt được an-nghỉ nơi Thiên Chúa ». Thi sĩ Lamartine thì viết : « Con người là một thiên thần rơi xuống trần gian, không thể quên được nhà trời của mình ». Triết-học Ấn-độ trong bộ Kinh Upanishad lại chủ-trương : « Ngã (âtman) cũng chính là Balamôn (Brahman). Con người, hay nói đúng hơn, phần tâm-linh con người cũng chính là Tinh-thần tuyệt-đối của vũ-trụ ». Bằng cách này hay bằng cách khác, những danh-ngôn trên đây đều chung nhau một niềm tin : con người ước mong đạt được cái Vô-cùng, mặc dầu cái Vô-cùng đó có tên là Thiên Chúa hay Balamôn. Điều này đã được Sartre nhận định đứng đắn. Chúng ta không thấy cần phê bình chi ; nhưng Sartre đáng trách ở chỗ chủ-trương rằng con người không thể nào thực-hiện được hoài-vọng cao cả đó. Chung quy cũng tại vì Sartre vô-thần, không nhận có Thượng-đế ; không nhận óc Thượng-đế, nhất định Sartre buộc lòng

http://tieulun.hopto.org

phải quan-niệm *Vô cùng* kia như kiểu một thực-tại *vô-định* (l'indéfini). Mà vô-định, thì làm sao mà đạt được ? Chính Vô-định đó là cái bóng ma, ta càng lại gần thì nó càng xa ra mãi, gây nên tình trạng «đam-mê vô ích» cho con người của Sartre.

Tự dự-phóng « có », Sartre đã dẫn chúng ta qua dự-phóng « là » : con người muốn có tất cả vũ-trụ tha-thể làm của riêng mình ; con người muốn mình *là* tất cả vũ-trụ, muốn thanh toán tất cả những gì là tha-thể để mang vào trong bản-ngã của mình. Theo kiểu nói cổ truyền, thì qua *những cái đẹp*, con người vẫn hướng về Tuyệt *Mỹ*, và qua *những cái tốt lành*, con người vẫn hướng về *Thiện*, và qua *những điều chân thực*, con người luôn luôn hướng tới *Chân*. Tuy Sartre không dùng kiểu nói đó, nhưng ý-tưởng ông là như vậy : quả thế, mấy trang sau đó Sartre đã viết rõ ràng là « hoài-vọng căn-bản của con người là hoài[illegible]ru-thể, *désir d'être* » (*L'être et [illegible]ant*, p.652). Liền sau đó, Sartre nói [illegible] « con người là chính hoài-vọng làm Thượng-đế, *l'homme est fondamentalement désir d'être Dieu* » (Ibid.p.654).

Như vậy dự-phóng *làm* đưa ta tới dự-phóng *có*, và dự-phóng *có* kết cục sẽ quy về dự-phóng *là* tức dự-phóng hữu-thể (projet d'être). Mà không phải ta có dự-phóng *là* bất cứ cái chi, nhưng dự-phóng căn-bản đó là dự-phóng làm Thượng đế. Theo Sartre, dự-phóng này hoàn-toàn mâu-thuẫn, phi-lý.

Xem thế, dự-phóng *có* sẽ kết thúc ở chỗ phi-lý.

(còn nữa)

TRẦN-HƯƠNG-TỬ

Kỳ sau : *Dự phóng thông cảm với tha-nhân Dự phóng tự vãn hồi.*

« SỰ AN-NINH CỦA BẠN LÀ TÙY NƠI NGƯỜI BẢO-HIỂM BẠN »

DESCOURS & CABAUD

BẢO-HIỂM

27-29, Đại lộ Hàm-Nghi — SAIGON

Điện-thoại : 23.739

ACCIDENTS — INCENDIE — TRANSPORTS — RISQUES DIVERS
Tai-Nạn Hỏa-Hoạn Hàng-Hải Linh-Tinh

ĐẠI-LÝ

của

MUTUELLE GÉNÉRALE FRANCAISE ACCIDENTS

CENTRALE — RHONE MEDITERRANEE

LA MUTUELLE DU MANS

Chi ngánh : *PARIS — TOURANE — CHOLON — DALAT — CANTHO*
VIENTIANE — HONGKONG TANANARIVE — TAMATAVE ABIDJAN DOUALA

http://tieulun.hopto.org

...ÉTÉ INDOCHINOISE DE DOCUMENTATION

et de

REPRÉSENTATIONS COMMERCIALES

S.I.D.E.R.C.O.

EXCLUSIVITÉS :

Whisky « **BALLANTINE'S** »

Cognac « **COURVOISIER** »

Sardines « **LES OCÉANIDES** »

Champagne « **HEIDSIECK & Co MONOPOLE** »

Vins de Chianti et Vermouth
« **MIRAFIORE** »

Vin Rose Valpoliella Chiaretto
« **MONTRESOR** »

Huile d'Olive « **ADOLPHE PUGET** »

18, Bến Bạch Đằng
SAIGON

Tél : 20.055

LA SOCIÉTÉ URBAINE FONCIÈRE

S. U. F. O.

18, BEN BACH DANG — SAIGON

http://tieulun.hopto.org

CÁC TRẺ SƠ SINH

VÀ TRẺ EM

NUÔI BẰNG

SỮA BỘT

Guigoz

— Mau mập

— Ít đau

— Chóng lớn

— Khỏe mạnh

Tổng phát hành : TRUNG VIỆT DƯỢC PHẨM CUỘC

66, GIA-LONG — SAIGON

http://tieulun.hopto.org

B. N. C. I.

BANQUE NATIONALE pour le Commerce et l'Industrie

S. A. au capital de 80.000.000 N. F.
siège social : 16 Bd des Italiens Paris 9e

SAIGON

36 Rue TÔN-THẤT-ĐẠM

135. Đại-lộ N G U Y Ễ N - H U Ệ

(ex Charner)

Téléphones : 21.902 — (3 Lignes)
22.797 — B.P.E. 5

PHNOM-PENH

26, *Moha Vithei Preah Bat Norodom*

(ex Dudart de Lagrée)

Téléphones : 385 et 543

B.P. 122

Succursale de Hongkong

Central Building Queen's Road Central

Tel. 35.601

P.O. Box nº 763

La B. N. C. I. et ses filiale possèdent plus de 1.000 sièges en France, dans les territoires d'Outre-Mer et à l'Étranger, notamment en A. O. F., A. E. F. Antilles, Colombie, Uruguay, Sarre — Francfort-sur-le Main (Bureau de Représentation), en Afrique du Nord, Irak, Syrie et Liban (B.N.C.I. « A ») ; à Madagascar et à la Réunion, à Djibouti, à Addis-Abeba (Bureau de Représentation) (BANQUE NATIONALE POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE — OCEAN INDIEN) ; à Londres, Lagos, Apapa, Kane, Ebute Matta (British and French Bank) ; à Bâle (Banque pour le Commerce International) ; à Mexico Banco del Atlantico ; à Panama (Panama Trust Co. Inc.).

http://tieulun.hopto.org

BỬU-KẾ

tòa khâm sứ

tiếp theo và hết

(xem từ B. K. 131)

Trong thời gian Lemaire lưu trú ở Huế, một việc quan trọng đã xảy ra. Đó là việc Gia Hưng Quận vương bị hại.

Gia-Hưng tên là Hồng-Hưu, con thứ 8 của vua Thiệu-Trị. Năm Tự-Đức thứ 36, phong tước Quận vương giữ chức Hữu Tôn nhơn. Lúc vua Kiến-Phúc lên ngôi, vì còn nhỏ tuổi nên chuẩn cho Quận vương sung chức Phụ chánh thân thần, cùng với Nguyễn Văn-Tường, Tôn-Thất-Thuyết trông coi việc nước. Đến triều Hàm-Nghi Trần-Tịnh Quận vương (1) tâu hạch Gia-Hưng « nhân tư phế công, tiết quân quốc trọng sự » (vì riêng mà bỏ công, tiết lộ những việc lớn lao quân sự). Nguyễn-Văn-Tường và Tôn-Thất Thuyết cũng tổ giác Vương thường năng lui tới quan thông với viên cựu Khâm sứ Rheinart. Vì những tội kể trên, Vương bị kết án cách hết chức hàm, đày đi Lao-Bảo (Quảng Trị). Mấy người con đều cải qua Tôn thất (2) đem đi an trí các nơi. Khi bị bắt lần đầu, nhờ có Lemaire can thiệp nên Vương được thả ra. Nhưng Tường và Thuyết cho đó là một việc thuộc phạm vi nội bộ, người Pháp không có quyền xen vào, nên mấy ngày sau, Vương bị bắt trở lại.

Theo Đại Nam chính biên liệt truyện thì Vương mất ở Lao Bảo, nhưng Delvaux, trong bài La Légation de France à Huê et ses premiers titulaires (1875-1893) thì trong khi lưu đầy, vừa ra khỏi kinh thành Huế, Vương liền bị ám sát.

Cuộc giao thiệp giữa Gia-Hưng và Rheinart khá mật thiết và Rheinart đã từng đề nghị Vương lên ngôi Hoàng Đế như ta đã thấy ở đoạn trên.

---

(1) Con vua Minh-Mạng, tên Miên-Dần, chú Gia-Hưng Quận-Vương.

(2) Một người trong hoàng tộc, chánh hệ (tức con cháu các vua từ Gia Long trở xuống) một khi bị tội, hoặc nhẹ hoặc nặng có thể bị cải qua họ mẹ (cải tùng mẫu tánh) hoặc cải qua Tôn thất (tức là con cháu các chúa Nguyễn)

http://tieulun.hopto.org

Không chịu thừa nhận chế độ bảo hộ vừa ký kết, Nguyễn.Văn-Tường và Tôn.Thất-Thuyết, bên ngoài giả vờ tử tế, khưng lại cho đặt súng chung quanh Hoàng thành và Kinh thành. Đại tá Pernot vội vàng trình với viên Khâm sứ Lemaire, nhưng ông này vẫn bình thản không lưu tâm đến điều đó. Pernot lại báo cáo tự sự với tướng Brière de l'Isle. Các võ quan Pháp mới bàn bạc với nhau tổ chức những cuộc tập trận và cả ngày lẫn đem kéo quân đi chung quanh thành để diệu võ dương oai.

Triều đình Huế phản kháng với viên Khâm sứ, cho rằng những cuộc diễn hành và tập trận ấy đã làm náo động nhân tâm ở Kinh đô Huế.

Sau cùng hai bên thỏa thuận: quân đội Pháp dẹp hẳn cái lối khiêu khích hăm dọa ấy, còn bên ta thì cất hết những khẩu súng nhất là những khẩu đang há họng chỉ sang tòa Khâm sứ.

Tuy đại bác đã triệt hạ, nhưng Nguyễn - Văn - Tường và Tôn-thất-Thuyết vẫn cho vận tải súng ống, lương thực ra Tân-Sở, gởi mật tư cho các quan ở Bắc Hà yêu cầu thu thuế, thu thóc để về Kinh đề phòng ngự chiến tranh.

Ta lại gởi mua ở Hương-Cảng 6000 thước xích sắt hạng lớn, với mục-đích giăng ngang các cửa bể, cửa sông khiến những lúc có chiến tranh, tàu Pháp không tiến vào Kinh kỳ được. Cuối tháng ba, lúc hàng về, do một chiếc tàu cắm cờ Đức chở thì bị pháo hạm của Pháp chận bắt cho rằng những giây xích ấy có tính cách chiến sự.

Các quan Thương bạc phản đối kịch liệt, lấy cớ rằng các đội long thuyền và hai tuần dương hạm cỡ nhỏ của Việt-Nam rất cần đến những giây xích ấy. Viên Khâm sứ bằng lòng ký giấy cho nhập nội.

Lemaire tính tình hòa nhã và khôn khéo về đường ngoại giao. Trong những cuộc tranh chấp giữa ta và người Pháp, Lemaire đã lấy lẽ công bằng để xử trí.

Một sĩ quan Pháp bị một người trong hoàng tộc chê nhạo. Y nổi cáu đánh một bạt tai. Viên Khâm sứ đã trừng phạt viên sĩ quan để lấy lòng người Việt.

Nhưng đến vụ thứ hai thì Lemaire vấp phải một sự chống đối của bọn Pháp ương ngạnh.

Mấy người thủy thủ của chiếc Lionne đậu tại Cửa Thuận bị mất cắp, viên võ quan chỉ huy chiếc tàu ấy là Hennique vào trong làng lùng bắt viên lý-trưởng rồi dùng roi để đánh.

Chánh phủ ta phản kháng với viên Khâm sứ. Lemaire gởi giấy khiển trách Hennique. Viên sĩ quan nầy không nhận lỗi, đưa việc ấy ra Hà-Nội. Tướng Brière ở Hà-Nội bênh vực Hennique, thế rồi không bên nào nhượng bộ bên nào. Cuối cùng viên Thượng thơ Hải quân Pháp phải đứng ra can thiệp, nhưng lại can thiệp một cách rất « thực-dân ». Hennique nguyên giữ chức Đại úy Hải quân (Lieutenant de vaisseau) được

http://tieulun.hopto.org

thăng lên làm Trung tá (Capitaine de frégate).

Thấy rõ sự chống đối giữa hành-chánh và quân sự Pháp ở Việt-Nam, triều đình Huế mới thảo một giác thơ nhờ Lemaire gởi thẳng cho Chính Phủ Pháp, gồm có mấy khoản đại khái :

1) Hiệp ước Patenôtre chưa được phê chuẩn mà 2.000 hay 3.000 lính Pháp đã chiếm đóng Mang Cá. Khoản V của Hiệp ước này cần phải sửa đổi nghĩa là đồn binh của viên Khâm sứ phải đóng ở ngoài thành để khỏi phạm đến uy-quyền của vương triều và cũng để khỏi làm cho dân chúng sợ hãi.

2) Nhiều viên công sứ ở Bắc Kỳ đã xử tử, xử phạt trượng, phạt xuy (tức đánh bằng gậy và bằng roi) phạt tiền các quan tỉnh hoặc phủ, huyện.

3) Các tàu Pháp kiểm soát quá chặt chẽ các ghe thuyền của vua Việt-Nam. Tại các tỉnh, việc giữ ghe thuyền quá lâu làm hại cho nền thương mãi.

4) Vì dùng cường quyền để áp bức, triều đình Huế mới phải hủy ấn phong vương của Trung quốc. Bạc của cái ấn ấy trị giá 240 đồng Mễ-Tây-Cơ, lẽ ra phải gởi trả lại cho Bắc Kinh, chứ không nên đem phân chia cho các sĩ quan tham dự trong buổi lễ hôm ấy.

5) Cơ mật đòi các thứ thuế như thuế nha phiến, thuế mõ và các thứ thuế khác.

Khoản hai trong bức giác thư đã tố giác những hành-vi tàn-nhẫn của các viên công sứ Bắc Kỳ hồi đó. Chính Rheinart cũng phải xác nhận là việc có thật. Nhiều phủ huyện bị bắt cóc hay bị giết. Hà-Văn-Quảng, tổng đốc Hải Dương bị đày ra Côn Đảo vì tội chống Pháp.

Ta gởi thơ cho Lemaire nói rằng : Nhà binh Pháp không thể nào bình định nổi Bắc Việt đâu, nên rút hết đạo quân viễn chinh về.

Các sĩ quan Pháp rất tức tối khi thấy kẻ đại diện cho nước Pháp tại Huế, cũng đồng ý với ta về điểm đó.

Trong khi ấy, Nguyễn-Văn-Tường gởi thông tư cho các quan ngoài Bắc, ngăn cấm không cho giúp đỡ người Pháp trong việc mộ lính và phu khuân vác vì cho rằng Brière de l'Isle tuyển lính pháo thủ 2 đại đội là trái với hiệp ước.

Những sự chống đối của hai quan Phụ chánh, nhất là Tôn-Thất-Thuyết đã làm cho Chánh phủ Pháp bất bình. Freycinet, Bộ trưởng bộ Ngoại giao Pháp gởi giấy cho Khâm sứ Huế yêu cầu tìm cách trừng phạt Tôn-Thất-Thuyết, không cho ở địa vị ấy nữa và bắt đày đi một nơi khác.

Cũng như Philastre, Lemaire không được thượng cấp tin cậy, vì tỏ ra ôn hòa với triều đình Việt lại không hết lòng bảo vệ chế độ thuộc địa, không tìm cách lấn áp quyền hành của dân bị trị.

Vì thế nên ngày 12 tháng 4, Thượng thơ bộ Binh Pháp bổ nhậm

http://tieulun.hopto.org

Roussel de Courcy sang Việt-Nam với những quyền hành hết sức rộng-rãi. Các viên Khâm sứ Huế và Bắc đều thuộc dưới quyền điều khiển của viên tướng nầy.

Trong cuộc tranh chấp giữa quân sự và hành chánh, ta thấy quân sự đã thắng thế. Nam Kỳ bị tách rời và coi như là thuộc địa của Pháp ; chỉ còn lại Trung và Bắc. Trước kia Lemaire, một viên chức hành chánh đại diện cho Pháp để giao thiệp với triều đình Huế, quyền hành lớn hơn các viên Công sứ và các quan binh Pháp ở Bắc. Nay Pháp lại đưa sang một tướng lãnh mà Lemaire có bổn phận phải tùng phục. Như thế là viên Khâm sứ Huế không còn là vị đại diện của Chánh Phủ Pháp nữa, mà chỉ đại diện cho tướng Courcy mà thôi.

Tướng Courcy chủ trương bình định Bắc-Kỳ trước, kiếm cách ngăn cản để triều đình Huế không thể nào thúc đục dân chúng Bắc-Việt nổi lên được nữa, rồi uy hiếp Trung-Việt sau.

Tướng Courcy đến Bắc-Kỳ vào hôm 31-5-1885, liền cho chiếc tàu Pluvier vào Huế đón Lemaire ra hỏi công việc.

Lemaire bất bình về việc Chính phủ Pháp đặt tướng Courcy làm Thống đốc Quân vụ kiêm Tổng thống toàn quyền, khiến ông mất hết quyền bính nên sau khi gặp tướng Courcy ở Hà-Nội và trình bày công việc xong, ông liền bàn giao, xin từ chức và không trở lại Huế nữa.

Champeaux được cử giữ chức Khâm sứ, đại diện cho Courcy ở Huế.

Tướng Courcy được Chính Phủ Pháp giao phó quyền-hành hết sức rộng-rãi. Ngoài việc thống lĩnh tất cả binh quyền ở Trung và Bắc, Ông còn nắm cả quyền chính-trị của cả hai xứ.

Chính sách Pháp lúc bấy giờ là sau khi chiếm Nam Kỳ, liền lấn ra Bắc, và bình định Bắc xong sẽ uy-hiếp Trung Kỳ. Nơi đây có vua, có triều đình và có một binh-lực tương đối hùng hậu hơn các miền khác. Nhưng sau khi sang Đông Dương, được báo cáo rõ về việc hai viên Phụ Chánh Tường và Thuyết đang chuẩn bị để tấn công Pháp, tướng Courcy định đánh mạnh một đòn vào Huế để làm tan rã chính quyền của Việt-Nam rồi dẫn-dà dùng võ lực để bình định Bắc Kỳ sau.

Ngày 26-6-1885, từ Hà Nội, tướng Courcy gởi điện văn về cho Thượng Thơ bộ Binh : « Tôi mang trong lòng những nỗi căm hờn đối với các vị Phụ chánh. Tôi sẽ hành động thận trọng, nhưng cương-quyết. Đánh điện về Huế cho biết, nếu Bộ chống lại việc dùng võ lực. »

Không ngờ Bộ Chiến tranh không chấp thuận việc gây chiến với Triều đình Huế. Tuy vậy, tướng Courcy vẫn quyết hành động theo ý của mình bằng cách tạo ra cơ hội để đưa đến việc dùng bạo lực.

http://tieulun.hopto.org

Tướng Courcy ban bố lệnh giới-nghiêm, đem ra Huế 800 lính A-rập do tiểu đoàn trưởng Metzinger chỉ huy và 154 khinh binh.

Champeaux báo tin cho Triều đình Huế biết để chuẩn bị việc nghinh tiếp. Courcy muốn đến Huế một cách oai vệ để mọi người thấy rõ uy-tín của mình và cũng để hăm dọa hai quan Phụ chánh.

Ngày 19/5 năm Ất-dậu (1-7-1885), tướng Courcy đến Thuận An. Bên phía người Pháp có Champeaux và mấy viên văn võ quan, bên ta hai vị đại thần đi đón và có quân lính dàn hầu.

Các cửa thành đều treo cờ và khi tàu cặp bến ta bắn 19 phát súng đại bác để chào mừng.

Về ền Tòa Khâm Courcy, mật nghị với Champeaux và các tướng lãnh định mưu bắt Tôn Thất Thuyết. Mưu đó rất giản-dị, giống kiểu Tôn Quyền mời Quan Văn Trường sang phó hội rồi chận bắt. Nhưng cơ-mưu ấy bị những người bồi bếp trong Tòa Khâm tiết lộ ra ngoài.

Hành động ngang trái nầy của tướng Courcy đã dựa vào ý kiến của Freycinet, Bộ trưởng bộ Ngoại giao Pháp. Freycinet đã từng gởi điện văn cho viên Khâm sứ Huế, khuyên cáo nên trừng phạt Tôn-Thất-Thuyết, không những bãi chức, còn kiềm cách đày đi xa.

úc tướng Courcy đến Huế, mang theo binh lực, Triều đình Huế không khỏi lo ngại.

Tôn-Thất-Thuyết vội đến dinh Nguyễn-Văn-Tường để bàn bạc.

Thuyết nói : « Quan Lớn là kim-chi ngọc diệp, lẽ tất nhiên phải hết lòng hết sức tôn phù xã-tắc. Còn tôi, mặc dầu là kẻ bách tính, nhưng cũng biết vị-quốc vong thân. Nhưng Quan Lớn không nghĩ rằng : Nếu gây việc can qua, biết đâu chúng ta sẽ không thắt trận ? Gia-Định thành trì kiên cố, vẫn không chống nổi đại bác của giặc Tây. Vừa rồi thất thủ Thuận-An, nhân tâm xao xuyến, vàng bạc tiêu tan. Nếu đánh nhau, Thánh Thượng không khỏi kinh tâm, quân lính sợ thế nên không hết lòng chiến đấu. Hay là chúng ta thử đem tiền bạc, đất đai mà nhường cho bọn nó ? Nhưng nếu Quan Lớn tin chắc rằng, quân ta có thể đuổi được giặc, đem lại cảnh thanh bình thì tùy Quan Lớn định liệu, tôi không dám bàn đến ».

Nghe Nguyễn-Văn-Tường đưa ra những luận cứ ấy, tuy đúng với tình-trạng hiện thời, nhưng lúc bấy giờ bầu nhiệt quyết của Thuyết đang hăng, lại bị dồn vào thế bí, biết rằng các tướng lãnh cao cấp Pháp hiện đang cố kiếm cách hãm hại mình. Và lại chính sách tàm thực, tham lam của Pháp, dầu ta có đối xử ôn hòa cũng không sao thành công được. Vì thế nên Tôn-Thất-Thuyết đã bất bình đáp lại :

Ăn cơm vua phải trả nợ nước, huống tôi cầm binh quyền trong tay, nếu để giặc Tây chiếm hãm thành trì thời còn đâu nữa là bạc vàng, thuế má ? Tôi nhất quyết đương đầu với

http://tieulun.hopto.org

giặc, dẫu sau nầy ra sao cũng đành. Vì vậy tôi định ra lệnh cho các võ quan và binh sĩ phải chuẩn bị sẵn sàng để đề phòng ngộ biến.

Sau cuộc đàm luận, hai quan Phụ chánh chia tay, nhưng trong lòng đã bắt đầu thiếu sự đồng tâm nhất trí (1).

* *

Tướng Courcy đưa giấy mời các hoàng thân, các quan Cơ mật sang dự tiệc tại Tòa Khâm sứ để bàn việc triều yết vua Hàm - Nghi cùng đệ trình quốc thơ. Trong số quan khách đến dự, người ta thấy vắng bóng quan Đệ nhị phụ chánh.

Vừa nhập tiệc, Courcy liền nâng cốc, cầu chúc hai nước được thịnh-vượng, đoạn nói tiếp : Nếu Quí Quốc muốn được yên ổn thì trong vòng ba ngày phải nạp chiến phí cho chúng tôi là 20.000 thoi vàng, 200.000 thoi bạc và 200.000 quan tiền (2). Chúng tôi vui mừng thấy các ngài đến đây đông đủ, nhưng sao quan Phụ chánh Tôn-Thất-Thuyết lại vắng mặt ? Hay là quan Phụ chánh ở nhà để sửa soạn đánh chúng tôi ?

Một vị đại thần tìm cách nói đỡ : Dạ, quan Phụ chánh của chúng tôi bị bệnh nên không sang được.

Courcy lên giọng trịch-thượng : Nếu bị bệnh cũng phải võng đến. Thế nào tôi cũng cho người đến nhà để bắt !

Các quan nghe nói thảy đều ngao ngán. Còn cuộc bàn bạc về lễ triều yết vua Hàm-Nghi thì không mang đến kết quả nào cả. Cơ mật viện yêu cầu, lúc vào Đại nội, chỉ có tướng Courcy đi cửa giữa, các quan theo hầu đều đi cửa hai bên, không mang theo võ khí. Lúc lên điện Thái-hòa, bước vào ngang hàng cột thứ nhì phải dừng lại, đưa quốc thơ cho một viên đại thần dâng lên Vua.

Tướng Courcy bác bỏ những đề nghị ấy, buộc vua Việt-Nam phải tiếp ông ta, nhận quốc thư xong rồi mới lên ngôi trên ngai vàng. Còn việc vào cửa Ngọ Môn thì ông nói một cách hồng hách : Không những các quan theo tôi, mà ngay cả quân lính cũng đi cửa giữa.

Cuộc bàn bạc chưa xong thì tướng Courcy yêu cầu hoãn lại, đợi lúc nào Tôn-Thất-Thuyết bình phục sẽ hay.

Về phần Nguyễn-Văn-Tường thì Ông đã phản kháng với tướng Courcy là binh sĩ Pháp ăn mặc lôi thôi, hay phá phách, nên yêu cầu cấm chỉ không cho họ vào Thành Nội nữa.

Tiệc tan ra về, Nguyễn-Văn-Tường liền đi ngay đến bộ Binh tìm gặp Tôn-Thất-Thuyết, đem tự sự thuật lại, và nói : Đến nước nầy, chúng ta không sao chịu nổi, thôi đành liều may rủi với trời.

Tôn-Thất - Thuyết cũng giận run lên, bảo với Tường : Binh lính của

---

(1-2) Ghi chú.— Theo bài về Thất thủ Kinh đô của ông Mối Mật người nói về chuyên nghiệp đối chiếu với bài : Complainte annamite sur la passe de Huế par les Francais của E. Le Bris.

http://tieulun.hopto.org

chúng ta đều đã sẵn sàng, chỉ cần hành động gấp để bọn chúng không kịp trở tay. Ngoài Bắc chúng đã chiếm cứ Tuyên-Quang, Cao - Bằng, Thái - Nguyên, nay đến cửa Thuận. Nếu ta bó tay ngồi nhìn giặc Tây hoành hành thì còn gì cơ nghiệp nữa ! Tôi sắp đặt thế này : Mặt tiền quan hệ hơn cả thì đã có lính Long-Thuyền, Võ sinh đều tinh thông võ nghệ. Trong Hoàng thành do lính Cẩm-Y và Kim-Ngô chống giữ. Bọn mới tuyển mộ cho đóng ở phía sau. Cửa Đông Ba có năm vệ, đóng dọc về thẳng tới Trường.Định. Tại Cửa An Hòa năm vệ, cửa Hậu năm vệ. Cửa Tả có vệ Hổ Oai, chọn lựa những đứa thiện chiến. Cửa chính Tây đã có đội Hùng Duệ giữ. Trong và ngoài cửa thành đều có voi, mỗi con hai nài. Súng đại bác bố trí khắp nơi. Bên kia sông, phía trước lầu sứ, lính Long Thuyền, phần nghĩa chuẩn bị sẵn, hễ nghe hiệu lệnh là xung phong vào các trại để tàn sát lính Pháp.

Hai quan Phụ chánh mật bàn mọi việc ổn thỏa, chỉ chờ cơ hội là thực hiện.

***

Thế là cuộc bang giao Pháp Việt đi lần đến chỗ sụp đổ. Về phía Việt Nam, như ta đã thấy, chuẩn bị chiến cuộc từ lâu. Triều đình cũng như sĩ phu dân chúng đều muốn đánh đuổi quân Pháp ra khỏi đất nước, nhưng tự lượng lực, thấy khó địch nổi nên phải ẩn nhẫn để chờ thời. Nay như lò thuốc súng bị châm ngòi, tức lòng nên phải nổ. Tôn-Thất-Thuyết lo sợ, chưa biết quân Pháp đến bắt mình lúc nào. Cho nên suốt cả ngày 21 và 22 tháng 5 năm Ất-Dậu (3 và 4-7-1885) hai quan Phụ chánh chuẩn bị công việc hoàn tất. Muốn tăng gia sức lực chiến đấu, Tôn-Thất-Thuyết ra lệnh mở rộng cửa nhà Lao, chặt xiềng, tháo gông, tha tội cho các phạm nhân, cho bọn chúng tiền bạc, cơm rượu và hiểu dụ bọn chúng cầm khí giới quyết tâm giết giặc.

Công cuộc sửa soạn nằm trong vòng quân cơ bí mật. Tuy thế Giám mục Gaspar vẫn biết được và tin cho tướng Courcy hay. Courcy tự phụ ở binh sĩ, ở súng ống của mình nên xem thường, không buồn lưu ý. Vì thế cuộc khởi nghĩa của ta đã gây cho Pháp ít nhiều thiệt hại.

Thái độ khiêu khích của Courcy đã biểu lộ một cách rõ rệt. Các tặng phẩm của vua và đình thần mang qua biếu, Courcy từ chối trả lại.

***

Đêm 22 tháng 5 (4-7) nhân dịp đến Huế, tướng Courcy mở tiệc khoản đãi các văn võ sĩ quan Pháp ở Huế.

Hình như cuộc tấn công Tòa Khâm định vào một giờ sớm hơn, nhưng vì công cuộc sắp đặt chưa hoàn bị, nên mãi đến lúc trăng lên nghĩa là vào lúc 12 giờ 40 mới bắt đầu khởi sự.

http://tieulun.hopto.org

Những khẩu đại bác đặt sẵn trên thành chia ra cầu Thanh Long và sông Đông bà, chờ các sĩ quan dự dạ yến trở về sẽ bắn vào họ để tàn sát. Nhưng vì cuộc tấn công bị chậm trễ thành thử các sĩ quan đều về đến bình yên vô sự. Tuy thế, về sau, người Pháp vẫn gọi cầu Thanh Long là cầu Mưu sát (Pont de l'Attentat).

Quân số của Pháp lúc bấy giờ gồm có : Tại Mang Cá 2 đại đội bộ binh người Phi châu, 3 trung đội thủy quân lục chiến, tại khu đất nhượng địa trong thành gần Mang Cá 2 đội lính Phi châu, 1 trung đội thủy quân lục chiến và pháo đội. Tại tòa Khâm 2 đại đội thủy quân lục chiến. Phía Bắc Mang Cá có hai pháo hạm Javeline và Brionval và 1 chiếc tàu nhỏ. Tổng cộng cả thảy 31 sĩ quan, I. 387 binh sĩ và 17 cỗ đại bác.

Sau buổi dạ hội náo nhiệt, quang cảnh lần lần trở lại yên tĩnh. 11 giờ 30, ai nấy đều ra về.

Tòa Khâm và Mang Cá đang chìm đắm trong giấc ngủ, bỗng tiếng đại bác, tiếng reo hò vang dậy. Những trại lợp tranh của lính ở bị những bó đuốc của quân ta xung phong vào đốt, bốc cháy dữ dội. Hăng hái nhất là lính phản nghĩa tức là lính Tôn-Thất-Thuyết mộ để làm tay chân, cùng những phạm nhân ở lao Thừa Thiên và lao Trấn Phủ được thả ra để đái công thục tội. Họ mang súng hoặc đại đao, mã tấu, mình trần trùng-trục, tóc bỏ xõa xuống ngang gối. Đạo quân đánh vào Tòa Khâm do Tôn-Thất-Liệt, em của Thuyết cùng quan Thủy sư Đô Đốc ; Thủy sư Hiệp Lý chỉ huy, còn cánh quân đánh vào Mang Cá thì Đề Đốc Trần-Xuân-Soạn và Tôn-Thất-Thuyết tự thân hành đốc suất. Một viên đạn đại bác từ pháo đài ta trên cửa thành bắn sang làm thủng một lỗ lớn trên nóc Tòa Khâm. Tường và mái đều bị xuyên đạn. Nhà kho, nhà vệ sinh sụp đổ và bốc lửa. Đại úy Bruneau, pháo binh hải quân, bị một viên đạn xuyên qua ngực, ngã ra chết, Đại úy Drouin của đội binh Châu Phi gãy mất hai ống chân tử trận. Hai sĩ quan Heitschell và Lacroix bị thương nặng.

Quân Pháp đã bảo vệ được kho khí giới đạn dược và lương thực. Nhưng quần trang thì bị cháy sạch đến nỗi viên tiểu đoàn trưởng Metzinger suốt cả ngày 4/7 chỉ mặc có một cái quần đùi. Mãi đến tối mới kiếm được một cái quần dài, nhưng lại thiếu kéo, phải dùng đến dao để hớt bớt cho vừa.

Do một cái cửa ăn thông qua trại, 160 binh sĩ của Pháp kéo vào tòa Khâm. Chính tướng Courcy đã điều khiển toán quân này, đặt mỗi cửa sổ hai người bắn ra để chận đứng những đợt xung phong của lính Việt.

Một điều may mắn cho Pháp là nhà Bưu điện cách tòa Khâm vào lối 300 thước không bị hư hại gì cả, nên tướng Courcy cho đánh điện gọi lính ở Hải-Phòng cấp tốc ra Huế và gọi lính ở Thuận-An kéo lên.

Ban đầu súng đại bác của ta bắn không lấy gì làm trúng đích, nhưng

http://tieulun.hopto.org

về sau đã tàn phá được nhiều nơi làm lủng trần, sập vách. Cả Tòa Khâm rộng lớn chỉ còn lại một gian phòng chính là đứng vững.

Tại Mang Cá, sau những phút kinh hoàng đã qua, Trung tá Pernot và Thiếu tá Metzinger chia quân phản công đánh chiếm Kinh thành. Súng đại bác Pháp chia bắn vào những ổ súng của ta. Hai pháo hạm, nhờ có ánh lửa của những túp nhà bị cháy nên đã bắn trúng vào mặt đông bắc của Kinh thành. Quân pháp ở Mang Cá, kéo vào tập trung tại khu đất mà ta đã nhượng cho Pháp từ một năm nay, rồi chia thành ba toán kéo đi tấn công các ngả, tiến vào Thành Nội. Quân ta kháng cự rất hăng nhưng sau một tiếng đồng hồ thì rút lui và tan rã hàng ngũ. Pháp chiếm được 6 cỗ đại bác hạng lớn đặt trên mặt thành rồi dùng lại những khẩu súng nầy để bắn vào quân ta.

Trời gần sáng, chiến cuộc vẫn tiếp diễn dữ dội nhưng quân ta thế yếu cứ lùi dần. Pháp đốt hai bộ Lại và Binh là chỗ ở của Tường và Thuyết, cùng là các công thự, các trại lính. Gặp dân chúng chạy loạn, không phân biệt già trẻ trai gái, đều tàn sát một cách rùng rợn, tiếng la khóc vang trời dậy đất.

8 giờ 10, trên Kỳ đài ta đã phất phơ lá cờ Pháp. Tiếng gọi là cờ nhưng kỳ thật là sợi thắt lưng của một tên lính Phi-Châu kết với hai mảnh vải.

9 giờ thì quân Pháp vào Đại Nội. Tàn quân ta rút khỏi hoàng-thành.

Pernot phải dùng đến một tiểu đoàn để canh gác cung điện của vua ta cho khỏi bị cướp phá. Tuy thế các điện đài, dinh thự khắc trong Hoàng thành, suốt 48 tiếng đồng hồ bị quân Pháp ra tay vơ vét. Phần nhiều trong túi tên lính Pháp nào cũng có những nén bạc cướp được của kho ta. Một phóng viên của hãng Havas đã nói rằng chính ông ta đã mua được của các tên lính ầy 8 kí-lô bạc nén cả thảy. Ông lại còn cho biết suốt trong 5 ngày, 50 người chuyên việc sắp xếp các bảo vật giá trị không thể tưởng tượng được để đưa về Pháp.

Theo sự ước lượng của Pháp thì quân số của ta trong trận chiến gồm có 20.000 người, tử trận từ 1.200 đến 1.500 người.

Về phía Pháp : 2 sĩ quan, 9 binh sĩ chết.

2 sĩ quan, 4 binh sĩ tử thương.

5 sĩ quan, 71 binh sĩ bị thương.

Pháp còn lấy của ta được một số võ khí quan trọng : 812 khẩu đại bác, 16.000 súng tại Võ khố, vô số súng trường, gươm giáo tại trong Nội.

Công cuộc sửa soạn chiến tranh hai quan Phụ chánh dấu kín không để cho vua Hàm-Nghi và Tam cung (3) biết. Tới khi, thấy rõ sự thất bại, lúc ấy mới tâu với vua và Tam cung hay, nhưng đổ lỗi cho người Pháp gây chiến trước.

Hai quan Phụ chánh phò vua và Tam cung ra Quảng-Trị. Khi xa giá ngang Kim-Long, Tường ghé vào nhà thờ Kim-Long nói chuyện với Giám

http://tieulun.hopto.org

mục Gaspar rồi trở về hợp tác với Pháp. Có người chê trách Pháp là gian-hùng, có kẻ lại cho rằng : Việc Tường ở lại là có dụng ý để làm nội-công cho Thuyết về sau. Cũng vì thế nên người Pháp không những không tin dùng lại còn lưu đày ra đảo Tahiti và chết luôn ở đấy (30-7-1886)

Đến Quảng-Trị, Tam cung lại trở về Huế, riêng vua Hàm-Nghi, Tôn-Thất-Thuyết và một số quan lại, tướng lãnh vẫn ở ngoài để tiếp tục kháng chiến.

Sau khi vua Hàm-Nghi xuất bôn, người Pháp đã đặt anh của Ngài là vua Đồng-Khánh lên ngôi và lần lượt bình định các nơi để hoàn-thành chính sách xâm lược.

***

T.B. Về sau nầy, Pháp đặt mỗi tỉnh một viên công sứ (Résident de France) còn ở Huế thì lại gọi là Khâm sứ (Résident Supérieur). Để tỏ lòng kính trọng, trong giấy tờ ta thường để là Quí Khâm sứ Đại-thần.

Trên đây, chúng tôi dùng chữ Khâm sứ để gọi chung cho tiện chứ kỳ thật có ông thì mang danh từ Ngoại giao đặc phái viên ở Huế (Chargé d'affaires à Huế) có ông mang danh từ Tổng Trú sứ (Résident Général) có ông Khâm sứ (Résident Supérieur).

BỬU-KẾ

QUÝ-VỊ HÃY DẶN DÀNH LẠI NGAY TỪ BÂY GIỜ

MỘT MÁY ĐÁNH CHỮ LÀM TẠI THỤY-SĨ

HIỆU

LOẠI XÁCH TAY ◈ LOẠI ĐỂ BÀN GIẤY →

tại nhà in I.N.D.E.O.

IMPRIMERIE NOUVELLE D'EXTRÊME-ORIENT

1, Đường Nguyễn-Siêu — Téléphone : 20.821 — SAIGON

http://tieulun.hopto.org

VIỆT-NAM CÔNG-THƯƠNG NGÂN-HÀNG

(BANQUE COMMERCIALE & INDUSTRIELLE du VIET-NAM)

Số vốn : V.N. $ 50.000.000

TỔNG CUỘC SAIGON :

93 - 95, Đại - lộ Hàm - Nghi

Điện thoại : 21.558 - 21.559

Điện tín : **VIETNAMBANK**

CHI NHÁNH :

— SAIGON, 209-213 đại-lộ Trần-Hưng-Đạo

— ĐÀ-NẴNG (Tourane), 59 đường Độc-Lập

ĐẢM-NHIỆM tất cả NGHIỆP-VỤ NGÂN-HÀNG

— CÓ ĐẠI-DIỆN KHẮP HOÀN-CẦU —

http://tieulun.hopto.org

PASTILLES : { VANCO MÙI « MENTHE »
CAM MÙI CAM

Chuyên-trị

Các chứng ho, đau Cuống họng

VIỆN BÀO-CHẾ VANCO

TRƯƠNG-VĂN-CHÔM

Dược khoa Tấn-sĩ Quốc-gia

134, Đường Yên-Đỗ — Saigon

http://tieulun.hopto.org

Góp ý kiến về việc

Dạy triết ở Trung học

ĐẶNG-TRẦN-THÁI

TRONG trần-gian không có nước nào có những «Lớp luyện thi» như ở Việt-Nam ta. Mà luyện thi là gì nếu không phải là dạy *học thuộc lòng* một số bài mẫu và đặt trong tay học sinh vài phương sách để biến chế những bài mẫu đó trong những trường-hợp đầu bài thi không hoàn toàn trúng tủ những bài mẫu đã học? Nền học chính của ta «cóp» lại của Pháp, nhưng chúng ta chỉ cóp hình thức, không cóp lấy tinh thần của người. Mà cóp làm sao được tinh thần? Nói cóp tinh thần là nói một điều mâu-thuẫn, cũng như nói tên nô lệ là người tự-do. Và nếu như G.s. Bùi-Hữu-Sủng nói, người Pháp hay thay nhãn hiệu và không thay lọ, thì chúng ta phải nói thêm rằng: «Những nhãn hiệu mà người Pháp bóc vứt đi đó, người mình lại nhặt lấy để dán vào lọ của mình».

Đọc xong hai bài nhận định của ông Bùi-Hữu-Sủng, chúng tôi cảm phục những ý nghĩ của ông. Ông là một giáo-sư lão thành, có trong tay từng mấy chục năm kinh nghiệm dạy học bậc Trung-học. Ông lại có công nghiên cứu những tài liệu giáo khoa của Unesco, so sánh chương trình cũ và chương trình mới của Pháp. Tất cả những yếu tố đó làm cho lời lẽ của ông có một giá trị đáng kể. Riêng chúng tôi chỉ xin góp vài thiển kiến gọi là tham dự công việc tìm một lối đi cho chương trình Triết ở bậc Trung-học.

Phần nhận xét.— Bắt đầu phần nhận xét, Giáo-sư Sủng đưa ra hai nhận xét cụ-thể về sự thiếu giáo sư dạy triết: một là có giáo sư ít thạo văn hóa Pháp cho nên không hiểu nổi những tư-tưởng triết-lý duy-lý của Pháp, bởi vì nền triết-lý đó là chỗ «kết liễu của cả một nền văn chương Pháp, tự Montaigne, Pascal v.v... cho đến Descartes»; hai là nhiều giáo-sư không đọc nổi tên của Descartes và không thể trả lời khi học sinh hỏi lại những điểm chúng chưa hiểu về

http://tieulun.hopto.org

những hệ-thống tư-tưởng kia. — Về khó khăn thứ nhất, chúng tôi tưởng nếu những giáo sư triết là những người tự học, thì rất khó có thể lãnh-hội được nền triết-lý của Pháp (hay của Đức cũng vậy) ; còn nếu như họ được đào-tạo hẳn hoi, thì khó khăn đó có thể vượt qua : ở cấp Đại-học, họ phải học giảng-văn của Descartes (xin lấy Descartes làm thí dụ), học lịch-sử triết cổ kim và tất nhiên phải biết những trào-lưu tư-tưởng trước và sau Descartes ; hơn nữa họ phải hiểu hệ-thống triết-học Descartes, hiểu những danh-từ chuyên môn của Descartes và những hình-ảnh phản-chiếu cuộc sinh hoạt tinh-thần của thời đó. Thành thử khó khăn thứ nhất quy về khó khăn thứ hai. Khó khăn thứ hai là : chúng ta thiếu giáo sư triết. Thiếu thực không ? Không chắc. Có lẽ chỉ tại thiếu tổ chức. Chúng tôi biết một số sinh-viên Đại-Học Sư-phạm, sau khi tốt nghiệp ngành dạy Triết, lại buộc lòng phải dạy Pháp-văn, *vì không còn chỗ dạy triết*. Thế rồi tự hai năm nay, Đại-Học Huế không lấy thêm sinh viên vào ngành triết của Đại-Học Sư-phạm nữa ; và năm nay đã có tiếng đồn rằng Đại-Học Saigon cũng thôi nhận sinh-viên Sư-phạm ngành triết, nhưng sau cùng lại thấy có nhận một ít. Đấy là chưa nói Đại-học Văn-khoa hằng năm sản xuất thêm những ông cử Văn-khoa, trong đó nhiều ông là cử-nhân giáo-khoa triết.

Vậy có lẽ không phải thiếu, nhưng là vô tổ chức. Cũng như tình trạng người dân ở nhà quê chết queo, không bao giờ thấy mặt một ông bác sĩ, trong khi ở Đô-thành chật đông không hết. Hãy thử nhìn tình trạng chen chân nhau của các hiệu Thuốc tây ở Saigon ! Vậy mà ở thôn quê banh mắt ra không thấy một tiệm. Riêng về vấn đề giáo sư triết, người ta thấy hình như có nhiều truyện « *gửi gắm* » và « *xê xếp* » của các ban Giám-đốc : do đấy sinh ra truyện những ông giáo sư « nhảy dù » tự trời xuống, chẳng học gì mà cũng đòi dạy. Các ngài này chỉ học trước học-sinh có mấy giờ đồng-hồ : tối trước họ học thuộc lòng, sáng hôm sau họ « giảng » cho học sinh nghe. Thực ra, họ « đọc bài » mà thôi.

Kể đến sự nhận xét về *sách giáo-khoa*. Những nhận định của Giáo sư Sủng rất đúng. Đa số, nếu không phải là tất cả các sách của ta là cóp lại vài cuốn Foulquié, Cuvillier. Giáo sư Sủng nói đến *Huisman*, nhưng chúng tôi chưa được thấy cuốn sách giáo-khoa nào ở Saigon soạn theo Huisman : vài cuốn có nói đến Huisman nơi bài tựa hoặc trưng một hai câu, nhưng thực ra không biên soạn theo Huisman. Tác-giả này tương đối mới nhất và đi kịp đà tiến của triết-học hiện-đại. Nếu các sách Việt-Nam theo kịp Huisman thì đã phúc cho con em. Các sách của ta đều theo Foulquié và Cuvillier là hai tác-giả đã quá già và lỗi thời : sách hai ông có tái bản năm 1960 đi nữa, thì nội dung vẫn như xưa, chỉ sửa đổi vài chỗ sơ sơ mà thôi, lập trường vẫn không thay đổi. Thí dụ như cuốn *Tâm-lý-học* mới

http://tieulun.hopto.org

nhất của Foulquié : tác-giả cũng đề cập đến Hiện-tượng-học, và nhiều chỗ ông theo sát những tâm-lý-gia hiện-đại như Merleau-Ponty, Gusdorf v.v., nhưng lập trường của ông vẫn là tâm-lý-học *suy-diễn*. Vì thế tác-giả nào đó ở Việt-Nam mới định-nghĩa Tâm-lý-học là « khoa *lý-thuyết*, có Phương pháp *luận-lý* và *khách-quan* » (Coi bài của ông Bùi-Hữu-Sủng, Bách-Khoa số 130, trang 13, cột 1). Kỳ quá ! Thế mà là sách giáo-khoa của ta đó.

Tóm lại, cũng như Giáo sư Sủng, chúng tôi rất than phiền về tình trạng sách giáo khoa Triết ở Saigon. Người Tây chuộng « tri thức vị tri thức » đã đáng trách thay, huống hồ chúng ta lại còn thấp hơn thế nhiều quá : chúng ta « học để mà học », chẳng biết học cái gì, con em cứ ặt cổ ra mà nuốt trửng những định nghĩa do các ông thầy nhèn vào tai vào óc chúng. Có những trang triết không có nghĩa chi hết : giá có hỏi những ông thầy, thì như Giáo sư Sủng viết, các ông thầy đó lại lặp lại nguyên như trước. « Tri thức vị tri thức » còn có cái hay là : đó là những tri-thức, những chân lý, dầu là chân lý trừu-tượng. Còn nhiều trang giáo-khoa triết của ta, như kiểu mấy trang mà Giáo sư Sủng trích dẫn về *cần-lao* v. v. , thì có mà thánh hiểu. Nếu học sinh mỗi năm phải nuốt trửng từng ngàn trang sách giáo-khoa như thế, tôi e mấy nhà thương điên Chợ-quán và Biên-Hòa sẽ không đủ chỗ cho những kẻ loạn óc sau này. Dạy học như thế là làm khổ con em một cách vô ích : đã không giúp chúng phát triển óc suy nghĩ, mà còn biến chúng thành những con vẹt và những anh ngớ ngẩn.

Đến đây chúng tôi xin bàn về *mục-đích* của những giờ dạy triết. Cụ Sủng có nói đến sơ sơ một chút (B. K. số 130, trang 11 cột 1). Trước hết ai cũng thấy : không có chi vô lý cho bằng học thuộc lòng những trang triết, biến giờ dạy triết thành những giờ « *bài học thuộc lòng* ». Và đây là tất cả **vấn đề Trung học**. Người ta quen nói đến « *tinh thần tiểu-học* » và « *tinh thần trung học* ». Tinh thần tiểu-học tạm gọi là « *học thuộc lòng* », còn tinh thần Trung-học là « suy nghĩ và tự lập ». Khi ở Tiểu-học, đứa trẻ còn là con nít, chưa đủ óc phán đoán, và cũng chưa có đủ những yếu-tố kiến thức để có thể tự chúng suy nghĩ và quyết đoán : vì thế, ở tiểu-học, đứa trẻ gần như hoàn toàn *thụ động* lãnh nhận những lời giáo huấn của ông thầy. Trái lại, khi lên đến Trung-học, nhất là khi đã lên tới lớp Đệ Nhất, học sinh không còn là con nít nữa : họ đã là những thanh thiếu niên có ít nhiều kinh nghiệm và đã biết suy-nghĩ. Ta dạy « triết lý » cho họ mà lại bắt họ học thuộc lòng như con nít, tức là làm nhục họ. Hơn nữa, bắt họ học thuộc những điều họ chưa hiểu chi, là tập cho họ sống nô lệ, thiếu nhân cách, thiếu tự chủ, thiếu quyết đoán. Tóm lại, có lẽ *tinh thần Trung-học của ta vẫn chỉ là tinh thần tiểu-học*. Khi đứa con nít ăn nói như con nít thì tốt lắm ; nhưng khi người thanh niên ăn nói như con nít, thì rõ ràng người đó mắc *bệnh ấu-trĩ* (infan-

http://tieulun.hopto.org

tilisme), tức là bệnh đẹt đòi. Nhìn kỹ vào đường lối học hiện nay, ai mà không đau lòng ? Đáng buồn hơn cả là nhiều khi người thanh thiếu niên toan đem cả tinh-thần tiểu học đó lên Đại-Học : cái gì cũng chỉ muốn học thuộc lòng như con nít ở lớp mẫu-giáo ! Học hành như vậy, làm sao có thể có nhân-tài như nước người được?

Tại sao lại có cái bệnh ấu-trĩ đó? Phải chăng vì chương trình quá nặng nề như cụ Sủng đã nêu lên ? Phải chăng chỉ vì những sách giáo khoa đôi khi quá chắp-chểnh và rối rít đến nỗi người ta có cảm tưởng như chính những tác giả đó cũng chưa nắm được vấn đề ? Điều này mong các giáo sư dầy kinh nghiệm như cụ Sủng lên tiếng thêm, để chúng ta cùng nhau tìm ra manh mối. Nhưng một điều cần phải chấm dứt ngay là : tuyệt đối cấm những lớp luyện thi và tuyệt đối tránh cách dạy nhồi sọ. Dạy văn chương mà nhồi sọ còn hại lắm thay, phương chi là dạy « triết lý ». Nhìn vào một số lớp dạy triết của ta, người ta không khỏi có cảm giác là chúng ta dạy một thứ *từ chương* vô ích, chớ không tập cho học sinh *suy nghĩ*.

***

Phần xây dựng. — Thảo một chương trình mới cho thích hợp hơn, chúng tôi cũng đồng ý với Giáo sư Sủng về hai điểm : a) Giảm nhẹ chương trình, b) Chú trọng về kim hơn cổ.

Trước là *giảm*. Nhưng giảm những gì, và giảm theo tiêu chuẩn nào ? Có lẽ chúng ta nên bắt đầu bằng nhận định này : học sinh triết lớp Đệ Nhất sẽ còn qua một năm Dự Bị Văn-khoa trước khi đi vào những chứng-chỉ chuyên-môn ; như vậy nghĩa là mục đích dạy triết ở Đệ Nhất chỉ là khai tâm cho học sinh biết qua loa về mấy hình thức sinh hoạt tinh thần của con người. Xin nhấn mạnh chữ *khai tâm*. Mà đã nói khai tâm là nói tránh xa những hình-thức chuyên-môn. Cần đi sát thực tế : triết học ngày nay không còn đóng khung trong chủ-nghĩa Duy-trí nữa, nhưng đã trở lại với cuộc đời (triết Hiện-sinh của Jaspers, Heidegger, Marcel và Sartre) ; vậy thì tại sao chúng ta lại vít kín học sinh vào những phạm trù trừu tượng ? Mà giả thử nói rằng Triết-học là một khoa-học, cần phải có chuyên môn, thì xin trả lời rằng đó là phần của những năm Chứng chỉ Đại-Học : học sinh của chúng ta còn qua một cầu Dự-bị rồi mới tới đó cơ, vội gì mà nhét những chất nặng đó vào đầu óc bọn trẻ ?

Bớt chuyên môn đi. Đi sát với đời sống hằng ngày. Đó là những tiêu chuẩn giúp chúng ta làm nhẹ cái chương trình lệnh kệnh nửa tây nửa ta của hiện nay. Trong ý đó, chúng tôi thấy ý kiến của Giáo sư Sủng rất hay : ông đề nghị tập cho học sinh tìm hiểu nhân-sinh-quan và vũ-trụ-quan của những tác-phẩm văn-chương mà họ đã học qua (như Kiều, Cung oán, thơ Nguyễn-Công-Trứ, ca dao, truyện cổ nước ta v. v...) Đây là phương sách hiệu nghiệm để giúp

http://tieulun.hopto.org

học sinh tập suy nghĩ về nhân-tình thế thái, về vũ trụ vạn vật, qua những lời lẽ của tiền nhân. Tuy nhiên, đây cũng là *việc rất khó* : không phải giáo sư nào cũng có khả năng để nhận ra nhân-sinh-quan của tiền nhân, hầu giúp học sinh tìm hiểu. Chúng tôi sợ nhất là những ông giáo sư « nhảy dù » : tự cho mình có quyền ăn nói trong lớp, và tha hồ loè nạt bọn con em. Như vậy cái hại sẽ vô cùng. Ai sẽ sửa chữa cho những sai lầm đó ?

Thứ đến, *cần kim hơn cổ*. Lớp Đệ Nhất không phải lớp nghiên cứu về khoa triết học, mặc dầu lớp Đệ Nhất có cái tên rất bảnh là « chuyên khoa ». Có thể coi lớp Đệ Nhất là bước đầu tiên của chuyên khoa. Bước đầu tiên mà thôi. Vậy thì nên bỏ đi tất cả những gì là chuyên môn. Thí dụ : trong phần Siêu-hình-học, nên bỏ tất cả phần Hữu-thể-học đi. Ngay sinh-viên cũng khó lòng hiểu được những điều trừu-tượng và phổ quát về hữu-thể, còn nói chi những học sinh bắt đầu học triết ? Phần Tâm-lý-học, nên bỏ những lý-thuyết đối lập nhau về cách giải nghĩa những hình thức sinh hoạt tâm-linh, nhất là khi những lý-thuyết đó đã chết tự lâu rồi. Nhìn vào các sách giáo khoa, thấy trình bày những học-thuyết đó bằng nửa trang giấy, xin hỏi làm thế nào cho học sinh hiểu được ? Mà giải nghĩa thêm, thì lại đi quá phạm-vi của lớp khai tâm. Vậy chỉ cần nhấn mạnh vào cách giải-nghĩa *hiện nay* của khoa Tâm-lý-học (về Luận-lý hay Siêu-hình-học cũng thế) : vạch cho học sinh biết triết-lý *hiện-đại* của toàn thể nhân loại nghĩ gì về mỗi vấn đề đó. Còn việc luận cổ suy kim, nghiên cứu lịch trình tiến-hóa của khoa triết-học, chúng ta phải để cho những năm Đại-Học sau này của các em. Nói thế, chắc có vị thắc mắc : « Lấy triết-học nào để trình bày như thế cho học sinh ?» Chúng tôi cũng biết có nhiều khuynh-hướng khác nhau, ngay cả trong nền triết-học hiện đại ; tuy nhiên về những ngành Tâm-lý-học, Luận-lý-học, người ta dễ có thể tìm ra một lối đi chung cho tất cả các khuynh-hướng. Khi đã bỏ những tiểu tiết đi, chúng ta có thể giảng cho học sinh một nền triết-học phản ảnh tư-tưởng hiện đại. Còn về Đạo-đức-học và Siêu-hình-học là những ngành có nhiều khuynh-hướng đối lập, chúng ta nên cùng nhau chọn một lối trình bày sáng sủa và gọn ghẽ để học sinh có thể lãnh hội và phê bình. Tóm lại, cần kim hơn cổ, nghĩa là tránh những lối khua ra trước mặt học sinh một lô những học-thuyết đối lập nhau, làm học sinh rối trí, không thông được vấn đề. Cần thiết bao giờ chúng ta cũng trình bày cho học sinh thấy rõ ràng mỗi vấn đề được đặt ra thế nào, và lập trường của triết hiện đại (hoặc vài khuynh-hướng chính của triết hiện đại) nghĩ thế nào ; sau đó, ta hỏi ý nghĩ riêng của học-sinh, nhân đó gây bầu không khí tranh luận và suy nghĩ : thiếu sự tranh luận và suy nghĩ này, lớp triết không còn ý nghĩa gì nữa, thà không học còn hơn.

***

http://tieulun.hopto.org

Người La-mã xưa có câu « Làm chi cũng phải coi cùng-đích ». Chúng ta cũng phải tự hỏi : Dạy triết làm chi ? Có phải để cho một số giáo sư có nghề chăng ? Hay là tập cho học sinh biết suy nghĩ ? Có phải để cho học sinh có một mớ kiến thức để ăn nói huynh hoang chăng ? Tại sao chương trình càng ngày càng phức tạp ? Có phải vì không có cách thu dụng những « ông tú », cho nên cần phải « chận đường » của bọn trẻ chăng ? Hay chúng ta chỉ dạy để mà dạy, và bắt con em học để mà học ? Nói thế, vì thực ra chương trình Trung-học liên can đến toàn bộ cơ-cấu quốc-gia : Trung-học chuẩn bị cho Đại-Học và Đại-Học là lò đúc nên nhân tài cho quốc dân. Nhìn vào thực tế, người ta có cảm tưởng như không phải thế. Việc làm của chúng ta vẫn chưa rõ đường lối. Chúng ta chỉ biết làm, bất xét việc làm của ta sẽ ăn nhịp với đà tiến của quốc gia và quốc tế thế nào ? Người mình bao giờ cũng nói « *học-hành* », nghĩa là học để mà hành, không phải học để mà học, hoặc chỉ học để làm công-chức cho Nhà Nước, như Jean Marquet đã nhận định về bọn ăn học của chúng ta ngày xưa.

Để kết luận, chúng tôi nghĩ dạy triết ở bậc Trung-học là việc hợp với truyền-thống Đông-phương của ta : Triết-học giúp con em ta sớm tránh được những tệ-đoan của một nền văn-minh cơ-giới quá trớn. Tuy nhiên chúng ta cần liệu sao cho việc dạy triết ở Trung-học đừng trở thành giáo-điều và trừu-tượng, nhưng phải là những giờ tập cho học-sinh biết *suy-nghĩ* và *nhận-xét*. Tóm lại, triết-lý là gươm hai lưỡi : biết dùng thì nó trở thành lò luyện suy-nghĩ, không biết dùng thì nó sẽ sản xuất ra những kẻ ngộ chữ và ương gàn. Vậy xin các bậc hữu trách lưu tâm cho.

ĐẶNG-TRẦN-THÁI

ĐỂ SỐNG MỘT ĐỜI SỐNG TỰ-DO

hằng ngày các bạn hãy đọc

***nhật báo* TỰ-DO**

TIẾNG NÓI CỦA NGƯỜI VIỆT TỰ-DO

http://tieulun.hopto.org

Nghệ thuật kịch của Bertol Brecht

NGUYỄN-VĂN-TRUNG

Bertolt Brecht

Có thể nói nền nghệ thuật Âu châu hiện đại là một quá trình những phủ nhận. Không phải chỉ là phủ nhận một quan niệm sáng tác, nhưng là phủ nhận ngay cả những yếu tố cấu tạo tác phẩm như nhân vật, ngôn ngữ và sau cùng phủ nhận chính nghệ thuật, nói cách khác, nghệ thuật biểu lộ một tra hỏi có thể có nghệ thuật, một phê bình về nghệ thuật có thể có hay không (1). Trong khi nền nghệ thuật trên càng ngày càng đi vào con đường chủ nghĩa hình-thức, trừu tượng, cao kỳ rất khó hiểu và lãnh hội thì Bertolt Brecht xuất hiện. Nghệ thuật của ông không xóa bỏ những đòi hỏi vươn tới những hình thức diễn tả chặt chẽ, cao kỳ, nhưng đồng thời vẫn rất quần chúng. Đó là chỗ độc đáo trong nghệ thuật kịch của ông. Quần chúng ở đây không phải hiểu theo nghĩa bình dân, cái thấp kém thô thiển sơ khai như trong một quan niệm phân biệt hai thứ nghệ thuật : một nghệ thuật cao đẳng dành cho giới trí thức thượng lưu trưởng giả, và một nghệ thuật bình dân cho đông đảo quần chúng hạ lưu thô sơ kém văn hóa. Nghệ thuật kịch của Brecht rất cao, vì ông đặc biệt chú trọng vào những kỹ thuật xây dựng đồng thời vẫn rất giản dị và dễ dàng lãnh hội. Sự kiện những vở kịch của ông vượt biên giới Đức và được nhiệt liệt ca tụng tại các thủ đô Âu mỹ như Paris, Londres, New York... do các đoàn kịch quốc gia trình diễn hay do chính đoàn kịch Berliner Ensemble mà ông đã thành lập đưa Bertolt Brecht lên hàng

---

(1) Xem bài (Văn nghệ như một phủ nhận, Bách khoa số 115 ngày 15.10.1961).

http://tieulun.hopto.org

những nhà soạn kịch danh tiếng nhất của thời đại.

Brecht sinh năm 1898 ở Augsbourg, miền Rừng-Đen (Forêt noire) nước Đức. Đang theo học trường Y khoa ở Munich; Brecht bị động viên khi thế chiến thứ nhất bùng nổ. Ông làm y tá trong quân đội và đã soạn những bài thơ đầu tiên tặng chiến sĩ bị thương. Sau khi nước Đức bị thua trận và cuộc cách mạng 1919 ở Đức thất bại, ông viết hai vở kịch «Baal» (1919), và « Trong rừng rậm các thành phố» (1920), nội dung bầy tỏ tính chất phản kháng lãng mạng của tuổi thanh niên chán chường thất vọng. Sang đến những vở « Tiếng trống ban đêm » (1922), « Sự cao cả và sa đọa của thành phố Mahagonny » (1928), « Người cho con người » (1928) đã chứa đựng một phê bình xã hội những tình cảnh do chiến tranh, bóc lột kinh tế gây ra. Vào khoảng 1930, Brecht chuyển hướng. Ông viết một loạt những vở kịch có tính cách sư phạm cho đài phát thanh và cho quần chúng ở các trường như « chuyến bay của Lindbergh trên Đại dương », «Sự quyết định» « Người nói phải, Người nói không », « Luật và nố trừ ». Nhưng dần dần tuy, không gạt hẳn ý định sư phạm, những vở kịch như « Thánh nữ Gioan của các lò sát sinh» (1930) và «Người Mẹ» phỏng theo cuốn tiểu thuyết danh tiếng của Gorki đã thực sự trở thành những tác phẩm trưởng thành bày tỏ một quan niệm kịch độc đáo của Brecht. Những biến cố chính trị dồn dập xảy ra thay đổi cục diện và số phận nước Đức. Đảng Quốc Xã của Hitler lên nắm chính quyền, tiêu diệt các địch thủ chính trị và mọi người không ưa chế độ. Brecht lên đường lưu đầy. Các tác phẩm của Brecht bị thu và đốt. Sau khi dừng chân ở Pra-ha, Viên, Zurich bên Thụy Sĩ, ông sang tạm trú ở Đan Mạch. Khi quân Đức chiếm Đan-Mạch (1940) ông trốn qua Phần-Lan rồi sang Mỹ cho đến 1948. Chính trong thời kỳ lưu đầy Brecht đã viết những vở kịch xuất sắc nhất như «Mối lo ngại to lớn và sự lầm than của Đệ tam đế quốc (IIIè Reich), «Sự thăng tiến không gì ngăn trở của Arturo Uri», nội dung chống Đức quốc xã, «những cây súng của người mẹ Carrar» nội dung chống Franco hồi Tây-Ban-Nha nội chiến, và nhất là những vở «Người Mẹ can đảm và đàn trẻ của bà», «Đời sống của Galiléo Galilei», «Tâm hồn tốt của xứ Se-Tchouan, «Ông Puntilla và tên hầu Matti»,... «Vụ án Lucullus»...

Năm 1948 ông về Đức và cùng với vợ ông là một nghệ sĩ tài giỏi thành lập kịch đoàn danh tiếng Berliner Ensemble ở Đông Bá-Linh. 1956 ông qua đời về bệnh tim trong khi đang điều khiển những buổi tập diễn vở « Đời sống của Galilée ».

***

Nếu người ta tự hỏi tại sao Brecht đã có thể đạt tới một nghệ thuật kịch « cách mạng », thiết tưởng phải tìm hiểu những ý nghĩ của Brecht về khán giả mà ông nhằm phục vụ. Brecht nhận thấy rằng sân khấu hầu hết đều ở các thành phố lớn, và cũng thường dành cho khán giả ở giới thượng lưu. Do đó, nghệ thuật trở thành một thứ hàng giải trí đắt đỏ, mà chỉ một thiểu số có điều kiện hưởng thụ. Brecht nghĩ tới những tầng lớp

http://tieulun.hopto.org

đông đảo như thanh niên học sinh, thợ thuyền, họ cũng phải được thưởng thức nghệ thuật. Nhưng không phải chỉ là thưởng thức như một giải trí, nhưng cốt yếu là để họ sống nghệ thuật và biểu diễn nghệ thuật. Nghệ thuật phải gắn liền với cuộc đời họ, và chính họ biểu diễn nghệ thuật vì sống nó. Nhất là vào thời kỳ 1930, ở Đức có sẵn rất nhiều những ca đoàn lưu động, với con số hơn 14 ngàn tập họp gần 600.000 người mà 70% là lao động.

Những ca đoàn này rất cần những vở ca kịch mà họ có thể trình diễn được. Brecht đáp lại nhu cầu đó, và thế là một kịch trường cách mạng ra đời. Nó cách mạng vì không những thay đổi hẳn sự cấu tạo và trình diễn kịch mà còn cả vai trò và sứ mạng của kịch. Nghệ thuật mang tính chất đại chúng, nhằm phục vụ đại chúng. Nhưng nghệ thuật chỉ thực sự là đại chúng, nếu xua bỏ được những cách biệt giữa diễn viên và khán giả nghĩa là nếu khán giả có thể *tham dự tích cực* vào sự trình diễn. Trong kịch của Brecht, khán giả tham dự vào sự trình diễn qua trung gian những ban hợp ca hay hợp xướng, vì thế những ban hợp ca hay hợp xướng này giữ một vai trò rất quan trọng trong nghệ thuật kịch của Brecht. Trong những bài luận thuyết về kịch, Brecht xác định nghệ thuật kịch của ông như là một kịch hùng tráng (épique) khác hẳn với kịch cổ điển dưới hình thức bi kịch hay hài kịch. Theo Brecht, kịch cổ điển cũng như tiểu thuyết cổ điển, nội dung thường là trình bày một tấn kịch, một câu chuyện có tính cách xã hội, hoặc tâm lý gồm những hồi, những « xen », liên tục được cấu tạo chung quanh những « nút » là chủ chốt, đỉnh của vở kịch, cuốn chuyện. Trong tấn kịch những nhân vật cũng thường là những khuôn mẫu điển hình, mặc những tính nết cố định, phổ biến : người hà tiện, người ghen tuông, người hiền lành v.v. nói, làm theo những quy định của người hiền, người ghen, người hà tiện điển hình. Do đó, tấn kịch xuất hiện như theo một lịch trình có tính chất định mệnh, không thể không đưa tới những cái « nút » là cực điểm, hậu quả tất yếu của tấn kịch mà người xem có thể dự đoán và do đó mong đợi... Chủ đích của kịch cổ điển là nhằm gây được một xúc cảm nơi khán giả, nghĩa là phải làm sao cho khán giả cảm kích như thật khi xem kịch : cười, khóc, với nhân vật hoặc thương ghét nhân vật. Kịch càng thành công khi người xem càng bị lôi cuốn, bị hấp dẫn hòa đồng với kịch. Vì thế, theo Brecht, tiêu chuẩn căn bản về thẩm mỹ của kịch cổ điển là sự *đồng hóa*, : khán giả tham dự vào kịch bằng cách hoàn toàn coi nhân vật hay câu chuyện kịch như *là* mình và *của* mình. Kịch nhằm tạo một ảo ảnh của thực tế, làm sao cho người xem *tưởng* là thực tấn kịch được trình diễn và để cho mình bị quyến rũ, ru ngủ trong cái thế giới ảo ảnh đó. Đó là một nghệ thuật « mê hoặc » khán giả nghĩa là « trói buộc » khán giả. Người xem kịch bị lôi cuốn vào thế giới tưởng tượng của kịch mất hết khả năng suy xét và phê bình nghĩa là mất hết tự chủ, bản ngã, và trở thành lệ thuộc hoàn toàn vũ trụ của kịch. Chủ đích của Brecht là làm sao thay thế thái độ « đầu hàng »

http://tieulun.hopto.org

buông xuông theo định mệnh của khán giả bằng một thái độ giữ vững tinh thần tự chủ, đầu óc sáng suốt để nhận định, phê bình. Vấn đề là kịch có thể như Brecht nói, không làm cho người xem thụ động run sợ trước số mệnh, mà trái lại muốn hiểu số mệnh và lướt thắng nó. Hay không gây một tình thương hại trước một cảnh thương tâm mà ngược lại, gây một ý chí cứu giúp thay đổi hoàn cảnh thương tâm đó. Nói cách khác, cần phải đặt một tương quan khác giữa khán giả và sân khấu, cần phải tìm một tiêu chuẩn thẩm mỹ khác làm nền tảng cho xúc cảm nghệ thuật kịch. Tiêu chuẩn đó, Brecht gọi là «đứng xa mà nhìn» (1). Đứng xa mà nhìn là không đồng hóa với nhân vật, với câu chuyện để bị lôi cuốn mê hoặc. Đó là thái độ phê bình. Thái độ phê bình trước hết là bỡ ngỡ, ngạc nhiên, thắc mắc, tra hỏi. Khi đứng trước một sự việc, một hành động, nếu ta ngạc nhiên, thắc mắc, tức là ta còn đứng xa sự việc hành động và muốn tìm hiểu trước khi xác-định một thái độ ưng theo, cảm phục hoặc phản đối, biểu lộ một *hòa đồng* với sự việc, hành động trên. Sở dĩ thắc mắc ngạc nhiên là vì ta không coi sự việc hành động, hay nhân vật như là một cái gì hiển nhiên, rõ ràng, quen thuộc không có thể chối cãi. Nếu coi là rõ ràng hiển nhiên, không thể còn thắc mắc tra hỏi. Ví dụ sự giận dữ của vua Lear trước sự vô ơn bạc nghĩa của con gái ông ta. Theo tiêu chuẩn «đồng hóa» của kịch cổ điển, diễn viên có thể trình bày sự giận dữ của vua thế nào cho người xem chấp nhận sự giận dữ như một điều rất tự nhiên rõ ràng đến nỗi người ta không thể tưởng tượng được vua Lear có một thái độ khác không phải là thái độ giận dữ và do đó làm cho người xem cảm thông hòa đồng với vua Lear, nghĩa là cũng nổi giận với vua Lear. Trái lại theo tiêu chuẩn « đứng xa mà nhìn» diễn viên phải trình bày cơn giận của vua thế nào để khán giả có thể *ngạc nhiên* vì tại sao vua lại có thể giận dữ để khán giả có thể tưởng tượng vua Lear có những thái độ khác không phải là giận dữ. Brecht gọi thái độ của vua Lear đã bị «đứng xa mà nhìn» nghĩa là đã được trình diễn như một cử chỉ đặc biệt, tư riêng độc đáo, không phải như một phản ứng tâm lý, hay một hiện tượng *tất nhiên phải có*. Do đó sự giận dữ ở đây là *của* vua Lear mà thôi, như là một trường hợp riêng biệt, không phải biểu lộ một phản ứng phổ biến, nghĩa là mọi người đều phải cảm thấy giận như vua Lear trong những trường hợp khác, ở những nơi khác. Giận là một phản ứng nhân loại có thể xảy ra, nhưng không tất yếu phải xảy ra như một định luật phổ biến. Một cách cụ thể, đặt vào trường hợp vua Lear, nhiều người khác có thể không giận như vua Lear. Một kỹ thuật trình diễn như vậy đưa đến kết quả là khán giả không còn nhìn những nhân vật trên sân khấu như là những nhân vật điển hình, cố định, bao giờ cũng phải có những phản ứng thái độ ăn nhịp với những tính tình của họ như thể theo một định mệnh không thể chống cưỡng được, nhưng như những con người luôn luôn có thể làm

(1) Verfremdvengseffekt. Người Pháp dịch là «effet de distanciation, d'éloignement, de dépaysement.

http://tieulun.hopto.org

chủ được cuộc đời của mình và biến đổi số mệnh. Do đó kịch cũng không còn nhằm rung động những cảm quan của người xem, để làm cho họ « hòa đồng » với số mệnh nhưng là đòi hỏi họ giữ một thái độ sáng suốt để nhận định và lựa chọn, rút ra một bài học từ kinh nghiệm đời đã được trình diễn trên sân khấu. Trong một viễn tượng như vậy, vai trò của người diễn kịch cũng thay đổi khác hẳn vai trò trong kịch cổ điển.

Người diễn kịch có nhiệm vụ « giúp » khán giả nhận định và lựa chọn một thái độ trước một cảnh đời được trình diễn; do đó người diễn kịch cũng không được hoàn toàn « đồng hóa » với nhân vật mà mình đóng vai nghĩa là người diễn cũng phải giữ gìn bản ngã của họ và đôi lúc phải như *tách rời*, đứng xa khỏi nhân vật mà mình trình diễn. Ví dụ như Brecht nói, người diễn viên đóng vai vua Lear không phải *là* Vua Lear hoàn toàn, nhưng là người của thời đại ta, một người *khác* nhân vật mình đóng và do đó có thể nói cho người xem những ý nghĩ và nhận định của mình về vua Lear. Brecht so sánh diễn viên với người *chứng* một tai nạn xảy ra ngoài phố: để giúp ta hiểu tai nạn, nhân chứng diễn lại những gì mình đã thấy, nhưng đã hẳn nhân chứng không cần « đồng hóa » hoàn toàn với những nhân vật của tai nạn. Người diễn viên cũng vậy; vừa diễn vừa giải thích điều mình diễn, nghĩa là « tách » khỏi nhân vật mà mình diễn trong khi giải thích.

Quan niệm người diễn kịch vừa là nhân vật mình diễn vừa không phải là nhân vật đó thay đổi hẳn cách bố cục và gây dựng sân khấu. Kịch cốt yếu không còn phải là trình diễn một câu chuyện, đưa tới một kết thúc qua một chuỗi những sự việc, hành động liên tục và liên tiếp của những vai trong chuyện. Vì chủ đích không phải là gây niềm thông cảm hòa đồng mà là trình bày một động tác để mời gọi người xem tìm hiểu nhận xét và quyết định một thái độ. Chính vì thế mà những động tác, những sen bị gián đoạn, cắt đứt, không nối liền liên tiếp với nhau bằng những lời ca hay lời hát mà nội dung là những ý nghĩ giải thích hoặc bình luận, hoặc những lời kêu gọi khán giả đi tới một lựa chọn do nhân vật hoặc những đoàn ca hợp xướng, ngâm hoặc hát. Những lời ca hay bài hát này toàn là thơ cả.

Trong vở « Opéra de quat'sous », Mackie, người trộm cướp, trước khi bị treo cổ, quay về phía khán giả mà than :

« Thưa các ông các bà, các ngài đang thấy trước các ngài một trong kẻ đại diện sau cùng của một lớp người phải bị tiêu diệt đi. Chúng tôi là những người tiểu công nghệ làm việc với những phương pháp lạc hậu, chúng tôi bị những xí nghiệp lớn dựa vào các ngân hàng đè bẹp. Một cái chìa khóa chung có nghĩa gì khi so sánh với khẩu phần của hội vô danh. Ăn cắp vặt ở nhà băng có nghĩa gì khi so sánh với việc thành lập nhà băng? Giết một người được ích lợi gì so sánh với việc cho người đó công ăn việc làm ? ».

Hoặc sau một màn, ban hợp ca hát một bài mà nội dung là bình luận với khán giả những việc vừa xảy ra.

http://tieulun.hopto.org

« Thưa các ngài, các ngài vừa dạy chúng tôi,
Phải sống liêm chính và trốn tránh tội lỗi,
nhưng trước hết các ngài cần phải biết cho chúng tôi ăn đã,
Sau rồi các ngày nói, chúng tôi sẽ nghe.
Các ngài muốn chúng tôi ngay thẳng
Vậy hãy biết rằng
Ăn rồi mới giữ đạo được.
Phải cho mọi người nghèo đói
một phần bánh để họ khỏi đói cáo ruột
vì người sống bằng gì ?
Bằng cách bóc lột, hành hạ, cắt cổ, ngấu nghiến người.
người sống luôn luôn quên mình là người.
Thưa các ngài, cho nên các ngài không thể ngăn cản con người chỉ còn biết sống bằng sự ác và tội lỗi».

(*trong Opéra de quat'sous*)

Vì chủ đích của kịch là gây thức tỉnh, suy nghĩ và hành động, nên không cần câu chuyện phải liên tục, nhất là có những pha hồi hộp, gây cấn, những « nút » của tấn kịch. Ngay chính nội dung câu chuyện, tấn kịch cũng không quan trọng bằng đòi hỏi biết nhận định và hiểu câu chuyện, tấn kịch. Vì thế khán giả không còn thái độ đợi chờ, mong đợi « cái sắp tới » và do đó bị lôi cuốn thu hút vào cốt chuyện. Trong kịch của Brecht, chủ đích là phê bình, quyết định nên Brecht xử dụng những tấm bảng lược tóm những sự việc sẽ xảy ra trong sen sắp diễn treo trên phông để khán giả không còn phải bận tâm về cốt chuyện và được thong thả nhận định, tìm hiểu. Trong vở « sự thăng tiến không gì ngăn nổi của Arturio Ui, chủ đích là đả kích bọn quốc xã mà Brecht trình bày qua bọn trộm cướp ở Chicago. Nhưng để khán giả không thể lầm coi vở kịch là một câu chuyện trinh thám, Brecht dùng những tấm bảng ghi chú những sự kiện lịch sử, mà Brecht muốn nhại qua những nhân vật trộm cướp trong một bối cảnh trộm cướp. Những tấm bảng đó được chiếu lên sau mỗi sen đã trình diễn. Như thế khán giả không còn phải lo lắng tìm kiếm ý nghĩa đích thực những động tác trình diễn trên sân khấu và được dễ dàng nhận xét phê bình.

Một quan niệm kịch như trên tất nhiên bao hàm tính chất sư phạm, nhưng không phải là kịch nhằm phục vụ luận lý, răn đời như một phương tiện trong muôn vàn phương tiện khác. Chính kịch là sư phạm theo nghĩa đưa người xem tới một thức tỉnh về những vấn đề mà sân khấu nêu lên. Nhưng không phải người xem thụ động lĩnh hội, vì người xem tham dự trực tiếp vào sự thức tỉnh đó. Sân khấu, diễn viên không giảng dạy, trái lại chỉ giúp người xem nhận thức, phê bình, nói cách khác, cho người xem thấy vấn đề, và để họ tự rút lấy một bài học, tự quyết lấy một lựa chọn. Cho nên có một sự *tôn trọng* tự do của khán giả trong chủ đích sư phạm, vì diễn viên chỉ mời gọi người xem suy nghĩ, phê bình và quyết định. Hầu hết những vở kịch của Brecht, đều kết thúc bằng những lời kêu gọi khán giả nhận định và lựa chọn. Ví dụ vở « Tâm hồn tốt của xứ Setchouan (1939). Sự lầm than đã làm cho Shen-té thành một gái điếm, nhưng nàng vẫn giữ được một tấm lòng tốt lành và trong cả xứ Setchouan, chỉ có mình nàng cho

http://tieulun.hopto.org

những vị thần giáng thế trọ để xem trần gian còn có ai tốt lành không. Để thưởng nàng, ba vị thần cho nàng một số tiền, nàng dùng để trả nợ, và còn mua được một cửa hàng tạp hóa. Nhưng nàng bị những người nghèo đói đến lợi dụng lòng tốt của nàng ăn trộm, phá phách cửa hàng. Trước tình thế đó, nàng tưởng tượng tạo ra một nhân vật mới, là chú nàng, một người không biết tử tế và chỉ biết nghĩ đến lợi để cứu vãn cửa hàng. Shen-té biến đi, Choui-ta người chú xuất hiện coi giữ cửa hàng, chẳng mấy chốc đã làm cho bọn nghèo phải sợ và bọn giầu phải nể. Choui-ta còn lập một xưởng làm thuốc lá và bóc lột tàn nhẫn những người làm công. Nhưng vì thế mà được giầu có.

Chủ đích của vở kịch là trình bày sự giằng co giữa hai con người trong một người: một con người tốt nhưng thất bại, một con người độc ác nhưng thành công. Shenté muốn sống, không thể là Shenté tốt lành được trong một trần gian độc ác; nhưng Shen-té tự phủ nhận, cũng không còn phải là Shenté nữa. Cuối vở kịch. Brecht mời gọi khán giả tìm một giải pháp cho vấn đề: vấn đề người ta có thể tốt trong một xã hội xấu không, người ta có thể hòa hợp với mình và không mâu thuẫn với người khác không:

« Thưa các khán giả thân mến
xin đừng khó tính
vì câu chuyện đã kết thúc không ra sao cả
chúng ta mơ ước một chuyện thần tiên thế mà nó lại thành một chuyện đắng cay
chúng ta thất vọng khi màn kéo xuống,
và thấy nổi dậy muôn vàn câu hỏi thắc mắc...
Theo ý các vị phải làm thế nào,
thay đổi bản tính con người hay thay đổi trần gian ?
giải pháp ở đâu, chúng tôi thật không tìm ra
Nhưng để chấm dứt nỗi hoang mang này
xin quý vị hãy tự tìm
xin có cách nào giúp đỡ một người tốt bụng
con đường thoát khỏi khốn khổ
để có thể sống theo tiếng gọi của thiện tâm
chắc chắn thế nào cũng phải có một lối thoát xứng hợp
xin các ông các bà hãy giúp chúng tôi tìm thấy »

Chủ đích sư phạm rõ rệt hơn cả trong những vở kịch mà Brecht gọi là kịch giáo dục (Lehrstücke). Tỉ dụ vở « Người nói có, người nói không » phỏng theo kịch Taniko của Nhật mà Brecht đã soạn đặc biệt nhằm phục vụ các trường. Trên sân khấu có thầy giáo, người mẹ, đứa trẻ, ba sinh viên là những nhân vật. Ban hợp xướng giữ một vai trò quan trọng trong vở kịch như giới thiệu, giải thích, bình luận và rút ra bài học của vở kịch. Đây là nội dung vở kịch: Một làng có nhiều người mắc bịnh dịch trong số đó có cả mẹ đứa trẻ. Nhưng cần phải vượt qua rừng núi xa xôi mới kiếm được y sĩ và thuốc men. Thầy giáo đến từ biệt bà mẹ của đứa trẻ là học trò của mình, để hành trình cùng với ba sinh viên. Đứa trẻ nhất định đòi theo để lấy thuốc về cho mẹ. Trên đường, chẳng may nó kiệt sức phát bệnh không thể đi được nữa. Theo tục lệ, trong một hành trình mà gặp một trường hợp như vậy, người ta bỏ

http://tieulun.hopto.org

lại bệnh nhân hoặc lăn xuống vực sâu cho chết đi, vì không thể mang đi được. Nhưng theo tục lệ, người ta hỏi bịnh nhân xem có muốn cho cả đoàn quay trở lại để đưa bệnh nhân về và cũng theo tục lệ chỉ định, người bệnh phải trả lời : Không nên. Thầy giáo hỏi đứa trẻ theo tinh thần trên ; có đồng ý để đoàn hành trình bỏ lại không ? Nó suy nghĩ một lát rồi đáp : có đồng ý. Đó là người nói có. Trong màn hai, cũng diễn lại như màn trên, nhưng chỉ khác chỗ khi hỏi đứa trẻ có đồng ý để chịu bỏ lại và ném xuống vực sâu theo tục lệ không ? Đứa trẻ suy nghĩ và đáp : Không. Và yêu cầu mọi người quay lại đem nó về nhà. Đó là người nói không.

Khái niệm căn bản chỉ đạo trong những vở kịch sư phạm này là cái mà Brecht gọi là « biết hòa » (Einverstandnis). Hiểu và hòa đồng, Vấn đề là con người phải làm sao tìm hiểu được những tương quan đích thực giữa mình với người khác, giữa mình với những hoàn cảnh đời để hòa nhịp là biết đạo làm người. Trong thái độ của người nói có trên, có sự hiểu biết và hòa đồng với tục lệ dù phải chết. Nhưng chính cái chết làm cho con người sống đích thực là người. Tuy nhiên, đôi khi lại phải biết vượt những tương quan cố định, một chiều, để tạo ra những tương quan mới biểu lộ những hòa hợp đích thực hay những giá trị khác cũng cần được cứu vãn, tôn trọng. Trong trường hợp đứa trẻ, sự vâng phục tục lệ là một thái độ cao cả, nhưng cái chết có thể là một vô ích. Do đó, như đứa trẻ nói « đôi khi cần một tục lệ mới, một thói quen biết thích nghi linh động trước những hoàn cảnh mới », vì thế, từ chối một tục lệ có nghĩa là tạo ra một tục lệ mới phản ảnh những tương quan đích thực hơn như ban hợp xướng nhận định ở cuối vở kịch :

« Như thế là các bạn đem bạn mình về
và họ thiết lập một tục lệ mới
và một lề luật mới
họ mang đứa trẻ về
vai kề vai, tay cầm tay
họ nhắm mắt bước đi không sờn lòng
trước khinh bỉ chế nhạo
vì không ai hèn nhát hơn người bên cạnh họ ».

***

Kịch của Brecht chan chứa tình tự nhân loại và những chủ đích nhân bản. Ý tưởng nền tảng định hướng cho toàn bộ sáng tác của ông là : không có định mệnh. Cuộc đời chỉ xấu khi con người ưng thuận để cho nó xấu. Không có cái gì là hoàn tất. Mọi sự đều có thể sửa đổi duyệt lại. Sự sa đọa hoàn toàn ở chỗ đầu hàng công nhận cuộc đời trôi qua không phải do bàn tay con người chèo lái. Vậy chỉ cần sáng suốt nhận định và can đảm lựa chọn. Vở kịch tiêu biểu nhất ý tưởng trên là vở « Sự thăng tiến không gì ngăn cản nổi của Arturio Ui, viết năm 1941 nhằm đả kích chủ nghĩa quốc xã bằng cách lột mặt nạ những kẻ tự xưng là anh hùng và hạ họ xuống bằng cách gán cho họ những lố bịch không thể nhịn cười được. Chủ đích của Brecht nhằm chứng minh rằng sở dĩ bọn quốc xã làm cho người Đức hoảng sợ và suy phục, không phải vì họ là anh hùng tài giỏi, nhưng vì dân tộc Đức thụ động, buông xuôi đầu hàng.

http://tieulun.hopto.org

Sự thăng tiến của họ không gì ngăn cản nổi và xuất hiện như một định mệnh chỉ là vì không có lực lượng nào ngăn cản họ. Bọn quốc xã, không phải là những anh hùng dân tộc, nhưng chỉ là một bọn cướp đã nắm được chính quyền và suýt nữa bá chủ cả thế giới chỉ vì người ta sợ chúng. Muốn đưa khán giả đến sự thật đó, Brecht chuyển câu chuyện quốc xã sang câu chuyện bọn cướp ở Chicago để chứng minh sự hoành hành của một bọn cướp không có gì là thiên mệnh và do đó có thể chặn đứng được nếu người ta sáng suốt cảnh giác và cương quyết không buông xuôi. Cho nên tất cả những hỗn loạn lầm than, bất công ở đời đều có thể sửa đổi : tất cả tùy ở con người. Thời đại ta là một thời đại còn tràn ngập những hỗn loạn lầm than và hầu hết những vở kịch thời trưởng thành của Brecht đều là một tiếng than, phản kháng của những người thấp cổ bé họng, những người nghèo khổ, tủi nhục trong số phận bị hất hủi chà đạp bóc lột của họ. Nhưng bởi vì những hỗn loạn, lầm than bất công thường đưa đến chiến tranh, cho nên kịch của Brecht cũng hầu hết là sân khấu của những cảnh chiến chinh.

Theo Brecht, nguồn gốc của những hỗn loạn bất công lầm than xã hội là vì tiền bạc đã trở thành giá trị độc nhất ngự trị trong một thế giới sa đọa vong thân cả kẻ làm tiền, có tiền, và kẻ không tiền. Tất cả đều là những nạn nhân của tiền. Brecht đả kích chế độ lấy tiền làm « giá trị chắc chắn và vững trãi nhất », đặc biệt trong vở « Vẻ cao cả và sự sa đọa của thành phố Mahagonny ». Đây là một thành phố được thành lập ở Alaska, một thành phố để «ăn chơi», nghĩa là để cho những kẻ muốn thoát ly cái thế giới không có bình an, hòa thuận, vì không có cái gì là vững chắc lâu bền đến tiêu khiển trong một tinh thần tự do hoàn toàn. Mọi ngăn cấm đều bãi bỏ, mọi quy ước, giả hình được miễn chấp, chỉ trừ có một luật bó buộc là phải có tiền, phải trả tiền những thú tiêu khiển. Đó là « hoàng kim thời đại trưởng giả ». Paul, người sáng lập ra thành phố, không còn tiền để thanh toán những chai Whisky, sẽ bị kết án tử hình, vì « thiếu tiền » ; thiếu tiền là một tội lớn nhất có thể phạm trên đời này được. Paul chết đi, ảo ảnh của một hạnh phúc xây dựng trên tiền bạc tan tành. Gió tuyết nổi dậy. Người tiều phu miền rừng núi Alaska nhận định :

«Cần gì gió bão
bão táp tàn phá nhất
cũng còn thua con người
Khi nó tìm tiêu khiển
... Chúng ta không cần gió bão
Vì cái gì khủng khiếp nhất gió bão có thể làm được
chúng ta có thể làm được
chính chúng ta có thể làm lấy được ».

Thành phố ăn chơi sụp đổ. Vở kịch kết thúc không phải bằng một hợp ca, nhưng là một hỗn nhạc biểu lộ sự đổ vỡ loạn xạ.

Đồng tiền là nguồn gốc những hỗn loạn lầm than xã hội và hỗn loạn là nguồn gốc chiến tranh. Chiến tranh ném con người vào những tình cảnh trái ngược không thể phân biệt phải trái, không lối thoát bao lâu không chấm dứt được chiến tranh. Đó là tình cảnh người Mẹ trong vở « Người Mẹ can đảm ». Suốt

http://tieulun.hopto.org

thời kỳ Chiến tranh 30 năm, Anna Fierling kéo chiếc xe chở rượu và quần cộc bán cho quân đội trong hàng ngũ công giáo và đối phương là hàng ngũ tin lành. Gọi là người Mẹ can đảm vì bà không sợ đi bán giữa những tiếng súng của trận địa, vì chiến tranh nuôi sống bà. Nhưng chiến tranh cũng giết sạch con bà. Nỗi niềm của bà là sự giằng co chia sẻ : bà muốn có việc làm để sống đồng thời cũng muốn con cái được sống. Bà đau khổ vì mất con trai, con gái bị hãm hiếp làm nhục, nhưng bà cũng run sợ khi nghĩ đến chiến tranh chấm dứt. Khi người đội nhắc tới cái chết của chồng bà : « ông đã mất như một người anh hùng », bà đáp lại : ông ấy đã chết rồi, thế thôi, có ý nói về một sự mất mát thiệt thòi không thể bù đắp được. Bà bất cần người chết là anh hùng hay là chiến sĩ, vì đối với bà, điều quan trọng là sống thế thôi. Nhưng số phận bà cũng gắn liền với chiến tranh. Cho nên người đội cũng nhắc lại : « chiến tranh là miếng cơm của bà ».

Không thể giải quyết được những trái ngược của chiến tranh, trong chiến tranh. Đó cũng là tình cảnh của người gái điếm. Hãy nghe tiếng than của nàng đượm một u buồn chua chát.

« Thuở ấy tôi mới mười sáu tuổi đầu
quân địch đến đóng vùng tôi
hắn đã cho gươm vào bao
và biết nói những lời dịu ngọt.
Rồi đêm về tháng năm
lúc yêu đương ân ái
quân đoàn đóng trên bãi cỏ
Trống rền kèn vang
Địch đã chiếm cứ,
và người ta phải bắt tay làm quen.
Trong thành phố đầy những địch
Nhưng kẻ địch của tôi là một tay đầu bếp
nếu ban ngày tôi thù ghét hắn
tôi lại thờ hắn khi đêm xuống
Rồi đêm về tháng năm
lúc yêu đương ân ái
Trống rền kèn vang
Địch bắt chúng tôi trong bụi rậm
Phải bắt tay làm quen vậy.
Một mối tình như thế là một sức mạnh của trời
Những người đồng bào của tôi không bao giờ hiểu được
nhưng dầu vậy tôi vẫn yêu hắn một cách thành tín
Người ta lại tố cáo tôi là đã phản bội,
và một sáng sương nhạt
bắt đầu làm tôi khổ cực
quân đoàn nhổ trại
Trống rồn, kèn vang
Địch thù, cả kẻ địch của tôi
cũng bỏ xứ tôi
ra đi »

(màn hai, trong Người Mẹ can đảm)

Trong một hoàn cảnh đã phi lý, không thể sống hợp lý, và do đó người ta khó có thể tốt trong một xã hội hư hỏng, hỗn loạn, bất công, như bài thơ «Mặt nạ của sự độc ác» trong vở «tâm hồn tốt của xứ Setchouan » đã nói lên đôi khi người ta phải cố gắng mới xấu được trong một hoàn cảnh đã xấu :

« Trên tường nhà tôi, treo một bức họa Nhật Bản
đó là cái mặt nạ của một thằng quỷ dữ, mạ vàng
Tôi động lòng trắc ẩn khi nhìn ngắm

http://tieulun.hopto.org

những đường gân xanh phồng trên trán hắn,
chứng tỏ hắn đã phải cố gắng thế nào
mới có thể trở thành độc dữ như vậy ».

Cho nên, phải thay đổi xã hội tận nền tảng, nghĩa là tiêu diệt những bất công bằng cách chống lại sự ngự trị của đồng tiền làm hư hỏng, sa đọa mọi tương quan nhân loại ;

Đồng tiền làm cho người ta có thể «biến thiên nhiên thành một hàng hóa, bán ngay cả đến khí trời mà chúng ta thở, và cái chúng ta ăn họ cũng bán nữa. Từ những căn nhà đổ nát, họ còn kiếm được chỗ cho thuê, cũng như bán ra tiền cả từ miếng thịt đã thối ».

Chỉ khi nào lật đổ được chế độ mà đồng tiền ngự trị, con người mới hy vọng bước vào một nhân loại thực sự người làm hòa với người. Bao lâu chưa thay đổi được chế độ, thì những thương xót, cứu tế chỉ là vá víu vụn vặt, không giải quyết được gì cả.

« Người ta nói với tôi ở Nữu-Ước
khu Broadway và phố thứ 26
Trong những tháng đông, một người
đứng xin khách đi đường và đã tìm
được những chỗ trọ cho những kẻ
không nhà
để qua một đêm lạnh
Dầu vậy, thế giới vẫn không thay đổi
gì
Tương quan giữa người với người
không vì thế mà tốt hơn
Sự người bóc lột người cũng không
vì thế mà giảm đi
Nhưng một vài người tìm được chỗ trọ
Qua một đêm, gió lạnh không tạt mặt
họ
Và tuyết dành cho họ đã trải hè đường.
Đừng đặt sách xuống bàn, người đang
đọc.
Một vài người có chỗ trọ
Qua một đêm gió lạnh không tạt mặt
họ
Và tuyết dành cho họ đã trải hè đường
Nhưng thế giới dầu vậy, không thay
đổi gì
Tương quan giữa người với người
không vì thế mà tốt hơn,
Sự người bóc lột người cũng không
vì thế mà giảm đi ».

Brecht, nhà nhân bản, nghệ sĩ của lớp người nhỏ bé, nghèo khổ đã mất, nhưng thế giới mà ông dùng nghệ thuật để tố cáo chưa thay đổi. Tiếng than, lời ca của Brecht, vẫn còn là một tiếng mời gọi chúng ta thức tỉnh sáng suốt nhận định và can đảm lựa chọn.

NGUYỄN-VĂN-TRUNG

T. C.— Khi tìm hiểu kịch nghệ của Brecht, người ta không thể không nghĩ tới tuồng hay hát bội. Đó không phải là do một ý muốn so sánh ép gượng, vì chính Brecht đã nghiên cứu tường tận và tuyên bố chịu ảnh hưởng trong khi xây dựng nghệ thuật kịch của ông.

Kịch của Brecht và tuồng đều khác hẳn kịch cổ điển ở chỗ không nhằm trình bày một tấn kịch (drame) trong một diễn tiến liên tục mà diễn viên phải làm sao lột được hết những đặc sắc của nhân vật mình đóng. Do đó kịch cổ điển chú trọng tới những động tác và tính cách liên tục của chúng vì sự liên tục này cấu tạo tấn kịch của vở kịch. Trái lại Brecht và tuồng chú trọng vào ý nghĩa của những động tác do đó diễn viên không cần hòa đồng hoàn toàn với nhân vật nhưng đôi khi chỉ cần bắt chước

http://tieulun.hopto.org

điệu bộ (mimique) có tính cách tượng trưng vì điều quan trọng là trình bày *ý nghĩa* của động tác và câu chuyện. Như thế diễn viên không hoàn toàn là nhân vật và kịch cũng không cần sự thống nhất liên tục giữa các hồi, cảnh. Trong kịch của Brecht nhiều chỗ, diễn viên chỉ làm điệu bộ một cách yên lặng trong khi đoàn hợp xướng giải bày tâm tình của nhân vật hay bình luận về động tác vừa trình diễn, Nhiều cảnh mà trong kịch cổ điển có thể là những « nút » quan trọng hồi hộp như lúc hôn phu của Groucha về nhà, khi chiến tranh đã chấm dứt, nghi hôn thê không còn trung tín, Brecht không trình bày những động tác của màn trở về đó mà chỉ kể và bình bằng vài câu thơ hát.

Trong tuồng cũng vậy những cử chỉ đều có ý nghĩa tượng trưng (như lên ngựa, đánh nhau, thì múa chân múa tay thế nào theo qui ước không phải là những cử chỉ thực như kịch thường).

Sau đó diễn viên ngâm hát cùng với tiếng đàn và giải bày tâm sự của nhân vật mình bắt chước, hoặc là rút ra một bài học từ động tác câu chuyện vừa diễn.

Bài hát, ban hợp xướng (Songs) của Brecht là bắt chước tuồng

Kịch của Brecht và tuồng đều không có tính cách bi kịch bi đát như kịch cổ điển, trái lại có tính cách sư phạm và do đó có tính cách đại chúng

Như thế có thể nói kịch của Brecht là một thứ tuồng cải lương ; Brecht hiện đại kỹ thuật tuồng cổ tàu, nhưng vẫn giữ nguyên tắc căn bản của tuồng, phân biệt tuồng khác với kịch ; trong khi tuồng cải lương mà những người muốn hiện đại họa nó ở đây hình như lại muốn biến tuồng thành kịch, nghĩa là gạt bỏ những cái độc đáo, đặc sắc về thẩm mỹ và nhân văn của tuồng.

Tư tưởng hiện đại

của BÙI - GIÁNG

TẬP SÁCH MỚI MẺ, KHƠI DẪN ĐÚNG MẠCH NGUỒN NHIỀU GIỐNG TƯ TƯỞNG.

NHÀ XUẤT BẢN NGUYỄN-HIẾN-LÊ

12/3c KỲ-ĐỒNG — SAIGON

Mới phát hành cuốn :

TƯƠNG LAI Ở TRONG TAY TA

của NGUYỄN - HIỀN - LÊ

Sách dày 264 trang — Giá 58 $

http://tieulun.hopto.org

5 Kinh nghiệm đời văn
(call it experience)

ERSKINE CALDWELL *(xin xem từ B.K. số 129)*

PHONG-GIAO dịch

IX

Tới giữa năm 1926, tôi quyết định công việc đầu tiên sẽ là bỏ nghề làm báo và rời khỏi Atlanta. Kiểm điểm lại, tôi làm việc ở báo *Journal* đã được một năm, tôi đã viết được tới 4 hay 5 chục truyện ngắn mà chưa có truyện nào được đăng cả, và sau chót tôi có chừng 2 ngàn cuốn sách, tiểu thuyết và các loại khác (1) mà tôi đã được giữ như nhuận-bút các bài điểm sách. Phần khác, tôi đã để dành được gần 200 Mỹ-kim.

Thành quả vừa kể thật là ít ỏi, nhưng điều quan trọng lớn lao hơn đối với tôi là trong 12 tháng vừa qua tôi đã nhận thức được một cách thật chắc chắn lòng ham muốn được trở thành nhà văn. Theo nhận định của riêng tôi thì trên cõi đời này chỉ có một hạng nhà văn chân chính — hạng nhà văn được đọc những gì mà mình viết ra in trên giấy mực. Tôi không nhớ đích xác ngày nào tham vọng đó đã bắt mầm nẩy rễ trong tôi để rồi tự nó lớn mạnh lên, nhưng sau đó chưa có lúc nào tôi lại có ý nghi ngờ rằng cái năng-lực hay cái thiện-ý của nó lại có thể nuôi sống được tôi.

Gạt ra ngoài tất cả những sự khôn ngoan và kinh nghiệm của người khác, tôi sắp sửa rời bỏ chỗ làm hiện nay để dành tất cả thời giờ cho công việc duy nhất là viết truyện ngắn và tiểu thuyết. Tôi tự hứa là ngoài việc viết sách ra, tất cả mọi công việc gì khác đều chỉ là tạm bợ mà mục đích duy nhất chỉ là lo cho đủ miếng ăn thanh đạm, một mái nhà che mưa đụt nắng, cùng một số tối thiểu quần áo che thân. Tôi trù liệu bỏ ra 5 năm để hoàn thành ước vọng, với dự tính sẽ bỏ thêm 5 năm nữa nếu xét ra là cần thiết. Tôi chưa biết chắc sẽ dùng phương cách nào để sinh sống cùng lo tròn những bổn phận riêng khác nữa, song thuở đó những điều đáng lo ngại này đối với tôi chẳng có chi là quan trọng cả. Tôi tự tin sẽ tìm được lối thoát khi nào nhu cầu đòi hỏi.

---

(1) fiction and non-fiction

http://tieulun.hopto.org

Sau khi đã nhất quyết như vậy, và sau khi đã tự hứa sẽ không để cho bất cứ một ai ngăn cản phá ngang, tôi mới lo chọn nơi nào thích đáng để tới định cư. Ngoại trừ mấy tháng ở Pennsylvania, từ bé tới nay tôi toàn sống ở miền Nam, vì vậy tôi muốn tới ở một vùng nào thật xa xôi và mới lạ. Tôi nuôi ý định viết về đời sống của miền Nam, và tôi linh cảm thấy rằng tôi sẽ viết đúng hơn, hay hơn, nếu tôi sống ở một nơi cách xa mảnh đất quen thuộc này. Tôi không thích thú xuất ngoại mà chỉ ước muốn sống ở một miền xa lạ nào đó trong Hiệp-Chủng-quốc. Không kể tới mức sinh hoạt đỡ đắt đỏ, hạt Maine là một địa điểm khá xa xôi trên bản đồ. Vì thế tôi quyết định đi tới vùng bờ bể phía Đông này. (1)

Tôi bắt đầu đóng sách vào những thùng gỗ cứng để gửi tàu biển chở hàng. Tôi không biết rồi sẽ làm gì với số gần hai ngàn cuốn sách đó, nhất là tôi lại đã đọc hết những cuốn thích thú rồi, nhưng vì số sách đó là của cải riêng tây độc nhất, vả lại nó có giá trị nhiều quá khiến tôi không thể cho đi hay là đem bán « xon » cho được.

Về phía anh bạn Frank Daniel, dầu anh ta có hoài nghi đi nữa, cũng không tỏ ra dấu hiệu gì cho rằng tôi đã quyết định việc ra đi một cách quá táo bạo và kém chín chắn. Anh ta còn bạo dạn ngỏ ý là nếu như anh cảm thấy có đủ khả năng để thành công trong việc viết tiểu thuyết, thì anh hi vọng sẽ có đủ can đảm để theo gương tôi. Tuy nhiên, anh ta đã cả quyết sẽ theo đuổi nghề làm báo cho tới cùng.

Trái lại chủ bút Hunter Bell thì lại cố gắng chỉ bảo cho tôi biết những cảnh gian nan mà tôi sẽ gặp phải nếu như tôi cứ dại dột mà lao đầu vào cuộc mạo hiểm này. Ông mô tả cho tôi cái tương lai đen tối của những kẻ kém phận trong cõi đời này thường chỉ mong sống, ăn và ngao du sơn thủy mà không cần công ăn việc làm chi cả. Tới khi tôi đã gửi giấy báo thôi việc trước hai tuần rồi (2) mà Hunter còn cố gắng thuyết phục tôi đổi ý. Ông ta còn giao phó cho tôi mấy việc dường như được tính toán kỹ từ trước, nhằm chứng tỏ cho tôi biết trước những điều thiệt thòi một khi rời khỏi tòa báo.

Một trong những việc chót mà tôi được ủy thác tại báo *Journal* là sửa soạn cho số báo phát hành ngày chủ nhật một bài đặc biệt tường thuật những hoạt động của Hội-nghị xứ Atlanta (3) và của phòng du-lịch địa-phương, vốn là một tổ-chức bất-vụ-lợi do một nhóm các đại thương-gia tài trợ. Viên giám-đốc quản trị của tổ chức này tên là Fred Houser, một người vui tính, được nổi tiếng nhờ ở tài đã tổ chức được nhiều cuộc hội nghị tại tỉnh nhà.

Buổi sáng ngày thứ hai, sau khi phát hành số báo ngày chủ nhật gồm có nhiều bài vở đặc biệt cùng một tấm hình thật đẹp và « nổi đình đám » nhất của viên giám-đốc quản-trị, Fred Houser tới thăm tòa-soạn nội thành báo *Journal*. Hunter sai tùy phái mời tôi tới chơi.

---

(1) Down East

(2) two weeks' notice

(3) The Atlanta Covention

http://tieulun.hopto.org

Khi tôi bước vào văn phòng viên chủ bút nội thành thì Fred Houser đang vui sướng ra mặt. Ông ta xiết thật chặt bàn tay tôi và vồn vã nói :

— « Tôi xin mạn phép được mời anh đi dùng bữa trưa với tôi, Caldwell nhé. Chà, bài của anh mới tuyệt làm sao ! Trọn một trang bài vở, lại còn bao nhiêu hình ảnh nữa chứ ! ».

Ông ta ân cần vỗ lên vai tôi nhiều lần và nói tiếp :

— « Caldwell này, thật tình tôi chưa bao giờ được đọc bài nào hay hơn bài của anh đấy nhé. Trước đây, nghĩa là trước bài báo của anh ngày hôm qua, thiên hạ có mấy ai biết được là ngay chính thành phố Atlanta này lại là một trung-tâm phồn thịnh của các cuộc hội nghị. Điều đó cũng chứng tỏ cho các nhà kinh doanh biết được cái tầm ích lợi mà chính họ sẽ thâu lượm được khi bỏ tiền tài trợ cho tổ chức của chúng tôi. Ngay buổi sáng hôm nay đã có nhiều nhà kinh-doanh quan trọng gọi điện-thoại cho tôi để ngỏ ý muốn được nhập vào nhóm chúng tôi. Năm nay tôi sẽ thu hút các người tới họp hội nghị và đem nhét đầy các khách sạn. Để rồi anh xem, mấy ông tướng ấy sẽ bằng lòng được nằm ngủ vắt chân ra ngoài cửa sổ của quán trọ Ansley và Piedmont. Tụi mình sẽ tới ăn trưa ở nhà hàng Rathskeller để mừng việc này, bỏ Caldwell nhé. Đương nhiên, tôi sẽ đãi anh. Anh tha hồ gọi bất cứ món ăn nào mà anh thích mà không cần quan tâm gì tới giá tiền cả.

Tôi cám ơn Fred và hẹn tới trưa sẽ gặp lại tại nhà hàng Ansley.

Sau khi Fred đã cáo từ, Hunter đi tới ngồi trên mép bàn của tôi, trịnh trọng nói :

— « Cậu thấy chưa, Erskine. Cậu đã nhận thấy điều hay nếu cậu tiếp tục ở lại đây hay chưa ? Đó, nghề làm báo như vậy đó. Cuộc đời đáng sống lắm đấy chứ ? Cậu có quá đủ thông minh và hiểu biết để khỏi lãng phí cảnh sung sướng mà lao đầu vào việc viết tiểu thuyết lôi thôi. Có ai mà không biết rằng việc viết truyện chỉ là một công việc tầm phơ. Mà làm tiểu-thuyết-gia thì được lợi lộc cái cóc khô gì ? Hầu hết đều thất bại, sống đồng xu dính túi không có, bạn bè chẳng có ai tin cậy dám cho vay lấy vài đồng bạc. Ngay cả bọn chuyên cho vay nợ lãi cũng phải lánh xa. Còn như nếu cậu ở lại làm việc cho tờ Journal, thì cậu biết chắc là bất cứ lúc nào cậu cần tiền, tôi chỉ cần viết giúp một vài chữ thôi là người thủ-quỹ sẽ cho cậu vay trước ngay tức khắc một tuần lễ tiền lương ».

Ông ngừng lại, chăm chú đợi tôi trả lời, lát sau mới hỏi tiếp :

— « Thế bây giờ cậu có còn ý định rời bỏ tất cả để chuồn đi nơi khác hay không ? »

Tôi trả lời là không có điều chi làm tôi đổi ý cả.

Trong một lúc lâu, ông ta hút từng hơi thuốc xì gà nhỏ, vừa kéo khói vừa lăn điếu thuốc qua lại trên môi. Ông tiếp tục chăm chú nhìn thẳng vào mặt tôi, vẻ mặt không thay đổi. Một lúc lâu, ông mới buồn rầu nói :

— « Vậy à. Thôi thế, tạm biệt cậu nhé. Hi vọng là một khi đã rời bỏ nơi đây, cậu sẽ không gặp quá nhiều cảnh khổ.

http://tieulun.hopto.org

Nhưng cậu có thể tin cậy là bất cứ lúc nào tôi cũng sẵn lòng nâng đỡ cậu ».

Nói đoạn ông đứng lên và bỏ đi ra.

Tới cuối tuần đó, tôi rời Atlanta đi đến hạt Maine.

***

X

Vào đầu mùa hạ, nội-địa hạt Maine chìm sâu trong vẻ vắng lạnh của những cánh rừng ẩm ướt, thật là một cảnh trí thần tiên, phơi bày một hòa hợp những màu xanh tuyệt mỹ. Từ mầu xanh thẫm trên những ngọn đồi ngợp bóng thông tùng, đến mầu xanh của những cánh đồng cỏ mơn mởn màu tươi, có những giòng suối nhỏ quanh co uốn khúc, tới mặt nước hồ lặng trong nhẹ nhàng phản chiếu ánh sáng nền trời. Cảnh thôn dã thật trầm lặng và thanh thản, xa cách hẳn với những cảnh ồn ào và phức tạp của độ sống cơ giới văn minh. Đây thật đúng là nơi cư ngụ lý tưởng cho những ai muốn sáng tác văn chương, nếu như người đó có đủ tài năng để mà viết lách.

Nhưng không bao lâu sau, tôi được biết rằng mùa Hè tươi đẹp tại hạt Maine, chỉ là một mùa ngắn ngủi chừng vài tuần lễ mà Đấng Hóa-Công đã rộng lượng ban cho loài người trong mục đích duy nhất là giúp đỡ họ dự phòng các vật dụng cần thiết cho mùa đông. Đó là thời gian cần thiết để tìm kiếm và thâu đoạt với bất cứ giá nào thứ vật dụng cần thiết nhất để có thể sống qua một mùa đông kéo dài trong suốt 9 tháng trường : thực phẩm và hơi nóng.

Thực phẩm có nghĩa là khoai lang nên tôi trồng khoai. Hơi nóng có nghĩa là củi đốt, và tôi đi đốn củi. Đốn cây, bửa củi, chẳng bao lâu đã chiếm mất cả ngày giờ. Viết lách lại là công việc của đêm khuya. Trọn đêm tôi thức viết truyện ngắn cùng các bài điểm sách cho Cora Harris. Trong một khoảng thời gian kéo dài tới mấy tháng, giấc ngủ đối với tôi hầu như đã là một món xa xỉ phẩm khó lòng có nổi.

Tôi không được biết sẽ cần dự trữ bao nhiêu củi để có thể sưởi nóng đầy đủ căn nhà rộng lớn này từ tháng 9 cho tới mãi tháng 5. Căn nhà xưa hàng thế kỷ đó đã được thu dọn để thích ứng với một nơi nghỉ ngơi trong mùa hạ, và đã từ nhiều năm nay thường bỏ trống suốt mùa đông. Căn nhà thật thoáng đãng và mát mẻ trong mùa hè, đáng kể là một nơi cư ngụ lý tưởng cho những ai cần nghỉ ngơi hay cho những khách nhàn-du, song đối với những người dân bản xứ, nghĩa là những người đã biết rõ cảnh phiền phức của cái rét cắt da trong những đêm đông cóng lạnh, thì căn nhà đó chỉ là một nơi đáng ngại.

Căn nhà có nhiều buồng, đầu hồi lợp gỗ (1) nằm trên một ngọn đồi, lọt giữa hai mặt hồ, tại thị trấn Mount-Vernon, thuộc quận Kennebec, phơi cả ba góc nhà trước những cơn mưa tuyết dai dẳng suốt cả mùa Đông. Đáng buồn hơn nữa, chỉ có hai trong số nhiều buồng của căn nhà là có lò sưởi mà thôi.

Tôi tới hỏi thăm người láng giềng gần nhất, một nông gia tên là Arthur Dolloff,

(1) The gabled-clapboard : ở bên Mỹ — tấm gỗ nhỏ giống như tấm ngói dùng để lợp nhà.

http://tieulun.hopto.org

ở cách nhà tôi khoảng chừng nửa dặm đường, xem tôi cần trữ bao nhiêu bó củi để đủ sưởi ấm trọn mùa đông. Arthur là người sống đã lâu tại Maine nên ông đã xây một căn nhà có 5 phòng, với một tầng lầu không cao lắm, trông tựa như một cái hộp đựng muối. Các bức tường và rầm gác được lót thảm cách nhiệt, các buồng đều nhỏ có trần thật thấp; và Arthur ngăn cách căn nhà với tuyết lạnh bên ngoài bằng một bờ lũy dựng bằng mạt cưa cùng những cành phi lao. Riêng kho chứa củi, căn phòng lớn nhất trong nhà, chất đầy củi khô, quanh năm ngày tháng.

Arthur ngắm nhìn kỹ lưỡng căn nhà nghỉ hè rộng lớn và cao ngất ngưởng trên đồi của tôi trước khi lên tiếng :

— Dễ phải tới mười tám, hai chục bó (1).

Ông ta phỏng đoán thế, và thận trọng nói thêm :

— Đó là không kể trường hợp cậu Hai Thiên (2) có lòng ban cho tụi mình một mùa đông thật rét. Gặp cảnh đó, tôi ao ước có thêm được chừng 6, 7 bó nữa để cho khả dĩ đủ sài.

— Trời lạnh tới độ nào hở ông ?

— Thường là 20 dưới không độ.

Tôi hỏi ông xem độ lạnh đó có kéo dài thật lâu không.

— Trong hạt Maine này, chắc chắn tôi sẽ không phải là người độc nhất nói rằng trời sẽ lạnh liên miên đấy nhé.

— Vậy theo ý ông, tôi cần phải bỏ ra bao nhiêu thời giờ để đốn được 20 bó củi và đem chất vào trong vựa.

— Anh làm một mình chứ không cần người khác phụ giúp hay sao ?

Tôi đáp là tôi có ý định tự soay sở lấy một mình.

— Cần phải bắt tay vào việc ngay bây giờ đi, may ra sẽ kịp trước khi giống ngân-thử chui vào trong hang (3); có khi còn lâu hơn thế nữa, cái đó còn tùy ở tiết trời.

— Nếu vậy, tôi cần phải làm ngay.

Arthur đồng ý :

— Tôi không nghi ngờ gì điều khôn ngoan ấy cả, bởi vì sự tê cóng quả là tai hại lắm.

Niên-lịch ghi ngày 4 tháng 7, khi tôi bắt đầu hạ cây và cưa thành từng khúc vừa với lò sưởi. Đầu tiên tôi đốn những cây bạch phong vì chúng mọc ở gần nhà không xa như những cây gỗ cứng, và bởi vì những cây đó một khi đã đốn ngã rồi còn phải cưa ra thành khúc rồi khuân vác, kéo, hoặc lăn hàng hai trăm thước (4) mới tới nhà, nên tôi chẳng buồn kiếm đốn loại cây phong hoặc cây giẻ gai. Không bao lâu sau ngày Lễ Lao Động (5) lọn tuyết đầu tiên bắt đầu rơi xuống, mà lúc đó vựa củi nhà tôi mới có chừng mươi bó củi còn tươi. Thoạt trông, tôi ngỡ đã có một kho củi khổng lồ, và tôi không khỏi cảm thấy kiêu hãnh về công việc vĩ đại mà tôi đã hoàn tất kể từ ngày tới ở Mount Vernon.

---

(1) Cords. (2) the Old Boy.

(3) Groundhog Day — Groundhog là một giống ngân-thử, thường ngủ trong hang suốt cả mùa đông

(4) Yard : mã, dài bằng 0m914 — Foot : bộ, dài bằng 0m3048

(5) Labor Day, khoảng đầu tháng 7.

http://tieulun.hopto.org

Tôi bèn ngưng việc đốn cây ; nghĩ rằng, dẫu sao cả nhà cũng chỉ có hai lò sưởi mà thôi.

Khi Arthur Dolloff trông thấy đống củi còn chưa kịp khô chất trong vựa nhà tôi, ông buồn bã lắc đầu :

— Cái giống bạch phong này nếu còn tươi thì đốt không cháy mà đến khi cháy thì lại mau tàn than. Có thể là sang năm anh sẽ chịu khó hạ những cây giẻ gai và sẽ biết cách sưởi ấm hơn bây giờ.

Tới đầu tháng Giêng, tôi đã đốt gần hết số củi dự trữ và ngoài trời nền tuyết dày tới 4 bộ (1). Để tiết kiệm số củi còn lại, tôi chỉ còn đốt mỗi một lò sưởi trong bếp mà thôi. Ban đêm, khi giá băng tràn vào trong nhà, các ván gỗ thi nhau rạn nứt, tiếng nổ vang lên trong căn nhà rộng đôi lúc nghe giống như tiếng súng lục. Về đêm, hàn thử biểu thường chỉ O độ Fahrenheit, có khi xuống thấp hơn, đôi lúc mức thủy ngân tụt xuống độ tận cùng là 40 dưới O độ, và thường thì ban ngày cũng chẳng ấm áp được hơn là bao nhiêu.

Trong một căn phòng không có hơi sưởi trên tầng lầu, tôi phải mặc một cái áo len, một cái áo nịt bằng da và khoác thêm một áo bành tô nữa mới cầm cự nổi trước bàn máy đánh chữ. Thế mà tôi còn phải lấy chăn quấn lấy đôi chân, và thỉnh thoảng phải ngưng lại để hà hơi vào những ngón tay lạnh cóng.

Phía ngoài khuôn cửa sổ, trông về hướng Đông là cả một cách đồng mông mênh phủ đầy băng tuyết sâu lụt đầu gối người ta. Mầu trắng tẻ nhạt của đồng tuyết thật bao la, chỉ bị ngắt quãng bởi những mỏm đá cao, và những đường viền quanh mặt hồ đóng băng gợn gió. Trong khung cảnh buồn thảm đó, tôi đã làm việc từ 10 tới 12 tiếng đồng hồ ban ngày, đôi khi còn thức trọn đêm. Tôi sáng tác nhiều truyện ngắn, truyện dài ; viết rồi sửa, rồi viết lại, kiên tâm trì trí, bất kể thời gian cũng như thời tiết, cố gắng không ngừng.

Tới tháng Hai, trời trở lạnh tới mức mà tôi chưa bao giờ dám tưởng tới. Ngày này qua ngày khác, co ro trong căn phòng không có hơi sưởi mà những cửa kính đã mờ ám vì hơi thở của tôi, và tuy làn da bọc các ngón tay nứt nẻ cả ra vì cóng lạnh quá lâu, tôi vẫn cố gắng không ngừng để tạo cho các thiên truyện cái sắc thái mong muốn. Tôi phải mệt trí lắm mới hồi tưởng được những ngày Trọng Đông (2) ấm áp nắng trời tại vùng Nam Carolina và miền Đông Georgia.

Arthur Dolloff giận tôi đến độ lầm lì, kể từ tuần lễ đầu tháng Hai, ông chẳng thèm nói với tôi lấy nửa lời, những con chuột đồng mầu nâu lẻn tới trú ngụ trong nhà tôi từ hồi tháng XI để ẩn náu cho qua mùa đông, đều rời bỏ nhà tôi ngay từ đầu tháng Hai, khi tiết trời trở lạnh quá đỗi, để mò sang căn nhà ấm áp của Arthur Dolloff. Từ hồi đó, đêm cũng như ngày, đã rất nhiều lần tôi nghe thấy những tiếng nổ yếu ớt từ phía vựa củi nhà Arthur. Đó là những tiếng súng mà Ông đã bắn để xua đuổi đàn chuột.

Trước ngày nguyệt-tận chúng tôi (3) từ giã miền Bắc xứ tân Anh-Cát-Lợi đó (4) để đi về hướng Nam. Lẽ ra tôi phải nói ngay từ lúc khởi đầu rằng hạt Maine đúng là một nơi lý tưởng để mà viết sách nếu như chúng ta được sưởi ấm đàng hoàng.

PHONG-GIAO

(còn tiếp)

---

(1) Labor Day, khoảng đầu tháng 7.
(2) midwinter
(3) trong nguyên-bản « We »
(4) Northern New-England

http://tieulun.hopto.org

Diễn giả :
A Comte Keyserling

Nghe diễn thuyết về cuộc cách mệnh tư tưởng Đức, thế-kỷ 19

BÙI-HỮU-SỦNG

GẦN đây, các nhà phê-bình văn học hay mượn danh-từ địa-lý để nói về thiên tài sáng tác, như dùng chữ « đỉnh » (le sommet) để chỉ một văn-hào hay một triết-gia trác tuyệt. Nhân đi nghe mấy buổi diễn thuyết về Triết-học tại trung tâm văn-hóa Đức tại Saigon, tôi cũng liên tưởng tới các « đỉnh » trong địa hạt tư tưởng Á và Âu. Nhìn dưới bầu trời tinh thần Á-Đông, ai cũng thấy sừng sững các « đỉnh » cao vút của Ấn-Độ đối diện với dẫy núi Hi-Mã-Lạp-Sơn. Nhìn bên kia trời Tây, ta cũng thấy những «đỉnh» chót vót như Kant, Hegel, Fichte, Nietzsche đa số tập trung ở Đức-quốc. Nếu cho Pháp-quốc là một nước nghệ-sĩ và văn-nhân, thì phải nhận Đức-quốc là một nước thi-gia và triết-gia. Bước từ triết-học Pháp sang triết-học Đức, người ta có cảm tưởng như từ thế-giới « tĩnh » sang thế giới « động », đi từ một đồng bằng rộng rãi, phẳng lặng, sáng sủa tới một miền núi rừng âm u với những đỉnh cao chót vót chìm vào từng mây phủ bên cạnh một hỏa diệm sơn đang phun lửa. Thật thế, một triệt-gia điên cuồng rồi chết với tư tưởng như Nietzsche quả là ngọn núi lửa của một thời. Chính ông đã tự giới thiệu :

Bất mãn như lửa,
Tôi đốt cháy, tôi tự thiêu,
Cái gì tôi chạm tay đến, biến thành ánh sáng,
Cái gì tôi rời tay ra, biến thành than,
Lửa, chắc chắn, tôi là lửa.

Gœthe không những là một «đỉnh» cao mà còn chiếm khu vực rộng lớn

http://tieulun.hopto.org

bao la. Gœthe là ai ? Có phải là đại thi hào không ? Không phải. Có phải là soạn kịch gia trứ danh không ? Không phải. Có phải là đại tư tưởng gia không ? Không phải. Gœthe — theo lời của P. Valéry — là người uyên bác đủ tài hoa, con người của thiên hạ (un homme d'Univers). Anh hùng Nã-Phá-Luân khi đem quân sang chiếm đóng nước Đức, gặp Gœthe đã tặng một lời cảm phục : Ngài là một người (vous êtes un homme). Một người đây là người bác ái, không để ý tới các ranh giới phân chia các tiểu bang, tới các quốc nạn và coi thiên hạ như một gia đình, coi tất cả mọi người trong bốn bể như anh em trong một nhà.

Không phải riêng Gœthe mới có hoài bão rộng lớn ấy. Từ thời Trung Cổ qua Kant, Fitche, đến cha con bá tước Keyserling ngày nay, đa số nhân vật Đức đều nuôi lý tưởng thế giới đại đồng. « *Từ thời Trung Cổ cho đến các bậc tiền phong hiện đại và có lẽ cả trong đám những bộ lạc Nhật-Nhĩ-Man thời cổ, người Đức chân chính nào cũng tự coi mình là công dân của thế giới. Quê hương ở tại làng mạc nhưng tổ quốc là trái đất* ». Câu ấy là mấy câu kết và cũng là trọng tâm của năm bài diễn văn tại Saigon trong năm tối từ 4 tháng 5 đến 8 tháng 6 tại học-viện Gœthe Saigon trước một số đông thính giả.

Diễn-giả là một giáo-sư Triết-học, người Đức, bá tước Arnold Comte Keyserling. Năm nay ông chừng 50 tuổi, người cao, trán hói, cử chỉ từ tốn, khuôn mặt hiền hòa, diện mạo và nhất là bộ râu gợi lại những hình ảnh của Socrate Platon, mà ta thường gặp trong các sử sách về thời cổ. Tên Keyserling không xa lạ đối với trí-thức Việt-Nam. Thời tạp-chí Nam. Phong (1917-1932), Phạm Quỳnh đã nhiều lần giới thiệu triết-gia Hermann de Keyserling (thân sinh của diễn-giả). Ông này đã từng đi du-lịch qua Âu-châu, Á-châu, gặp thi sĩ R. Tagore và cũng chủ trương tổng kết các nền văn hóa của thế giới để mang một thứ đạo-lý mới cho loài người.

Đặc điểm trong mấy buổi diễn thuyết là, sau mỗi bài diễn từ, các thính giả được phép chất vấn diễn-giả. Người thì hỏi mối tương quan giữa văn-hóa đại đồng và tôn giáo ; người thì hỏi về sự đe dọa của chủ nghĩa cộng sản và nền văn minh ngày nay. Đối với câu hỏi nào, diễn-giả cũng niềm nở đón lấy và trả lời tinh tường, hùng hồn. Ông nói Pháp-ngữ rất văn vẻ và tôi có cảm tưởng như được nghe một giáo-sư người Pháp đăng đàn diễn thuyết. Trong khi đối đáp, ông đưa ra một số chi tiết làm thính giả thích thú và gợi thêm thắc mắc. Ví dụ : đi qua Hương-Cảng, ông được biết, trong lục địa Trung-Hoa, ở các làng hẻo lánh, vẫn có các ông đồ dạy Hán-văn như thời xưa và diễn giả tin rằng nhờ các ông đồ ấy, tinh hoa của Nho-giáo vẫn được lưu truyền và nền đạo-đức xưa vẫn vững dưới chế-độ độc tài. Tôi tưởng tượng các thầy đồ ấy như các ẩn sĩ rãi rác trong thôn xóm, đi câu, đi cày, mà vẫn

http://tieulun.hopto.org

lấy lời « thanh - nghị phò thánh giáo ». Có lẽ diễn giả cũng tưởng nhớ tới Y-Doãn, Lã-Thượng hay Trúc-Lâm thất hiền. Diễn giả tỏ ra rất thấu hiểu triết - học Trung - Hoa. Ngoài 5 bài tường thuật dưới đây, ông còn diễn thuyết (ngày 6-6-1962) ở nhà Đồng Minh Pháp về Phần đóng góp của Trung-Hoa vào nền triết-học thế giới (Contribution de la Chine à la Philosophie mondiale) ; bài này đã được tường thuật khá đầy đủ trong Vietnam Press Saigon.

***

Phần thứ nhất. — Tường thuật sơ lược năm buổi diễn thuyết

Cả năm buổi đều đặt dưới một đại đề mục chung : « *Cuộc cách mệnh trong tư tưởng Đức, thế-kỷ 19* » ; mỗi buổi lại mang một phụ đề riêng :

I : Cách mệnh về triết học

II : Cách mệnh về khoa học

III : Cách mệnh về khoa tâm-lý

IV : Cách mệnh về tinh thần (la révolution spirituelle)

V : Tinh thần dân tộc Đức và nền văn hóa thế giới.

Nhập đề.— Theo diễn giả, từ hai trăm năm nay, dưới sự thúc đẩy của các cuộc biến chuyển về kỹ thuật và về khoa học, các xã-hội cũ đều tan rã ; quốc gia nào cũng bị lay động tới nền tảng : Chiến.tranh giành độc-lập ở Hoa-Kỳ, cách mệnh chính trị ở Nga, cuộc đảo lộn xã hội ở Pháp. Riêng về Đức-quốc, ngoài các hậu quả của hai thế-chiến, nếp sống rất ít đổi mới ; ở nước này cuộc cách mệnh thu vào địa hạt tinh thần và diễn ra theo năm giai đoạn dưới năm trạng thái : triết-học, khoa-học, tâm-lý-học, tinh-thần và văn-hóa.

I) Cách mệnh về triết-học.— Cuộc cách mệnh này khởi xướng cùng một thế-kỷ với cuộc cách mệnh của Pháp. Cho tới triết-gia Kant, tư-tưởng của Đức bị nằm ép dưới tư tưởng của tôn giáo Gia-Tô. Nhờ Luther, thế-kỷ 16, tư-tưởng Đức bắt đầu thoát thai và nhận chân thấy tinh thần của Nhật-Nhĩ-Man (race germanique) khác với tinh thần La-Tinh (Pháp, Ý v.v.). Từ đấy tinh thần của Đức là tin ở ý-thức cá nhân và tự tìm hiểu biết mình và hiểu biết vũ trụ. Nhưng « bà đỡ » Luther vẫn chưa dám giải thoát cho tư tưởng ra khỏi các giáo điều, chưa dám mạnh tin ở khoa học vì khoa-học còn ở thời kỳ chập chững. Phải đợi đến Kant (thế kỷ 18), cuộc chỗi dậy thực sự mới bắt đầu và kéo dài hai trăm năm cho tới ngày nay. Phương pháp phân-tích của Kant (dựa vào khoa-học của Newton) là chiếc thìa khóa mở toang cửa bí mật của vũ trụ ; sau cuộc phân tích ấy, các cuộc tổng hợp tư tưởng của Fichte, Hegel tiếp diễn nhau và mở đường cho hai phái triết đối lập nhau ; phái Mác-xít của Marx và phái Hiện-sinh của Kierkegaard (thế kỷ 19 người nước Đan-Mạch). Chúng ta hãy nhìn vào vài chi tiết của tư trào này :

Thoạt kỳ thủy, Kant đặt ra ba vấn đề lớn :

1) Chúng ta có thể biết được gì ?

http://tieulun.hopto.org

2) Chúng ta phải làm gì ?

3) Chúng ta có thể hy vọng gì ?

Câu hỏi thứ nhất thuộc về khoa học và Kant đã trả lời trong cuốn « Critique de la raison pure » (phê bình lý trí thuần túy) : Lý trí của con người phân biệt được cái đúng (le vrai) cái sai (le faux) ; lý trí con người hiểu được các hiện - tượng (phénomène) của các vật sáng, lập ra khoa học. Nhưng lý trí ấy không thể đi sâu hơn nữa và không thể hiểu tới phần nội tại (noumène) của vật chất. (Ví dụ : tôi quay hai cái nút điện, tôi hiểu ngay hai luồng điện âm và dương, gặp nhau và làm đèn sáng lên ; còn cái gì làm ra điện ? Phần nội tại của điện là gì ? óc tôi chưa hiểu tới. Tôi xin phép dùng nét ngoặc để dẫn thêm thí dụ cho bài tường thuật đỡ trừu tượng ; thí dụ ấy tất nhiên không có trong bài diễn văn).

Câu hỏi thứ hai và thứ ba thuộc về đạo đức và Kant đã trả lời trong cuốn « Critique de la raison pratique » (Phê-bình lý trí thực tế) : lý trí thực tế phân biệt ra điều thiện, điều ác ; lý trí có sẵn ở trong đầu óc mọi người, nó là ý chí độc lập và nó hạ lệnh cho mọi người : « người phải hành động thế nào để hành động ấy có thể làm khuôn phép chung cho mọi người » (Ví dụ : tôi muốn đừng ai ăn cắp tiền bạc của người khác thì trước hết tôi hãy bắt đầu ngăn cấm chính tôi đừng ăn cắp). Như vậy là Kant đã nêu cao sự *tự lập của con người* đối với các thần quyền hay tôn giáo ; ảnh hưởng của ông vang dội trong nước và ngoài nước. Trên bia mộ của ông còn ghi câu văn bất hũ của ông : *Bầu trời đầy sao trên đầu tôi, qui luật đạo đức trong lòng tôi.*

Tiếc thay, ông chưa đủ thì giờ để tổng hợp những điều sở đắc của ông. Ông để lại nhiều thắc mắc và các thắc mắc ấy mở đường cho tư tưởng sau đây.

Kant phân ra « lý trí thuần túy » và « lý trí thực tế » « hiện tượng » và «nội tại». Nhưng cái gì hòa hợp hai thứ lý trí ấy để có sự duy nhất trong con người. Nội tại của sự vật là gì ? Xã hội chỉ là nơi xung đột kinh tế, nó sẽ được xây dựng như thế nào để hợp với lý trí ?

Các triết gia Đức Fichte, Hegel, Marx lần lượt trả lời và cuộc cách mệnh tư tưởng cứ triển diễn theo đà của nó.

Trước hết Fichte khám phá ra cái « bản ngã » (le moi). Bản ngã này linh động và là phần nội tại của con người, nó là cái đầu mối để duy nhất hai thứ lý trí của Kant. Còn về xã hội, ông chủ trương một xã hội bình đẳng, tự do, trong đó mỗi người có quyền sống một cách xứng đáng với sức cần lao của mình.

Fichte đã nhận thấy tính « động » của bản ngã và đã nhận thấy bản ngã gây ra phi bản ngã (le non-moi) cái này là huy thể của cái trên, (tựa một hạt thóc gây ra một cái mầm và mầm này sẽ phá hủy hạt thóc). Nhưng Fichte chỉ nhận thấy sự thay đổi biện chứng ở trong thế giới chủ quan.

http://tieulun.hopto.org

Phải tới Hegel mới khám phá ra sự biện chứng trong thế giới khách quan. Theo Hegel, trước khi chưa có trời đất, đã có ý niệm thuần túy (idée pure) làm luận đề (thèse). Sau mới phát sinh ra phản đề (antithèse) là thiên nhiên. Thiên nhiên và ý niệm thuần túy tổng hợp lại (synthèse) thành thần trí (esprit) của con người. Nói khác đi, Hegel chủ trương tinh thần có trước, nên ông thuộc về phái duy tâm; sau ông Marx thuộc về phái duy vật vì ông này chủ trương rằng vật chất có trước (ví dụ: có bộ óc rồi mới có tư tưởng) và vật chất theo Marx cũng biến đổi theo nhịp ba là luận đề, phản đề và tổng đề: đó là duy vật biện chứng.

Phương pháp biện chứng của Hegel có tính cách cách mệnh, cho rằng lịch sử phải luôn luôn thay đổi không ngừng. Nhưng tư tưởng chính trị của ông lại bảo thủ: ông cho rằng, sau quá trình lịch sử thì tới đời ông, nước Đức đã thành một quốc gia quân chủ hoàn toàn rồi và ngừng lại ở đấy. Và cũng vì thế, sau ông sinh ra hai phái: phái duy vật biện chứng của Marx và phái hiện sinh của Kierkegaard. Marx kêu gọi giai cấp vô sản đoàn kết và đứng lên cướp chính quyền. Triết-gia Kierkegaard là người Đan-Mạch, chịu ảnh hưởng của Hegel. Trái với các triết-gia trước ông, ông cho rằng con người không có bản-chất (essence) vĩnh cữu mà chỉ có con người sống thực sự theo địa-vị, theo hoàn cảnh và nhất là con người nhận thức được đời sống của mình trong *thất bại*. Lúc sinh thời, thuyết của Marx và Kierkegaard ít có tiếng vang; tư tưởng của hai ông, mãi tới thế kỷ 20, mới gây ra ảnh hưởng sâu rộng. Sau khi hai ông chết, sự hào hứng rời bỏ địa hạt triết-lý để bước sang địa hạt khoa học. Vậy ta hãy xét cuộc cách mệnh khoa học ở Đức về thế kỷ 19.

II) Cách mệnh về khoa-học. — Sự chuyển hướng này bắt đầu với nhà khoa-học Justus Liebig (người Đức); ông này thấy triết học chỉ phong phú về tư tưởng mà nghèo nàn về sự thực, ông bỏ đi tìm những sự kiện khoa học (faits scientifiques). Lại gặp vào lúc mấy luồng tư tưởng mới làm chấn động giới trí thức: 1) Thuyết của Darwin (người Anh) cho người là con cháu của loài khỉ; thuyết này được hoan nghênh nhiệt liệt. 2) Robert Mayer (người Đức) xướng lên định luật bảo toàn năng-lượng và chủ trương rằng năng-lượng biến thành nhiệt, và nhiệt độ lại hay chuyển từ nóng sang lạnh: như vậy có sự lưu thông (flux) trong vật chất, chứ không phải vật bất động như trước. Thêm vào đấy, sự nhập cảng vào nước Đức các máy móc chạy bằng hơi nước làm thay đổi đời sống kỹ nghệ và kinh tế. Ai ai cũng hoan hô: « khoa học vạn năng ». Bismach (thủ tướng Đức) cũng ruồng bỏ ý-thức-hệ và áp dụng phương pháp khoa học vào quân-sự và chính trị. Nhưng khoa học càng oanh liệt càng chứa chấp nhiều mầm suy tàn.

Vào cuối thế kỷ 19, giữa lúc dân Đức đang cảm thấy thiếu một « cái

http://tieulun.hopto.org

gì » trong đời sống cơ giới, họ sẵn sàng để dễ bị lôi cuốn, thôi miên bởi khúc nhạc mê-ly của nhạc-sĩ kiêm thi sĩ R. Wagner. Đồng thời, cuộc cách mệnh khoa học cũng tới khúc rẽ. Koch khám phá ra vi trùng bệnh lao, Ohm (Đức), Faraday (Đức), Volta (Ý) xác định được vài tính chất của dòng điện; Rœntgen (Đức) tìm ra tia quang tuyến. Quyết liệt hơn hết là những thành công của Albert Einstein (Đức) và Max Planck (Đức). Xưa kia, theo thuyết Newton, người ta tin không gian và thời gian là tuyệt đối thì bây giờ A. Einstein cho chúng là tương đối và thời gian tính theo vị trí của người quan sát. Xưa kia, Leibnitz cho rằng «thiên nhiên không nhảy vọt» và các nhà vật lý tin ở thuyết hữu-định (le déterminisme) thì trái lại, ngày nay người ta khám phá rằng ánh sáng vừa là sóng vừa là hạt. Cả đến sự đổi chỗ của điện-tử trong lòng nguyên tử cũng không thể nào biết trước được. Nền tảng của khoa vật lý bị rung động; vật nào cũng chuyển từ nóng sang lạnh, tới độ không, độ chết cóng: trái đất có thể biến thành một bãi tha ma hoang vắng. Vào cuối thế kỷ 19 viễn ảnh chết vì rét, chết vì cóng ám ảnh giới khoa học, người ta bắt đầu đi tìm một nguồn ánh sáng ấm áp để sưởi lòng: tức là nguồn nghị lực tinh thần của Bergson từ Pháp ánh sang Đức mà mang lại một sinh khí hồi sinh cho tinh thần.

III) Cách mệnh về tâm lý học. — Những khám phá mới về tâm lý học của Freud, Adler và Jung khám phá ra những sức lực tiềm tàng trong đáy lòng mọi người.

Freud lập ra phân tâm học (la psychanalyse). Ông lập ra một danh từ mới, « libido », để chỉ bản năng dâm dục, bản năng này chi phối các hoạt động tâm hồn. Những danh từ cũ như « trinh tiết » bị đảo lộn. Tâm hồn nhi đồng không còn thơ ngây, trong trắng như xưa kia người ta tưởng. Tâm hồn các trẻ coi chuyển biến rất nhiều, chúng đi tìm thích thú của cảm giác ở môi miệng, ở tay sờ mó, ở các bộ phận nam nữ. Chúng thấy cả niềm vui trong những hành động tàn ác. Nói khác đi, tâm hồn của chúng luôn luôn biến chuyển, bản ngã của chúng thay đổi, chập chờn, ẩn ẩn hiện hiện tùy theo những khích động ở hoàn cảnh bên ngoài. Bản năng dâm dục, nếu bị ép dồn, sẽ biểu hiệu trong giấc mơ, trong ảo-giác (hallucination). Rồi Freud áp dụng tâm phân học vào cách chữa các bệnh thần kinh. Từ tâm-lý cá nhân, Freud bước sang địa hạt tâm-lý quần chúng, khảo sát tâm tình của một quân đội xem tại sao họ lại tôn thờ một vị tướng soái hay một vị hoàng đế.

Thuyết của ông bị các cao đệ của ông như Adler và Jung phê bình. Adler (người Đức) khảo sát về tiềm thức của con người, tìm ra mặc-cảm tự-ti của mỗi người. Ví dụ, ông cho vua Alexandre đại-đế muốn chinh phục thế giới là để trả thù cho bà mẹ bị người cha bạc đãi. Churchill ham quyền thế là để báo thù cho

http://tieulun.hopto.org

cha ông đã bị nhiều phen sỉ nhục. Démosthène trở thành hùng biện là để trả thù thiên nhiên sinh ông ra với tật nói lắp. Từ những điều sở đắc ấy, Adler tìm giải thích mỗi cá nhân, mỗi dân tộc bằng tập quán, bằng hoàn cảnh xã-hội. Thuyết của ông hiện còn làm nền móng cho xã hội-học của Mỹ.

Jung (người Đức) cũng là một trong những cao đệ của Freud. Trước hết, Jung muốn dung hòa hai quan niệm của Freud và Adler : ông phân ra hai thái độ tâm lý : hướng ngoại (extraverti) và hướng nội (intraverti). Thái độ hướng ngoại (attitude extravertie) nghĩa là tâm hồn biến chuyển theo các khích động từ bên ngoài (Ví dụ, đời sống của đứa trẻ hướng theo sự hiện diện của người cha hay người mẹ). Những người có thái độ hướng ngoại nếu mắc bệnh thần kinh thì sẽ chữa bằng phương pháp của Freud. Trái lại, thái độ hướng nội là tâm hồn quay vào nội tâm như tâm hồn của những người thích trầm tư, suy nghĩ ; nếu mắc bệnh thần kinh thì thái độ hướng nội phải chữa theo phương pháp Adler.

Sau đây, Jung tìm ra thuyết tiềm thức tập thể (l'inconscient collectif). Theo ông, cách cắt nghĩa đời sống tâm-lý bằng bản năng dâm dục như Freud chưa đủ ; cách cắt nghĩa bằng mặc cảm (complexe) như Adler cũng chưa đủ. Jung còn tìm thấy trong tiềm thức của mỗi người những hình ảnh do các tổ tiên di truyền lại như ma quỷ, tiên, thánh. Hình ảnh mà ta thường thấy, tùy theo mỗi dân tộc, trong các truyện cổ tích, hoang đường hay tôn giáo. (Jung kể lại rằng, ông chữa bệnh cho một thiếu nữ có mặc cảm đối với cha nàng. Ông nhận ra có sự di chuyển tâm lý : nàng mơ thấy Jung nhiều lần, như nàng cùng Jung đi chơi núi và nàng được Jung bồng bề như một đứa bé : trong khi gió lay động cánh đồng lúa thì Jung cũng du nàng trong tay. Thế là Jung hiện ra như một ông thần hộ mệnh của nàng và vị thần ấy là do thần thoại Hi-lạp lưu lại trong tiềm thức của nàng).

Theo diễn giả Keyserling, đa số bệnh nhân, sau khi khỏi bệnh, phó thác tâm hồn họ vào trong tay các bác sĩ đã chữa họ theo phương pháp của Freud, Adler hay Jung. Họ coi các bác-sĩ như là những người hướng đạo tinh thần (le guide spirituel) của họ. Nhưng các bác-sĩ từ chối, các bác-sĩ chỉ biết chữa bệnh thôi ; do đó các bệnh nhân kia thất vọng và nhiều người tự tử. Trước thảm cảnh ấy, người Đức lại càng có nhiều ước vọng và nhiều xu hướng về tinh thần (la spiritualité), về tôn giáo. Chúng ta hãy bước sang giai đoạn thứ tư của cuộc cách mệnh tư tưởng Đức : cách mệnh tinh thần.

IV) Cách mệnh tinh thần (révolution spirituelle). — Phải đi ngược dòng thời gian, lên tới trước cả thời cách mệnh tâm-lý, ta sẽ thấy cuộc cách mệnh tinh thần phát động với tư tưởng yểm thế của Schopenhauer (người Đức 1788-1860) với âm nhạc súc động tình cảm của Richard, với

http://tieulun.hopto.org

tư tưởng nầy lửa của triết-gia Nietzsche (1844-1900).

Nietzsche là một thần đồng ngay khi còn là học sinh và sinh viên. Mới 24 tuổi, chưa kịp trình luận án thi Tiến-sĩ, ông đã được giáo sư của ông cử dạy môn ngôn ngữ học, tại đại-học với lời giới thiệu: đây là một thiên tài. Bài giảng dạy sửa soạn đầy đủ xuất sắc, lôi cuốn rất đông thính giả cho đến ngày ông điên, ông yếu không nói được nữa và chỉ còn ở trước mặt một thính giả. Đời ông thật là thăng trầm, kẻ công kích, người hoan nghênh, bạn bè như nhạc sĩ trứ danh R. Wagner cũng dần dần xa lánh ông. Tư tưởng của ông đả phá nền đạo đức truyền thống, tư tưởng không hệ thống, mâu thuẫn nhau, ngổn ngang như lửa, như thạch phún của hỏa diệm sơn ngổn ngang chảy xuống đồng bằng, và chảy đến đâu, đốt cháy đến đấy. Ông chế cười tư tưởng của Socrate, Platon, Kant và công kích thậm tệ cái luân lý của Thiên Chúa giáo: ông cho đấy là một thứ luân lý bày đặt ra để bênh vực quyền lợi của kẻ thắng thế và nô lệ hóa hay làm ủy mị dân chúng. Ông phân ra hai loại đạo đức: đạo đức của phe khỏe và của phe yếu. Ông hô hào đập tan xiềng xích cũ để giải phóng con người, và đánh thức những tiềm lực của bản năng của lòng ham mạnh mẽ ở mỗi cá nhân. Theo Nietzsche, mỗi người phải tự vượt mình (se surpasser) phải biết sống nguy hiểm để thành một siêu nhân (un surhomme). Tư tưởng của ông đưa chủ nghĩa cá-nhân tới một độ tuyệt cao và sau khi ông mất, ảnh hưởng càng lan ra sâu rộng trong giới tư tưởng ngày nay.

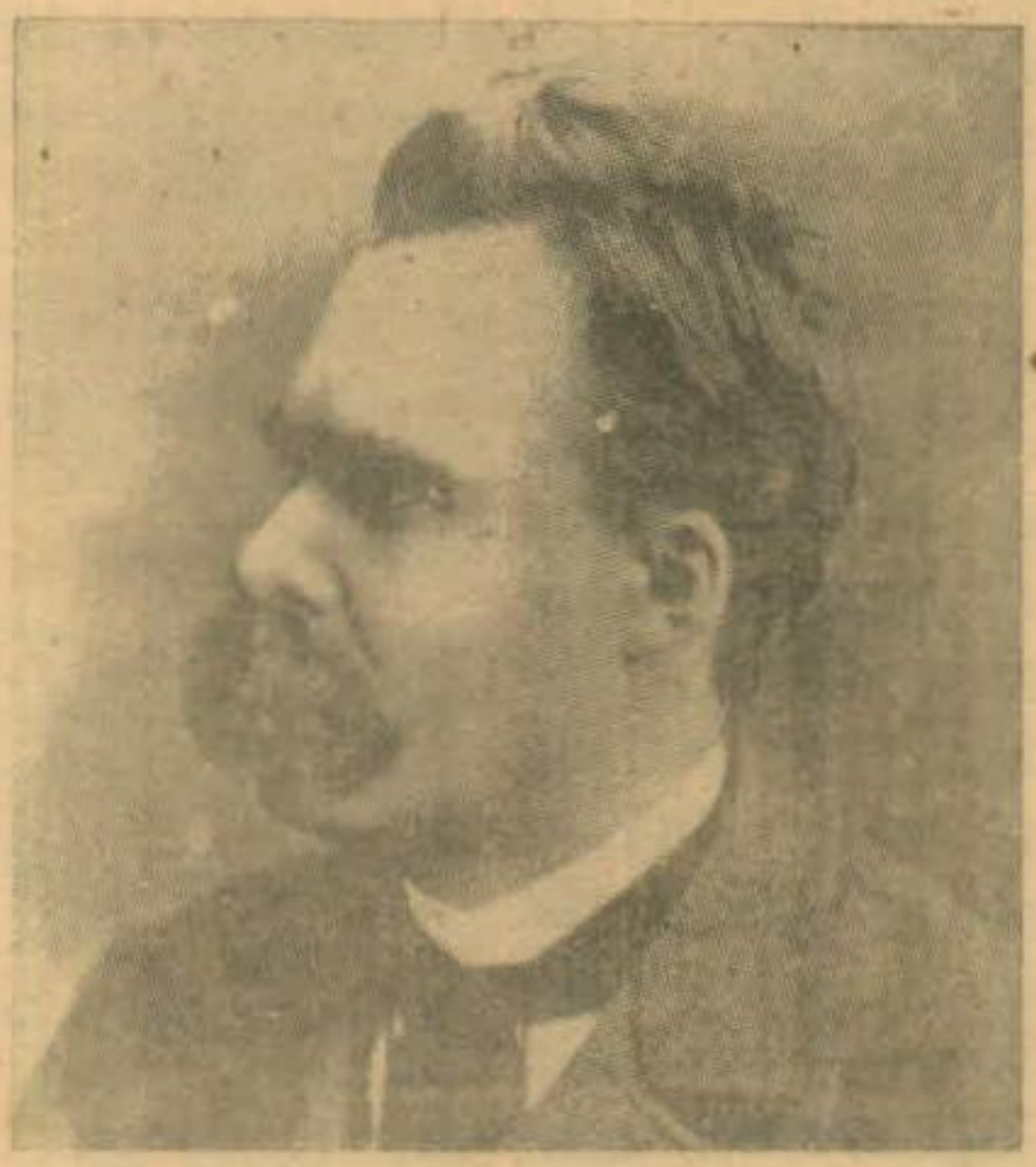

Frédéric Nietzsche

Nói đến cách mệnh tinh thần Đức, ta phải nhắc đến hai nhân vật quan trọng: Houston Stwart Chamberlain và bá tước Keyserling.

H. S. Chamberlain gốc là người Anh, nhưng chọn nước Đức làm tổ quốc tinh thần, về sau ông lấy vợ người Đức. Vốn dân Đức không có ý thức quốc gia rõ rệt, như người Anh hay người Pháp. Chamberlain viết sách, báo để phát huy tinh thần dân tộc Đức, đánh thức lòng yêu nước, kêu gọi loại trừ những gì lai căng trong văn-hóa Đức. Chính tư tưởng Chamberlain đã làm cảm hứng rất nhiều cho đảng Nazi và đưa Hitler đến chỗ giết hại người Do-Thái, và tuyên truyền cho phe Quốc-xã

http://tieulun.hopto.org

torng giấc mộng dùng chiến tranh để làm bá chủ Châu Âu.

Hermann de Keyserling đứng trong một dòng tư tưởng khác. Lúc thiếu thời, ông chuyên về khoa-học, sau thấy địa hạt khoa-học nhỏ hẹp, ông đi tìm hiểu ý nghĩ đời người. Năm 1911 ông đi du lịch vòng quanh thế giới để tìm một điểm duy nhất tinh thần (unité spirituelle) cho nhân loại. Quyển sách của ông « Journal de voyage d'un philosophe » xuất bản năm 1919 được coi là một tác phẩm quan trọng và năm 1920, ông sáng lập tại Darmstadt (Đức) một phái Đạo-lý (école de Sagesse). Phái này chủ trương kết hợp các tinh-hoa của những nền văn-hóa Đông Tây, đón tiếp R. Tagore như một bậc hiện đã thực hiện được « con người đại đồng » (l'homme universel). Bá tước Keyserling mất năm 1946, những cuốn « De la pensée aux sources de la vie », « Voyage dans le temps » đều ra đời sau khi ông chết. Diễn giả A. Keyserling là con của triết-gia Hermann de Keyserling và, qua mấy bài diễn thuyết này, ta thấy diễn giả vẫn tiếp tục sự nghiệp của phái Đạo-lý.

Thời kỳ tàn phá đã chấm dứt, thời kỳ kiến thiết đã điểm. Với cái chết của Hitler, cái mộng xây dựng quốc gia Đức đã tan như mây khói, các triết-phẩm của Đông-Phương như kinh sách của Phật-giáo, Lão-giáo, Nho giáo đã được dịch ra Đức văn. Đúng như lời Gœthe dự đoán, ở nước Đức, một thái độ khác về mục đích cao cả của đời người lại ra đời, người ta lại đi tìm một nền đạo lý mới, một nền văn hóa cho toàn cầu.

V.— Tinh thần dân tộc Đức và văn-hóa toàn cầu. — Nếu nhìn vào hiện tình thì không có gì lạc quan, văn nghệ Đức từ 1950 đến 1960 chỉ tả nỗi thất vọng, sự mất hướng ; ở Đông Đức, dân chúng cam chịu số mệnh dưới chế-độ Cộng-Sản ; còn ở Tây-Đức chỉ có sự thịnh vượng về vật chất. Nhưng tình trạng này chỉ là một thời kỳ chuyển tiếp ngắn ngủi không đáng kể. Cái khuynh hướng tiềm tàng, vững bền mà các vĩ nhân Đức làm tiêu biểu vẫn là : « *Con người chỉ phát triển đầy đủ trong khung cảnh của loài người, của trái đất* » (l'homme ne peut achever son accomplissement que dans le cadre de l'humanité et de la terre). Diễn giả quả quyết rằng : chủ nghĩa quốc gia Đức đã là cái lầm lớn, (thời Nã-Phá-Luân chiếm đóng, thời Hitler) và nó không hề bao giờ được những người thượng lưu Đức tiêu biểu cho nó. *Không, Gœthe, Humboldt Nietzsche, Marx hay Einstein, không, các ông ấy không phải là những người Đức ái quốc.* (Ni Gœthe, ni Humboldt, ni Nietzsche, Marx ou Einstein ne furent des patriotes allemands). Mỗi người Đức chân chính tự coi mình như một công dân của thế-giới.

Nếu phân tích lý-tưởng Đức, ta thấy ba yếu tố mà cả nhân loại sẽ chấp nhận :

1) Thế giới sẽ là một xã-hội đại đồng, (le Reich), dân chủ, đối lập với những quyền hành bảo vệ tư lợi hay quốc gia.

http://tieulun.hopto.org

2) nhân-vị (le stand) : con người được tự do trong nghề nghiệp của mình, không bị bóc lột mà cũng nên hưởng nhiều hoa lợi vượt quá sức lao động của mình.

3) văn hóa (la kultur) : con người, ngoài nghề nghiệp, được phát triển các năng khiếu bẩm thụ, không phải trong khung cảnh quốc gia hay kỹ thuật mà để hòa mình với những cái đẹp của toàn thể văn hóa thế giới.

Nhưng phải nhớ rằng các nước khác cũng có khuynh hướng « đại đồng » như vậy. Nước Pháp chú trọng đến cái đẹp trong đời sống nội tâm, nước Anh chú trọng đến sự công bằng, nước Mỹ đến tự do cá nhân, Ấn-Độ đến sự phát triển tư tưởng siêu hình, nước Nhật đến cái đẹp nghệ thuật, Trung-Hoa đến nghĩa hòa đồng giữa con người và vũ trụ v.v... Văn hóa thế giới sẽ tổng hợp hết cả lý tưởng đó.

Sau một cuộc cách mệnh tư tưởng kéo dài hơn 200 năm, kể từ Kant, một số người Đức nhận thấy họ phải tự đứng ra súc tiến công việc xây dựng nền văn hóa « đại đồng » ấy, vì tinh thần của người Đức chỉ phát triển hoàn toàn trong khung cảnh toàn cầu : « *Từ thời Trung cổ cho tới các bậc đi tiền phong hiện kim và có lẽ cả trong đám bộ lạc Nhật-Nhĩ-Man thời cổ, người Đức chân chính nào cũng tự coi mình như là một công dân của thế giới. Quê hương ở tại làng mạc, nhưng tổ quốc là trái đất mông mênh. Như vậy, chỉ khi nào, thế giới cộng đồng thiết lập, các nguyện vọng xưa sẽ chấm dứt và cuộc cách mệnh Đức mới tới chỗ hoàn tất* (Des temps médiévaux jusqu'aux pionniers modernes, et probablement déjà chez les vieilles tribus germaniques, le vrai allemand s'est toujours considéré comme citoyen du monde, son foyer est son village mais sa patrie est la terre. Ainsi, ce n'est qu'après l'établissement de la communauté mondiale que les vieilles aspirations toucheront à leur fin et que la révolution allemande à sa conclusion finale).

***

Phần thứ hai – Cảm tưởng

Diễn thuyết tới đoạn kết mà tôi vừa dẫn vài câu ở trên, giọng nói của diễn giả đưa lên cao, ngân ra tựa như một làn sóng tinh thần phát động từ một làng, một xóm ở Đức quốc hay từ trong bộ lạc thời xưa lan rộng mãi ra, tràn ngập qua thời gian, qua các biên giới, qua trùng dương để nhắn nhủ nhân loại dẹp lòng ích kỷ quốc gia và lập thành một thế giới đại đồng.

Nghe năm buổi diễn thuyết liên tiếp trong năm ngày liền, tôi có cảm tưởng như được nhìn bao quát toàn cảnh triết học (le panorama philosophique) của nước Đức, một toàn cảnh rộng lớn trên đó những «đỉnh» như Kant, Hegel, Freud, Einstein sừng sững bên cạnh hỏa diệm sơn Nietzsche và lời của diễn giả thao thao bất tuyệt, dẫn dắt thính giả từ suối này qua dòng sông kia, tuy địa vật địa hình nào cũng có sắc thái đặc biệt, nhưng tất cả đều quy về

http://tieulun.hopto.org

một mối và tạo cho dân tộc Đức một nền tư tưởng hùng tráng, yêu chuộng hòa bình và nhân đạo.

Sau khi trở về thực tế phũ phàng, giữa lúc chiến tranh nguyên tử đe dọa nhân loại, giữa lúc nước Lào sắp bị cắt đôi như Việt-Nam, Đại-Hàn, Đức quốc, tôi tự hỏi: lý tưởng *« thế giới đại đồng »* còn hợp thời không, hay chỉ là một thuyết để khuây khỏa chốc lát tâm hồn chúng ta như ta nghe kể chuyện cổ tích biết là hoang đường nhưng ta vẫn thấy khoái tai. Rồi tôi liên miên nghĩ đến sự thất bại của lý tưởng tương tự. Ở Á-Đông ta, lý tưởng «đại đồng» ấy không xa lạ đâu. Trong sách Lễ-Ký của Nho-giáo, từ thời Xuân Thu người ta đã mơ ước « thiên hạ phải là của chung, không một người nào hay một nước nào được nhận thiên hạ làm *của riêng*... Ai ai cũng đều tôn quý. Cha mẹ người như cha mẹ mình, ai ai cũng thân yêu con cái người như con cái mình... của ở trên mặt đất hay ở dưới mặt đất, có khai thác được phải *cùng dùng, cùng hưởng* chớ có vơ cả làm *của riêng*».

Cả đến con người của «thiên hạ» như Gœthe cũng đã có hình bóng trong Nho giáo. Tư-Mã-Ngưu phàn nàn không có anh em, Khổng-Tử đáp rằng: « *Người trong bốn bể đều là anh em cả* ». Ấy thế mà từ đấy, người vẫn là «sài lang» đối với người, lòng ích-kỷ lại còn tinh-vi, khoa-học hơn ; túi tham, túi riêng không những không đáy mà còn là tủ lớn tủ bé ở các ngân hàng trong nước hay ngoài nước. Lời dạy về « nhân » của Đức Khổng vang khắp trong hang cùng ngõ hẽm qua mấy chục thế kỷ ở Trung-Hoa, mà chiến tranh thời Xuân Thu Chiến quốc kéo dài hơn 500 năm và ngày nay hiện giờ 600 triệu dân Trung-Hoa vẫn sống dưới bom đạn, trong đói rét.

Ở Việt-Nam ta, vào khoảng năm 1927, Phạm-Quỳnh diễn thuyết ở nhà Khai Trí bờ hồ Hoàn-Kiếm về lý tưởng của người quân tử trong Đạo Khổng (L'idéal du sage dans la morale confuréenne). Mấy trang kết đã làm cho thính giả Pháp và Việt hoan nghênh nhiệt liệt. Tối hôm ấy, ông chủ bút tạp chí Nam-Phong nhắc lại một đoạn văn của cuốn « Les poètes et les sages d'Asie » trong đấy, tác-giả Louis Couchoud, sau khi đi thăm Trung-Hoa có mơ ước rằng một ngày kia, hai phần Tây và Đông của nhân loại sẽ hợp nhất thành một nhà, người ta sẽ xây một cái đền, trong đền dựng những pho tượng lớn : một bên tượng Khổng-Tử với đồ đệ của ngài, bên kia là các tượng của Socrate với Platon, Aristote. Hàng năm xuân thu nhị kỳ, các Đông-Nho và Tây-Nho sẽ đến tế các bậc hiền triết của nhân loại và tiếng chuông tiếng khánh của Trung-Hoa sẽ hòa nhịp với nhạc điệu của Hi-Lạp.

Nhưng rồi vẫn chỉ là một giấc mơ, Pháp và Việt vẫn chém giết nhau cho tới 1954, nước hồ gươm vẫn lạnh lẽo chia đôi khu vực Việt và Pháp của thành phố Hà-Nội, vẫn cách biệt giai cấp bị trị với giai cấp thực dân thống trị.

http://tieulun.hopto.org

Nói thế không phải là tôi chê diễn-giả hay các triết-gia Đức thiếu óc thực tế đâu. Chính diễn giả cũng cho rằng cái bức tường ở Berlin cũng như các màn sắt, màn tre chỉ là những các « tai nạn » nhỏ xảy ra trên con đường tiến của nhân loại. Nụ cười của tôi — nếu được phép nói như vậy — giống như nụ cười của con bé ở đi gánh nước (trong sách Platon) cười hiền triết Thalès mãi xem tinh tú và triết-lý về vũ trụ đến nỗi ngã xuống giếng nước. Hay giống như cái cười của mấy chú thủy thủ nhìn con chim hải âu đi lại vụng về trên boong tàu, vì loài chim này, theo một bài thơ của Baudelaire quen bay trên trời cao, mây biếc, mỗi khi xuống đất, đi lại khó khăn, vì đôi cánh to lớn quá. Triết gia cũng như loài hải-âu (albatros) sinh ra là để sống với những tư tưởng bao quát vũ trụ. Nietzsche trong một bài thơ nhan đề là Albatros, cũng ca tụng sức cao bay của chim và khi thấy nó bay quá cao xa, ông thèm muốn đến nhỏ nước mắt khóc.

Nghe diễn thuyết xong, tôi ra khỏi viện văn-hóa Gœthe thì trời sắp mưa. Sầm chớp bắt đầu đe dọa, mây đen kéo đến, may còn vài ngôi sao lấp lánh, tôi còn chút hy vọng không bị gặp mưa. Nhưng hy vọng hay ão tưởng ? Các ngôi sao, theo khoa học, có lẽ đã chết lâu rồi trong khi tia sáng của chúng đi mấy chục năm vượt qua khoảng không gian để tới mắt tôi. Cũng như trong mấy buổi diễn thuyết, Kant, Goethe, Nietzsche, tư tưởng có tới tôi, nhưng chính các ông đã từ trần ngoài 50 hay 200 năm rồi. Ảo tưởng, biết là ảo tưởng nhưng nhân thế vẫn cần nuôi ảo tưởng để sống. Một đêm sắp mưa bão, như đêm nay, Nietzsche cũng nhìn một ngôi saos áng, và trong phút cảm hứng ông đã gửi tâm tư vào một bài thơ mà ý nghĩa như sau :

HỠI NGÔI SAO SÁNG !

Ngươi sinh ra để cùng giải ngân hà,
Soi sáng cho cả bầu trời bao la
Đối với ngươi, một đám tối có thấm thía vào đâu !

*
* *

Ngươi hãy giúp ta qua thời đại đen tối này !
Cao xa muôn vạn nghìn trùng,
Từ nơi cực lạc, ngươi có thấu hiểu nỗi thống khổ của hạ giới này chăng ?

*
* *

Định mệnh duy nhất của ngươi : trong sáng để vạn kỷ soi chung !

Tĩnh tọa trên cao nhìn xuống thế giới khổ ải — giữ tâm hồn cho trong trắng như một hạt trai trong đống bùn, — đời đã vẩn đục lại khua cho đục ngầu thêm lên — đồng lao cộng khổ với dân chúng để cải tạo dân sinh — đấy là bốn thái độ, thường thấy ở các triết-gia, xin độc giả xét xem thái độ nào hợp với người Việt-Nam ta trong giai đoạn lịch sử này hơn ?

BÙI-HỮU-SỦNG

http://tieulun.hopto.org

thơ trần dạ từ

khi em mười sáu

cho tôi xin nửa bóng trăng ngoài
với nửa mùa thu trong mắt ai
lá rụng bao nhiêu hè phố cũ
sao nghe lòng rưng rưng nhớ người.

●

Đêm biếc cành soan, đỏ giấc mơ
đầu hiên hoa trắng nở bao giờ,
em mười sáu tuổi, trăng mười sáu
áo lụa phơi buồn sân gió xưa.

●

Tôi dối lòng tôi đêm sắp tàn
đêm tàn để lạnh giấc mơ em
để bàn tay gối sầu trên ngực
và gió thu đầy trong mắt trăng

●

Tôi như lòng tôi trăng sắp mờ
trăng mờ em sẽ thấy bơ vơ
sẽ thương cho những con đường cũ
và nhớ bao nhiêu lối hẹn hò

●

Nhưng hẳn là em không nhớ đâu
giấc mơ còn mát ánh trăng sầu
hoa còn thơm tuổi đời trên má
mùi áo còn say muôn kiếp sau

●

Lòng nhớ, lòng thương, lòng ngại ngùng
bây giờ tôi cách núi xa sông
bài thơ từ thủa trăng mười sáu
mười sáu trăng chờ em biết không

●

Tôi dối lòng tôi bao nhiêu lần
bao nhiêu lần trăng vẫn là trăng
lòng nhớ, lòng thương, lòng sắp khóc
đêm chưa tàn đâu, đừng nói năng.

T. D. T.

http://tieulun.hopto.org

Trường thành

hoàng ngọc hiền

Trường thành đá xám rêu xanh
Không người qua lại mấy mươi năm

Gió vỗ trên thành
Tôi ngỡ chim đàn cất cánh
Vượt mấu mây biếc trời cao
Đã mấy mươi năm
Trường thành hoang phế
Mặt trời soi đá xám
Trăng rọi rêu xanh
Tiếng vạc bay vù
Tôi gọi hồn tôi lạc dưới chân thành.

Bao giờ hết buồn ? Hỡi trường thành !
Kẹ hưng phế cầm nghiêng ngọn giáo
Tôi bỏ về đây
Trường thành mở cửa !
Cùng chung tâm sự thê lương . . .

Trường thành đá xám rêu xanh
Không người qua lại mấy mươi năm.

Gió rú mặt thành
Tôi ngỡ hồn tôi khóc
Âm lên nghẹn cả trăm chiều . . .
Trường thành hãy nhớ này chân lạnh
Này chuyện công danh
Áo lấm bụi hồng
Này đây kinh sử

http://tieulun.hopto.org

Muôn năm còn lại tiếng thở dài.
Này đây chuyện tình đôi lứa
Dở dang hết mấy cuộc đời ! ?

Bao giờ nguôi tâm sự ? Hỡi trường thành !
Gió cứ thét,
Đuổi mây trời hay đuổi lá rừng phong ?
Tôi về chung mặt trời bốc lửa
Chung mầu trăng lạnh chạy trên thành.

Trường thành đá xám rêu xanh
Không người qua lại mấy mươi năm.

Gió rú liên hồi
Tôi ngỡ ai buồn lên tiếng
Đi vào mây hoang loãng bước chân giầy
Đã mấy mươi năm
Trường thành không khóc được
Hận dâng chưa tràn . . .
Lớp người mũ áo công khanh
Giương cung tuốt kiếm
Xô nghiêng trường thành,
Lớp người vương đế
Ngàn muôn năm cỏ rác lại trong tay !

Bao giờ thôi buồn ? Hỡi trường thành !
Mười thế kỷ sau,
Ai mang vôi quét xóa mầu thời gian ?
Xe mây rẽ lối về đây
Trường thành đứng khóc, tôi người chứng nhân.

Trường thành đá xám rêu xanh
Không người qua lại mấy mươi năm.

H. N. H.

http://tieulun.hopto.org

bâng-khuâng

— HOÀNG-TRINH —

Trước ta nào có gì đâu !
Sau ta, trời đất một mầu bao la.
Từ ta tìm gặp-gỡ ta,
Long-lanh này nẻo Ngân-hà mênh-mông.
Mặt trăng tưởng sáng phương Đông,
Xuôi về bến cũ chợt không thấy nguồn.
Cỏ cây biết có chạnh buồn,
Đêm đêm nghe gió thổi luồn tâm-tư !
Ai qua nẻo thực, đường hư,
Cái không-thay-đổi vẫn như đổi-dời.

H. T.

☆

— HÀ-NGUYÊN-THẠCH —

Còn lại

vòng tay hẹp ôm cuộc đời rộng lớn
tôi vô tình rơi một khoảng ngày xanh
triều nước rút cuốn theo bờ mộng tưởng
trơ vơ nằm thân ốc-biển buồn tênh

hơi thở ngắn muôn đời làm sương khói
nhìn mây trời ao ước đỉnh non xa
loài hải-điểu bay về trên khoảng tối
mới hay mình hờn tuổi chửa buông tha

còn lại đây những tháng ngày vụn lẻ
nhờ tay người góp nhặt đủ mùa xuân
còn lại đây bãi hồn khô hoang phế
một dầu chân người cũng đủ bâng-khuâng.

còn lại đây nét buồn in đáy mắt
chờ thu về làm mây trắng bay xa
và còn đây nỗi hoài mong tuổi trẻ
cùng đêm dài ru giấc mộng đi qua.

H. N. T. 62

http://tieulun.hopto.org

Tấm vải liệm

PREM CHAND (Ấn-Độ)
ĐYNH-HOÀNG-SA dịch

Giới thiệu :

Prem Chand tên thật là Nabab Rai, một văn sĩ tiền phong bằng tiếng Hindi và Urdu (Ấn-Độ) vào tiền bán thế kỷ 20. Ông làm một nhà giáo trong nhiều năm, về sau được giữ chức Phó thanh tra học vụ nhưng sau nghe theo chủ trương của thánh Gandhi, ông từ chức và gia nhập phong trào bất hợp tác. Ông nổi tiếng nhất với cuốn tiểu thuyết dài Godan (con bò cái) mô tả về đời sống dân quê. Ông cũng nổi tiếng về hàng trăm truyện ngắn, những truyện vừa hài hước vừa chua chát cũng chuyên tả về đời sống ở chốn thôn quê Ấn-Độ.

Chuyện « tấm vải liệm » dưới đây là một truyện ngắn giá trị và tiêu biểu của Prem Chand.

I

NGƯỜI cha và cậu con ngồi yên-lặng trước cửa túp lều cạnh bếp lửa than. Trong lều, nàng Budhiya vợ của người con đang đau đớn vì chuyển bụng. Thỉnh-thoảng nàng thốt ra những tiếng kêu thảm-thiết làm tim của hai cha con ngồi ở ngoài cửa như muốn ngừng đập. Lúc ấy vào một đêm mùa đông, tất cả đều yên-lặng và làng-mạc chìm đắm trong bóng đen.

Gheesu, người cha nói :

— Con vợ mầy có thể chết lắm mầy ạ ! Chúng ta đã đi biệt suốt ngày. Bây giờ mầy phải vào xem hắn ra thế nào chứ !

http://tieulun.hopto.org

Madhava gắt-gỏng trả lời :

— Nếu nàng phải chết thì trước sau gì nàng cũng chết. Có gì mà phải xem với không xem !

— Mầy là thằng khốn-nạn không có tình nghĩa gì cả ! Mầy nỡ đối xử với một người vợ đã sống hạnh-phúc với mầy trong suốt một năm trường như vậy hả ?

— Tôi không thể chịu được khi phải nhìn nàng quằn-quại trong khổ-sở đau-đớn như vậy !

Họ thuộc về một gia đình chuyên nghề vá giày, trong làng ai cũng biết Gheesu thì làm một ngày nghỉ ba ngày. Còn Madhava, con trai của ông thì có tật mau mệt đến nỗi cứ sau nửa giờ làm việc thì gã lại phải nghỉ để hút thuốc mất một giờ. Vì vậy đi đến đâu hai cha con cũng ít tìm được việc làm. Nếu chỉ còn được một nắm gạo nào trong nhà là họ cũng chưa thèm nhúc-nhích làm gì cả. Sau hai ngày nhịn đói, Gheesu thường trèo lên cây bẻ một ít cành khô làm củi. Madhava đem củi ấy ra chợ bán. Lúc nào còn chút ít tiền kiếm được trong túi, cả hai cha con còn lười nhác. Đến khi lại bị đói họ mới đi hái củi hay kiếm việc làm. Không phải là hiếm việc làm trong làng của họ. Thật ra có hàng trăm việc cho một người siêng năng. Nhưng hai cha con này chỉ được người ta gọi đến trong những trường-hợp quá cấp-bách, khi người thuê buộc lòng phải chịu thuê hai người để làm công việc mà đáng ra chỉ cần một người thôi cũng đủ. Nếu họ là những người khổ-tu thì họ không cần phải sửa đổi tính tự mãn và chai lì của họ vì có thể đó là bản-tính của họ.

Cuộc sống của họ thật là lạ lùng. Họ không có tài-sản gì trong nhà cả trừ vài cái hũ đất. Họ che thân bằng mấy tấm giẻ rách tươm. Dầu nợ nần họ không hề có những ưu tư lo lắng về cuộc sống. Họ chịu đựng sự gièm pha và đánh đập nhưng không bao giờ buồn rầu cả. Họ bần cùng đến nỗi người trong làng thường phải cho họ mượn mỏ vật này vật nọ dù không bao giờ hy vọng được trả lại sòng phẳng. Gặp mùa đậu hay mùa khoai họ thường đi moi trộm ở ruộng của người ta. Có khi họ bẻ cả mía để ăn thế bữa. Gheesu đã sống quá 60 năm theo lối tài tử đó và Madhava, một quý tử cũng noi theo dấu chân của ông bố. Thật gã đã làm « rạng rỡ » thêm cho dòng họ tổ-tiên mình. Vợ của Gheesu chết đã từ lâu và Madhava thì mới cưới vợ một năm nay. Từ khi vợ của gã về nhà cha con gã, nàng đã cố làm cho gia đình nầy có trật-tự phần nào. Nàng tần-tảo kiếm thêm một nắm bột hoặc nhờ xay lúa dùm cho ai hoặc nhờ đi làm cỏ để giúp cho hai cha con không biết hổ thẹn này được no đủ hơn. Từ khi nàng về nhà này hai người kia càng biếng nhác hơn. Họ cũng bắt đầu lên mặt làm cao. Nếu có ai kêu họ đi làm, họ nhẹ-nhàng đòi lương gấp đôi. Bây giờ nàng đang quằn-quại đau đớn vì đẻ khó, và hai cha con hình như chỉ đợi nàng chết đến nỗi cả hai đã ngủ một cách yên ổn vô lo.

http://tieulun.hopto.org

Gheesu bới tro lấy ra một củ khoai đã đào trộm, vừa lột vỏ vừa nói với cậu con :

— Mầy hãy vào xem thử vợ mầy thế nào! Ma quỷ có thể bắt nó đi chăng ? có thể làm được gì khác hơn không ? Có lẽ một thầy thuốc có thể giúp nàng nhưng ở đây một người chữa bệnh thường đòi ít nhất một đồng rupee.

Madhava sợ rằng nếu mình vào trong ấy thì ở ngoài nầy ông bố sẽ xơi hết phần lớn số khoai đi chăng nên gã trả lời :« Vào trong ấy tôi sợ lắm ».

— Mầy sợ gì? Có tao ngồi ở đây mà !

— Thế sao ba không vào trong ấy xem thử thế nào. Có hơn không ?

— Khi vợ tao tức là mẹ mày hấp hối, tao đã túc trực một bên suốt ba ngày liền. Vợ mầy sẽ thẹn khi thấy tao. Tao chưa bao giờ nhìn mặt hắn cho tường nữa là, huống chi bây giờ mầy bảo tao nhìn hắn trong lúc thân thể trần truồng như vậy ! Áo quần hắn chắc lôi thôi lắm. Nếu hắn nhìn thấy tao, dù là một sự giúp đỡ nhỏ cũng làm cho hắn khó chịu.

— Tôi nghĩ nếu một đứa bé ra đời thì không biết sẽ phải làm thế nào ? Chúng ta không có chút gì trong nhà cả : dầu, đường và chỗ ở cũng không có nốt !

Rồi chúng ta sẽ có tất cả ! Trời làm mà ! Chính người đã từ chối không cho chúng ta một mẩu bánh ngày hôm nay thì ngày mai sẽ gởi tặng chúng ta tiền bạc. Tao đã có 9 đứa con mà trong nhà không có chút gì cả. Nhưng nhờ trời cứu trợ đắp đổi cũng qua ngày...

... Cả hai cha con bới mầy củ khoai trong đống tro ra và ăn ngay dù khoai còn đang nóng bỏng miệng. Vì đã chịu đói từ một ngày trước nên họ không có đủ kiên nhẫn đợi cho chúng nguội bớt được. Lưỡi họ bị nóng bỏng nhiều lần. Họ ăn ngốn ăn ngấu thật nhanh dù nước tắm nước mũi ứa ra dàn-dụa.

Giữa lúc đó Gheesu sực nhớ lại bữa tiệc cưới của vị điền chủ mà lão được dự cách đây 20 năm về trước. Sự thỏa thích mà lão hưởng được trong bữa tiệc ấy làm lão nhớ mãi suốt đời và ký-ức về bữa tiệc ấy vẫn còn đậm nét trong tâm-trí lão. Lão nói với cậu con :

— Tao không thể nào quên được bữa tiệc ấy của nhà điền chủ. Chưa bao giờ tao được một bữa ăn nào có thể so-sánh với bữa đó. Bên nhà gái bảo có đủ bánh để làm thỏa mãn mọi người. Mỗi một người nhỏ hay lớn đều được ăn bánh chiên bơ no nê. Mỗi món ngon đều được cung ứng đầy đủ : dưa chua này, bánh sữa đặc này, đủ bốn thứ cà-ri khác nhau này, món chutney này, kẹo hảo-hạng này.. ! Tao không thể nào tả cho mầy biết được bữa ăn tuyệt trần đó. Thật không thể kể xiết được. Người ta có thể đòi hỏi bất cứ thứ gì mình thích và muốn bao nhiêu cũng có đủ bấy nhiêu. Bọn tao ăn nhiều đến nỗi không còn chỗ nào chứa lấy một ngụm nước

http://tieulun.hopto.org

súc miệng nữa. Thế mà những người dọn tiệc còn khẩn khoản đem mời thực-khách những cái bánh tròn nóng hổi và thơm phức nữa. Người ta chối từ bảo không cần nữa và sè tay che đĩa của mình lại nhưng họ vẫn đặt bánh xuống trước mặt mình. Khi mọi người đã súc miệng và lau tay xong, họ còn đem trầu ra mời nữa. Nhưng hôm ấy tao còn thiết gì đến cau trầu nữa. Tao phải đứng dậy một cách khó nhọc. Về tới nhà tao nằm lăn xuống giường ngay. Ô ! Hôm ấy vị điền chủ thật là rộng rãi biết bao !

Madhava ngẫm thưởng thức vị ngon lành của các món cao-lương mỹ-vị đó trong trí tưởng-tượng và xuýt xoa : « Thời bây giờ, chúng ta chưa bao giờ được hưởng một bữa tiệc ngon như thế ».

— Ngày nay ai có thể đãi một bữa tiệc như thế ? Thời đó khác. Bây giờ mọi người đều muốn tiết-kiệm. Họ không muốn tiêu phí vào những đám cưới hoặc những đám tang. Không biết rồi họ sẽ làm gì với tất cả những tiền bạc mà họ đã bóc lột được của dân nghèo ? Phải có một giới hạn trong việc tích-trữ tiền của chứ ? Tiền bạc kiếm được cách dối-dào thì cũng phải tiêu ra cách rộng-rãi. »

— Chắc ba đã ăn ít nhất là 20 cái bánh.

— Hơn hai chục cái nhiều chứ !

— Tôi thì ăn ít nhất cũng đến 50 cái.

— Tao không ăn dưới 50 cái đâu. Hồi đó tao còn khoẻ mà ! Xác mầy to chưa bằng nửa tao hồi đó.

Sau khi ăn hết mấy củ khoai, hai cha con uống một ít nước rồi nằm xuống bên bếp lửa, họ co đầu gối vào bụng và đắp một cái mền lên người. Trông họ không khác nào hai con trăn lớn cuộn lại.

Trong lúc đó Budhiya, vợ của Madhava vẫn còn rên-xiết.

***

II

Sáng ngày, khi Madhava vào trong lều thì người vợ của gã đã chết và lạnh ngắt từ bao giờ. Ruồi mòng vo-ve trên mặt nàng. Cặp mắt nàng trắng đã mở trừng-trừng. Toàn thân nàng phủ đầy bụi đất. Đứa hài-nhi đã chết trong bụng nàng. Madhava bổ nhào ra phía Gheesu. Hai người tru-tréo khóc than và đấm ngực kêu trời inh ỏi. Khi hàng xóm nghe tiếng than khóc liền chạy đến, họ cổ an-ủi tang quyến theo lối quen thường làm.. Không còn nhiều thì giờ để khóc lóc than vãn nữa. Họ phải mua một tấm vải liệm và củi để hỏa táng thi hài. Nhưng tiền bạc trong nhà họ cũng hiếm có như thịt trong tổ diều hâu vậy !

Hai cha con bèn đến khóc lóc ở nhà vị điền chủ. Ông này ghét cay khi thấy mặt hai cha con ấy, cả hai đều đã bị ông đập cho nhiều trận vì tội ăn cắp và vì không chịu giữ lời hứa đến làm việc cho ông, ông gắt :

— Việc gì đó Gheesu ? Sao mà khóc lóc dữ vậy hở tên xỏ lá kia? Lúc nầy tao chẳng thấy mặt thấy mũi

http://tieulun.hopto.org

bọn mầy ở đâu cả ! Hình như bọn mầy không thích sống trong làng nầy nữa phải không ?

Gheesu cúi đầu xuống sát đất, nước mắt dàn dụa. Lão nói :« Lạy ông, con đang gặp cơn bối rối. Vợ của thằng Madhava vừa mới chết đêm khi hôm. Nàng đã hấp hối suốt đêm. Chúng con lo suốt đêm và làm tất cả những gì chúng con có thể làm nhưng nàng cũng bỏ chúng con mà ra đi đành đoạn. Bây giờ chúng con không có gì để sống, ngay cả một mẩu bánh cũng không có nữa ! Chúng con đã khánh tận. Nhà cửa chúng con tan hoang. Thưa ngài con vốn là tôi tớ của ngài, không ai có thể giúp chúng con để lo cho nàng trong lúc cuối cùng của đời nàng ngoài ngài ra ! Chúng con đã dùng hết tất cả những gì chúng con có để chạy chữa thuốc thang cho nàng. Bây giờ thi thể nàng chỉ có thể được an táng nếu ngài dủ lòng nhân từ thương xót chúng con. Ngoài ngài ra con không còn ai có thể trông nhờ được nữa !

Nhà điền chủ là một người có lòng nhân-từ. Nhưng ông ta biết rằng tỏ lòng nhân-từ với Gheesu là làm cho lão ỷ-lại hư-hỏng thêm. Ông muốn tạt vào mặt lão rằng : « Cút mau ! khi nào ta cho gọi mầy cũng không thèm tới ; nhưng bây giờ gặp hoạn-nạn bối-rối thì mầy đến lạy-lục xin-xỏ. Mầy là tên xỏ-lá, vô dụng ! » nhưng lúc nầy không phải là lúc để tức giận và khiển-trách. Tuy bực-tức, nhà điền-chủ cũng ném cho lão hai đồng tiền rupee. Nhưng ông không nói một lời an-ủi chia buồn nào. Ông cũng không thèm liếc mắt về phía Gheesu nữa.

Khi mà nhà điền-chủ đã cho được hai đồng rupee thì lẽ nào ông chủ tiệm buôn và người chuyên cho vay lãi trong làng lại có thể từ-chối không cho chút gì sao ? Gheesu biết lợi dụng cách khéo-léo lòng tốt của nhà địa-chủ đối với lão. Nhờ thế một người đã cho hai anna và người kia đã cho được bốn anna. Trong vòng một tiếng đồng hồ, Gheesu đã dồn được một số tiền kha-khá là 5 rupee. Lão đi mua gạo ở một nơi và mua củi một chỗ khác. Vào giữa trưa Gheesu và Madhava đi ra chợ tìm mua một tấm vải liệm. Hàng xóm bắt đầu lo đốn tre và lo sửa-soạn những việc cần-thiết. Những người đàn bà đa-cảm trong làng khi đến thăm, thấy thi-thể của nàng Budhiya đều nhỏ lệ khóc thương cho mệnh-bạc của nàng.

***

III

Khi hai cha con đến chợ, Gheesu hỏi :

— Chúng ta đã có đủ củi để hỏa táng nàng rồi phải không Madhava ?

Madhava trả lời :

— Phải, ta đã có đủ củi rồi bây giờ chỉ cần một mảnh vải liệm.

— Được rồi, chúng ta hãy đi mua một tấm vải liệm rẻ tiền.

— Vâng, dĩ nhiên rồi ! Trước khi đem thi thể nàng đi chắc trời tối. Ban đêm ai mà để ý xem đồ liệm thuộc loại vải gì ?

http://tieulun.hopto.org

— Thật là một tục lệ kỳ khôi. Một người khi sống không có một manh áo mà mặc, đến khi chết lại phải có một tấm vải mới để liệm.

— Mà tấm vải liệm đó cuối cùng cũng bị cháy cùng với thi thể chứ ích gì?

— Dĩ nhiên là vậy rồi! Ai có thể nghĩ rằng tấm vải liệm ấy vẫn tồn tại được? Nếu chúng ta có năm rupee này sớm hơn một chút, chúng ta đã có thể mua cho nàng một ít thuốc và có thể săn sóc nàng cẩn thận rồi.

Mỗi người theo đuổi những ý nghĩ riêng. Họ đi tới phố chợ. Họ vào hết hàng vải này đến hàng khác. Họ xem kỹ nhiều loại vải lụa khác nhau nhưng không đồng ý mua thứ nào. Lần-lữa trời đã xế chiều. Trời xui đất khiến thế nào không biết, cuối cùng họ đi ngang một quán rượu và rẽ vào như theo một chương trình đã hoạch định trước vậy. Họ dừng lại, hơi do dự một chút rồi Gheesu tiến đến gần chủ quán và bảo: « Đem cho tôi một chai ».

Họ cũng cần một ít gì để nhắm. Họ gọi vài con cá chiên. Rồi hai cha con ngồi xuống hiên quán rượu nhấm nháp một cách thản nhiên.

Sau mấy cốc rượu đầy, men bắt đầu ngấm.

Gheesu bàn: «một tấm vải liệm thật vô ích quá. Rồi nó sẽ bị cháy tiêu ra tro. Nó cũng không thể nào lên thiên đàng với nàng được.»

Madhava nhìn lên trời như muốn nhờ quỷ thần chứng giám cho sự vô tội của chàng và nói:

— Đó chỉ là tục lệ nhưng tại sao người ta lại bỏ ra hàng ngàn rupee cho thần Brahmans? Ai có thể biết những người thân yêu của chúng ta có được lên thiên đàng hay không?

— Người giàu có nhiều của nên mới phung phí như vậy. Họ được hoan nghênh để làm thế. Chúng ta không có gì để hoang phí cả.

— Nhưng khi có người hỏi tấm vải liệm ở đâu thì ông sẽ nói với dân chúng như thế nào?

Gheesu cười hả hả: « Chúng ta sẽ nói với họ rằng chúng ta bị mất hết tiền rồi. Chúng ta đã tìm kiếm khắp nơi nhưng không thấy đâu. Họ có quyền không tin chúng ta nhưng họ cũng phải cho tiền chúng ta một lần thứ hai ».

Madhava cũng cười lớn vì món tiền may mắn bất ngờ này. Chàng nói thêm:

— Nàng là một người vợ hiền. Sau khi đã chết, nàng vẫn còn chu cấp cho chúng ta.

Hơn nữa, chai rượu đã vơi, Gheesu mua mấy cân bánh, cũng có cả dưa chua, gan, và món chutney nữa. Hiệu bán thịt lại đối diện ngay với tửu quán. Madhava liền ghé qua mua đủ thứ bọc trong hai gói lá đem về. Gã tiêu hết một đồng rupee rưỡi về khoản ấy. Bây giờ họ chỉ còn lại một ít xu lẻ.

http://tieulun.hopto.org

Hai cha con ăn bánh một cách đàng hoàng như hai con sư-tử cần phải ăn để làm trò trong gánh xiếc. Họ không lo ngại gì về lời đàm tiếu và tiếng xấu cả. Họ đã mang tiếng ấy từ nhiều năm về trước rồi. Gheesu còn nói một cách đầy triết lý rằng : « Chúng ta ăn bữa tiệc này là để thương tiếc nàng. Đây là một hành vi tốt đẹp để tỏ lòng nhớ ơn nàng ».

Madhava cúi đầu một cách thành-kính và nói :

— Hẳn là như vậy rồi. Ôi thượng đế ! Đấng vô khả bất tri ! Xin tiếp nàng lên thiên-đàng. Cả hai cha con chúng tôi đều thương tiếc nàng thật lòng. Trong đời chưa bao giờ chúng tôi ăn được một bữa như hôm nay.

Sau một lúc, trong lòng Madhava chợt có một nỗi thắc mắc, gã hỏi bồ :

— Cha này ! một ngày kia chúng ta cũng có được lên thiên đàng không ?

Gheesu không trả lời câu hỏi ngớ-ngẩn ấy. Lão không muốn làm hỏng niềm vui lúc bấy giờ vì phải nghĩ đến một thế-giới khác.

— Sau này trên thiên đàng nếu nàng hỏi chúng ta tại sao không sắm đồ liệm cho nàng, lúc đó cha sẽ phải trả lời với nàng thế nào ?

— Vô lý !

— Chắc nàng sẽ hỏi chúng ta điều đó !

— Sao mầy biết rằng nàng sẽ không có đồ liệm ? Mầy cho rằng tao điên sao ? Suốt sáu mươi năm trời trên đất nầy tao không học được điều gì cả sao ? Nàng sẽ có tấm vải liệm tốt hơn cả tấm vải liệm mà chúng ta có thể sắm cho nàng.

Madhava tỏ vẻ nghi ngờ. Gã hỏi vặn :

— Ai sẽ cho nàng tấm vải liệm ấy ? Ông tiêu hết cả tiền, nhưng chính tôi là người mà nàng sẽ tra gạn. Khi cưới nàng chính tôi mới là người có trách nhiệm.

Gheesu tức giận quả quyết :

— Tao cuộc với mầy rằng nàng sẽ có đồ liệm. Tại sao mầy vẫn không chịu nghe lời tao chứ ?

— Nhưng hãy nói cho tôi biết người nào sẽ cho nàng đồ liệm mới được chứ ?

— Chính những người đã cho vừa rồi chứ còn ai nữa ! Chúng ta chỉ không có tiền trong lúc này mà thôi.

Đêm càng tối trên trời càng lấp lánh nhiều ánh sao, không khí trong quán rượu càng vui nhộn hơn. Một khách hàng nầy hát vang lên, người khác nói oang oang, người khác nữa thì ôm chầm các bạn mình, và một khách hàng khác lại nâng ly dúi vào môi một người bạn.

Không khí say sưa bao trùm khắp quán rượu. Nhiều người tuy chỉ uống vài cốc cũng đã có cảm giác say rồi. Họ nhận thấy rằng không khí làm cho người ta dễ say hơn là chính chất men nữa. Những thăng trầm của cuộc thế đã qui tụ họ lại đây để quên đi trong chốc lát sự sống chết hay những vui buồn của kiếp người.

http://tieulun.hopto.org

Và hai cha con này vẫn tiếp tục ngồi nhấm nháp một cách khoái trá. Mọi con mắt đều chăm chú nhìn vào hai người. Họ may mắn thay ! Có cả một chai rượu còn đầy giữa hai cha con.

Sau khi ăn uống no nê, Madhava lấy số bánh còn lại cho một người ăn mày đang đứng nhìn một cách thèm khát. Lần đầu tiên trong đời, gã hưởng được sự vui sướng, kiêu-hãnh và vẻ vang khi bố thí một cái gì cho người khác.

Gheesu bảo : « Hãy lấy hết đi, ăn cho no nê và chúc phước cho chúng ta ! Người đàn bà kiếm ra những thứ này đã chết rồi. Những lời chúc phước của ngươi chắc sẽ thấu đến nàng. Mỗi sợi tóc của ngươi cũng hãy chúc phước cho nàng. Nàng đã kiếm tiền này một cách khó khăn lắm ».

Madhava lại nhìn lên trời và nói: « Nàng sẽ lên thiên đàng cha ạ ! Nàng sẽ làm hoàng hậu trên thiên đàng ».

Gheesu đứng dậy. Dù chơi vơi trong trạng thái khoái hoạt như người bơi trên sóng, lão nói :

— Đúng vậy con ơi ! Nàng sẽ lên thiên đàng. Nàng chưa bao giờ làm phiền hay áp chế ai. Ngay cả khi chết nàng cũng còn làm thỏa mãn khát-vọng sâu xa nhất trong đời chúng ta. Nếu nàng mà không được lên thiên-đàng thì ai mới được vào đó chứ ? Những người bụng phệ bóc lột kẻ nghèo, rồi tắm nước sông Hằng-Hà và dâng hương trong đền chùa để tẩy sạch hết tội lỗi của họ sẽ được vào thiên đàng ư ?

Trạng thái sùng kính này qua rất mau. Hay thay đổi là một đặc-tính của sự say-sưa. Bây giờ họ mới thốt ra những tiếng buồn não và thất vọng.

Madhava than thở :

— Nhưng cha ơi, sống nghèo khổ là chịu cảnh địa ngục trên trần gian này. Nàng đã chết một cách đau thương quá !

Gã bắt đầu khóc và lấy tay che hai mắt lại. Gheesu an-ủi : « Con ơi, sao lại khóc ? Con phải lấy làm sung sướng rằng nàng đã được thoát khỏi thân phận khổn nạn ở đời này. Nàng đã thoát được mọi sầu khổ. Nàng thật có phước vì đã bẻ gãy được xiềng xích của thần Maya khá sớm».

Rồi cả hai cha con đứng dậy và cùng hát lớn :

« Ô Maya, kẻ gian trá, thần của ảo tưởng. Đừng để cặp mắt đểu giả của ngươi trên chúng ta. »

Những người say khác trong quán đều hướng mắt nhìn chăm chú vào hai cha con đang hát xướng một cách đầy vui thú, cái vui riêng của người say.

Hai cha con bắt đầu khiêu vũ. Họ nhảy múa lung-tung, họ ngã xuống, mắt trợn tròn. Họ múa may và ra điệu bộ để biểu-lộ những cảm xúc của họ. Và cuối cùng họ nằm vùi ra vì đã say mèm.

ĐYNH-HOÀNG-SA

http://tieulun.hopto.org

ĐOÀN-THÊM

Những trang đen — trắng đựng lời hoa
Mấy ngàn năm tích sáng để hôm nay
gạn chắt ngày mai

Nói hộ chăng những điều chưa thấy tiếng
Uống đẹp cạn giờ thinh, vẫn khát
Mong tia sao lặng kéo đêm dài

Những trời phương khác mơ chưa đến, chỉ đưa
vang cùng bóng cho vay
Nhớ-thương cũ biến thành tơ thành tiếc như hồ
như thu như mây
Hứa-hẹn đương gây giữa mong-manh lo chiều
mưa tắt nắng

Những ham-muốn nầy như đàn căng dây
Mạch đời nóng rộn ràng chuyển điệu
Uốn khúc mang buồn qua bến ra khơi
Lay rừng, mọc đá, nồng hơi thở
Của bông lúa ngát, miệng chờ tươi

Biết bao nhiêu, còn bao nhiêu
đợi nói

Lòng đất không nguôi
Hồn lửa bén cao vời lấp lánh
Màu xanh xanh lên gió
Reo đi, sắp tới, tìm xa nữa
Cuộc vô-biên
mới sống một phần thôi.

Hòa-Âm số 9

Đ. T.

http://tieulun.hopto.org

SƠ-KHAI

Trắng mùa xuân, tím làn mây
Gối chăn kín mộng hương đầy cỏ hoa.
Lối xanh rêu bạc sương ngà,
Rừng tùng tháp cũ mưa nhòa đêm sao.
Đâu thời hoang dại thuở nào ?
Hồn theo gió nhẹ quyện vào Liêu-Trai
Mây bay, tháng rộng, năm dài
Nét son hồ dễ tàn phai, ngỡ-ngàng . . .

BÂNG-KHUÂNG

Viết thơ trên mảnh giấy hồng,
Một mùa xuân, một mùa đông bẽ-bàng.
Chim bay ngàn dặm quan san,
Đò xuôi mấy chiếc ? Đò ngang mấy người ?
Một đi trăng lặn, sương rơi
Rừng thu bàng-bạc bên trời xa-xăm.
Thời-gian là tháng, là năm,
Là mưa mùa hạ, trăng rằm mùa thu.

NGÕ HỒN

Mở ra bằng phẳn hương bay,
Ngàn sương tinh khiết thơm đầy gối chăn.
Cao hơn khúc hát mùa xuân
Cho say ý loạn đêm gần hơi men.
Cửa vào hồn chẳng cài then,
Một nhìn trăng gió, hai nhìn gió trăng.
Nửa khuya nhẹ tiếng sao băng,
Đìu-hiu canh mộng, bâng-khuâng lời mòn.
Nằm nghe mưa chuyển, sông dồn,
Trăm năm thiên-cổ chưa buồn tóc tơ.
Cỏ xanh kín nẻo hoang sơ
Đường thu man-mác, ơ-thờ lửa hương.

N. Đ. C.

http://tieulun.hopto.org

Truyện ngắn Viên-Linh

Hồi sinh

GÁI quán cà-phê được dựng lên giữa quãng đường vắng này trông lại có vẻ quyền rũ và kiêu hùng lạ lùng. Ngày đầu tiên thấy cái quán đó Hiệp cũng ngạc nhiên như mọi người. Nó đứng trơ vơ trên một giải đất mà cỏ mọc xanh rì tốt đến nỗi người ta có cảm tưởng nơi này rất ít ai thả chân qua. Xe chạy qua đây cũng lại chạy rất mau. Con đường liên tỉnh số 22 kể từ rừng cao su Chí-Hòa cho tới Lăng-Cha-Cả có lẽ chỉ có chừng 20 gia đình cư ngụ mà thôi. Những gia đình này lại dồn về cả hai đầu, như hai cái mầu của cái đòn gánh, quãng giữa vắng không. Cái quán cà-phê lại dựng lên ở đúng cái quãng giữa đó.

Hiệp dựa chiếc xe đạp vào gốc cây trước quán, bước vào.

Quán lợp tôn, vuông vắn khoảng 9 thước vuông, cửa chồng lên thành mái hiên mở ra cả ba mặt. Từ trong quán chàng có thể hướng tầm mắt về cả hai đầu con đường cong cong và nhất là khoảng bãi trồng mênh mông trước mặt. Ngồi đây chàng thấy đường chân trời của mình nổi lên liên tục như một đường cung tròn và rộng mà trong thành phố chẳng bao giờ chàng thấy được.

Cả quán chỉ có 3 cái bàn nhỏ hình vuông và 12 cái ghế gỗ thấp mặt vuông, không có vai dựa. Hiệp ngồi nơi bàn ngoài cùng để nhìn ra ngoài cho thoải mái.

Chàng lột mũ đặt xuống bàn, vuốt tóc và quay đầu nhìn vào trong. Ngăn bếp của cái quán chỉ bằng một phần ba bề mặt của nó nhưng có một khung cửa thông ra sau. Qua khung cửa hậu này Hiệp nhìn thấy một hàng rào vôi và một cụm tre lòa xòa. Hiệp đứng dậy lấy một thỏi bánh đậu,

http://tieulun.hopto.org

tay cồ ý khua động cái lọ thủy tinh để gọi chủ quán nhưng vẫn không có người nào ra. Chàng thấy thú vị, lặng lẽ ra đứng nơi mái ngoài nhìn về phía phi trường.

Một chiếc xe buýt vàng lổng lộng chạy qua, trên loáng thoáng vài hành khách. Một hai người nhìn xuống Hiệp. Khi chiếc xe chạy ra khỏi tầm mắt chàng thì Hiệp mới trông thấy cái đài kỷ niệm tử sĩ cao, trắng nơi nghĩa địa nhà binh Pháp ở phía tay trái. Dưới chân đài kỷ niệm là một loạt những luống thánh giá trắng toát đều đặn đứng xếp thành hàng. Hiệp đã nhiều lần ngó thấy khu nghĩa địa này nhưng hôm nay chàng mới thấy nó đẹp.

— Mời thầy ngồi ?

Hiệp «dạ» một tiếng vội vàng và quay lại. Chàng mỉm cười với bà cụ già đang đứng ở góc quán. Bà cụ nói :

— Thầy dùng chi ?

Hiệp ngồi xuống chỗ cũ, tay xê cái mũ vào góc bàn :

— Cụ cho một cái cà phê đen.

— Dạ, cà phê đen ?

Hiệp dựa lưng vào ván gỗ, hàng ván cao hơn mặt bàn một chút, mà nếu người ta rút tấm cửa chồng xuống thì tấm cửa sẽ khít vào mép ván để làm thành bức tường cho cái quán.

Bà cụ già chuyên cà phê từ cái ấm đất sang ly và mang ra cho Hiệp. Chàng sửa soạn tiếp lấy cái ly và hỏi :

— Ở đây thưa khách sao cụ ?

Bà cụ chỉ tay ra ngoài bãi trồng :

— Chút xíu nữa sẽ đông, thấy à.

Hiệp không hiểu, ngó theo tay bà cụ. Mấy con bò và mấy con ngựa vẫn gặm cỏ ngoài nắng. Hiệp đưa mắt về phía tay phải, nơi thấp thoáng vài cụm tre và chàng trông thấy dăm ba người ngồi trong bóng rợp, gần một cột *gôn* trắng. Chàng nhìn về phía tay trái, chàng nhận ra một khung gỗ nữa gần ráp hàng rào vôi trắng mà ban nãy vì quá để ý đến khu nghĩa địa chàng không phân biệt ra nó. Hiệp nghiêng đầu ngó lại phía mấy người mà chàng nghĩ là mấy người chăn bò, lần này chàng nhìn thấy một tấm biển thấp và nhỏ màu vàng nhạt lẫn trong ánh nắng chiều: « Vận Động Trường Phi-Long ».

Bấy giờ Hiệp mới biết trong cái bãi này còn một sân banh nữa. Chàng mỉm cười một mình, cảm thấy thú vị lạ.

Chàng quan sát lại ngôi quán. Lần này chàng mới nhận ra nốt hai tấm hình treo trên vách gỗ. Một tấm là hình một đội banh tròn trong đó có một anh ngồi ôm quả bóng da ngang ngực miệng cười toe toét. Hiệp cười rúc rích một mình. Đây không hẳn là một cái quán cà-phê, chàng khám phá ra nó là một thứ Xẹc Sì-póc-típ, một cái Câu-lạc.bộ thể-thao rất lãng mạn và thơ mộng.

Bà cụ xếp mấy cái bánh vào đĩa mang ra cho khách. Hiệp định gợi chuyện thì một tiếng nổ bùng khiến

http://tieulun.hopto.org

chàng thấy có nói cũng không ai nghe rõ gì. Chàng nhìn lên trời. Một chiếc phản lực cơ đuôi đỏ chót vừa bốc lên khỏi phi trường. Âm thanh nó rền rền dội trên đầu Hiệp.

Khi Hiệp quay nhìn vào thì thấy một cô gái đứng giữa khung cửa hậu. Ánh nắng phía sau và bóng mờ trong lòng quán khiến Hiệp nhìn được những đường nét mập mờ của thân hình nàng sau làn vải lụa trắng. Hiệp nhìn lên, nhìn nàng. Cô gái bỏ nón móc vào cái đanh trên cao, vuốt tóc, vẫn đứng im chỗ cũ. Hiệp cảm thấy nàng có vẻ tự tin. Nàng ngó Hiệp một lát rồi bước tới gần sau lưng bà già :

— Thôi má để tôi. Má về nấu cơm đi.

Bà cụ quay lại nhìn con rồi nhắc tay nhanh nhẹn trên vài đồ vật trước khi với lấy cái nón mà cô gái mới móc lên. Cụ hỏi :

— Ổng thả ngựa về chưa ?

Cô gái lắc đầu :

— Chưa. Mà má cứ về nấu cơm đi.

Bà cụ già chụp cái nón lên đầu rồi khuất sau khung cửa.

Hiệp nói với cô gái :

— Cô cho mấy điếu thuốc.

Nàng nhìn Hiệp. Khuôn mặt trắng hồng, đầy đặn. Nàng hỏi :

— Thứ chi, anh ?

Hiệp nói :

— Bao xanh đi.

Cô gái gợi chuyện khách :

— Mấy anh cỡ anh ưa Ruby hơn. Anh hút chi nặng vậy ?

Hiệp không đáp. Ngoài cửa quán một tốp đàn ông vừa đạp xe tới. Họ dựng xe thành chùm gần gốc cây. Phần đông đều đi xe *cuốc* hoặc xe đẩm đã bóc cặp chắn bùn đi. Tất cả đều mặc quần soóc trắng áo chun đỏ, đầu chụp mũ vải dù hoặc vải màu đỏ, chân đi giầy bata không có bí-tất.

Họ vào quán xô bàn ghế và nói chuyện ồn ào. Một anh ôm hai trái banh trong cái lưới nylon ngồi xuống bàn Hiệp. Anh ta gật đầu chào chàng và nói lớn vào phía trong :

— Hoàng Hậu Ba Tư, một cái cà phê đen !

Hiệp tức cười nhưng cắn môi ngó ra ngoài sân vận động. Một tốp khác đang dượt banh nơi khung gỗ. Nắng đã bắt đầu xế vàng nhạt ngang nửa đỉnh cây. Cô gái đến gần Hiệp đặt cái đĩa nhựa trên có 5 điếu bastos xanh xuống bàn. Cô đánh tiếng Hiệp:

— Thuốc nè anh.

Hiệp quay lại nhón một điếu ngậm lên môi. Chàng thể thảo gia ngồi đối diện Hiệp nhanh nhẹn bật lửa cho chàng. Hiệp nói « cảm ơn » và mồi thuốc.

Khi thở phà hơi khói đầu tiên chàng ngửa mặt lên nhìn tấm ảnh treo phía vách bên kia. Hiệp nhận ra anh thủ môn cười toe toét trên tấm ảnh chính là người đang ngồi

http://tieulun.hopto.org

chung bàn với chàng. Anh ta khoẻ mạnh và rất đẹp trai.

Hiệp hỏi anh ta :

— Đầu dượt hay thật đấy ?

Anh ta nhìn ra sân vận động gật đầu đáp :

— Dượt. Dượt đặng đầu thật.

Anh ta đỡ lấy ly cà-phê cô gái vừa đem tới và bảo nàng :

— Năm cho anh một miếng chanh.

Cô gái phản đối nhẹ nhàng :

— Hôm nào cũng chanh mà hổng tiền gì hết.

Anh ta cười, nói với Hiệp :

— Dễ thương hả thầy ?

Hiệp cười, gật đầu. Chàng thấy cô Năm có vẻ nặng cảm tình với anh thể tháo gia này.

Hiệp quay mặt về phía vận động trường. Nắng đã xế hẳn. Bóng rợp tràn lan trên bãi mang lại mầu xanh tươi cho loài cỏ dại. Anh thủ môn đã chào Hiệp và beo trộm Hoàng Hậu Ba Tư một cái trước khi chạy qua đường. Hiệp thấy cô gái đang đứng ngóng theo, vẻ mặt nở hồng như một đóa hoa sau cơn mưa.

Hiệp nhìn cô gái. Trong quán chỉ còn lại hai người. Nàng đang thu dọn những cái ly dơ mang vào sau bếp. Hiệp gọi :

— Cô Năm à.

Cô gái chưng hửng ngửa mặt lên :

— Trời anh cũng biết tên em nữa sao ?

Hiệp cười. Chàng bỗng thấy không khí trở nên thoải mái và nhịp nhàng vui. Niềm vui vô tư và không vụ lợi. Những buổi chiều ở trên Sài-gòn ít khi Hiệp thấy mình được sống thanh thoát và bình dị như vậy.

Chàng chợt thấy những quán kem, những phòng trà ở trên phố lúc này đối với chàng vô duyên lạ. Hiệp thấy tiếc tiền, tiếc những món tiền đã tiêu một cách máy móc để khuôn mặt trở nên lỳ lợm và buồn chán.

Cô gái mang nước trà ra cho khách. Hiệp hỏi :

— Anh đó là anh Năm hả ?

Cô gái cười xòa rồi liếm mép thu hơi lại, nàng bảo Hiệp :

— Anh đó tên Tư.

Hiệp chỉ tay lên tấm hình :

— Trông dễ thương hả cô Năm ?

Cô gái liếc mắt ngó chăm vào mắt Hiệp. Thấy Hiệp có vẻ thành thật dễ tin, nàng buồn rầu :

— Vậy mà ông già không ưng, bảo ảnh lưu manh.

Hiệp bối rối ngó hai ba nơi trước mặt. Chàng không biết phải mở câu chuyện ra như thế nào. Cô gái ngồi chéo bàn với chàng, ngó mông ra bãi đá bóng. Hiệp bỗng thấy giọng mình đượm vẻ tâm sự :

— Ông già mần chi ?

— Ổng chạy xe thổ mộ.

Hiệp buột miệng xác nhận :

— Thề à.

http://tieulun.hopto.org

Cô gái lại ngó chàng. Lần nầy nàng mỉm miệng cười dịu dàng. Hiệp thấy cô gái rất dễ thương. Chàng với cái mũ trên bàn xoay tròn trên ngón tay trỏ và hỏi nàng :

— Anh Tư có thương cô không ?

— Thương chứ anh.

Hiệp hướng về phía sân banh. Tư vừa chao mình đón một cú sút tréo góc, nhưng quả banh đã lọt qua khung gỗ. Anh ta nằm mọp dưới cỏ.

Cô gái cười và kêu khẽ cái gì trong miệng Hiệp không nghe rõ. Chàng im lặng một lát rồi hỏi :

— Ông già rủa vậy. Anh Tư nghĩ sao ?

Cô gái cúi đầu ngó xuống hai bàn tay đặt trên đùi. Những ngón tay nàng trắng và thon rất đẹp. Hiệp hơi ngạc nhiên. Chàng ngắm những ngón tay cô gái một cách thẳng thắn, khen thầm trong bụng. Cô gái nhận thấy, rút tay lại, mắt vẫn ngó Hiệp :

— Ảnh rủ đi trốn.

Hiệp bàng hoàng nhớ đến Ánh, đến buổi nói chuyện cuối cùng giữa nàng và chàng. Chàng nhắc lại:

— Trốn ảnh ?

Cô gái gật đầu, cười. Một lát nàng nói :

— Em không đi. Em sợ ông già buồn.

Hiệp ngó nàng cười buồn rầu. Chàng cúi nhìn xuống nền xi-măng, thấy đầu óc mình hơi nặng nặng. Chàng nói một câu không đâu, như đang nghĩ đến một cái gì khác :

— Rầu nhỉ cô Năm.

Cô gái cười đứng dậy :

— Dạ rầu. Mà phải vậy anh à.

Hiệp ngó ra coi trận đấu. Các thể tháo gia đang hờm một cú coóc-ne bên khung gỗ của Tư. Một tiếng còi thổi lên, trái banh bay vụt tới cửa thành Tư, chạm một cú tết và lọt lưới. Tư dơ tay phân bua gì đó Hiệp không thể hiểu.

Khi chàng quay đầu thấy một ông già mặc đồ đen đứng trước mặt chàng cũng ngó ra sân banh. Ông nói với khách:

— Bắt bóng dở ẹc !

Cô gái nhìn Hiệp cười như muốn chứng minh câu chuyện ban nãy. Hiệp gật đầu ngó ông già. Ông gầy, nét mặt cứng rắn rạm nắng, đầu chụp một chiếc mũ đan có ruy-băng nâu. Hiệp thấy ghét ông già. Chàng đội mũ đứng dậy nói với vào trong :

— Tính tiền cô Năm.

Cô gái ra cầm tiền nhìn Hiệp cười. Chàng gật đầu chào nàng và bước ra.

* *

Trời đổ mưa thình lình khiến Hiệp phải nằm nhà. Cơn mưa rào rạt trên mái ngói gợi lại trong lòng chàng một âm điệu trầm trầm bất tận của một nỗi buồn xa vắng. Nỗi buồn đó hình như đã kết lại trong chàng từ

http://tieulun.hopto.org

lâu, từ lâu lắm, nay bị động tới và cất thành âm thanh. Nó kết lại rắn đanh như một viên đá quí, một hòn ngọc trai, chỉ khẽ chạm tới cũng đủ cất lên tiếng buồn. Nó là một thứ gỗ trầm mang giọng hát thiết tha của một ca sĩ mà ngày nào Quan Tể Tướng đã cho tiện thành chén trà để hứng giọt lệ trong của nàng My-Nương.

Hiệp lắng nghe mưa, chân tay buồn bã. Lòng chàng rung động như một sợi dây đàn cầm muồn cất lên lời. Ở chàng, giọt lệ rơi làm động được khối buồn đó là Ánh.

Bây giờ Ánh đã thật sự xa chàng. Ánh đã ôm mặt thất vọng trước khó khăn. Khó khăn đó do cha nàng hay do chính nàng cho đến bây giờ Hiệp cũng không muồn tìm hiểu. Nhưng Hiệp không quên những gì Ánh và chàng đã nói với nhau trước khi đứt khoát.

Cũng trong căn phòng này, Ánh đã bảo chàng :

— Em chịu, anh ạ. Việc đó quá sức em.

Hiệp nói :

— Anh thấy mình đã lớn cả.

Nàng phác một cử chỉ tuyệt vọng:

— Anh cứ nói thế mãi. Em không muồn sống sau lưng mọi người. Mình phải sống ra mặt, không thì thôi.

Hiệp nắm lấy bàn tay nàng vuốt ve:

— Nhưng thử nghĩ coi, mình đâu có trốn tránh họ. Họ không bằng lòng anh. Họ không muồn nhìn nhận anh nhưng vấn đề là ở em, không phải ở bất cứ ai khác.

Ánh mỉm cười nhìn chàng :

— Không phải đâu anh. Đời sống em là của họ.

Hiệp bực bội :

— Em học ở đâu thế ?

Ánh :

— Ở nhà trường, ở gia đình, ở những người xung quanh.

Hiệp chán, bỏ ra đứng nơi cửa sổ. Chàng không thể bàn luận gì về ba điều ấy với Ánh. Hình như chàng có mặc cảm Ánh nói với chàng cũng tựa như nàng vẫn nói với học trò của nàng vậy. Những cô cậu học trò đang soạn thi Phổ Thông. Thực ra Ánh suy nghĩ nhiều nhưng Hiệp thấy nàng chưa phá vỡ nổi những nề nếp của nàng. Nhà trường, gia đình, những người liên hệ ? Hiệp chịu. Hiệp không muồn biết thêm một chút gì về những điều đó. Chàng còn chưa biết nổi chàng, chàng còn sức nào tìm hiểu những đề tài ấy. Những đề tài quen thuộc nhưng khó hiểu.

Một lát sau Hiệp lại tới ngồi gần nàng. Chàng nói những câu thừa thãi :

— Anh yêu em. Hay mình trốn đi xa ?

Ánh :

— Trốn à ?

Xong nàng cười :

http://tieulun.hopto.org

— Em không thích. Em không thể sống thế. Còn mọi người...

Hiệp :

— Mọi người. Mọi người hoài.

Nhưng Hiệp không có cách nào hơn. Chàng có một mình, hoàn toàn trước cuộc đời của chàng. Chàng nắm bàn tay người yêu trong tay mình nhưng trong lòng buồn nản vô vọng. Chàng không có lý do chung với Ánh, chàng chỉ có mình mình. Ánh sẽ xa chàng thật sự.

Hôm ngồi trong cái quán cà phê ở Vận Động Trường Phi-Long, Hiệp đã nhớ lại tất cả. Cô gái bán hàng đã nhắc hết cho Hiệp. Cô thương ông già nên không muốn trốn đi theo chàng thể tháo gia đẹp trai ? Hiệp ngó ra ngoài trời, mưa đã ngớt. Chàng muốn ra thăm cô gái ngay bây giờ.

Hiệp khoác áo mưa, khóa cửa và đi bộ ra đường. Chàng thấy mình thảnh thơi đôi chút trong bầu không khí mát lạnh. Chàng nhớ lại khung cảnh cái quán, ông già mặc đồ đen và Tư thủ môn banh tròn. Và mối tình của cô Năm.

Hiệp đi ngang qua Nghĩa địa Nhà binh Pháp. Dưới cơn mưa cái đài kỷ niệm nổi trắng bật cùng với những luồng thánh giá chạy dài hàng hàng. Chàng rảo bước về phía cái quán.

Quán vắng tanh. Chỉ có hai vợ chồng ông già. Bà cụ ngồi nơi bếp hút thuốc. Ông già ngồi ngoài uống la de. Ông vẫn mặc bộ đồ đen, cái mũ đan đặt trên bàn. Bà cụ nhìn Hiệp đứng dậy :

— Lâu không thấy thầy ghé đây ?

Hiệp đứng nơi hiên cởi áo mưa :

— Dạ.

Ông già nói :

— Thấy cũng ở gần đây ?

Hiệp mắc cái áo lên cột, đứng lau mặt và tay, đáp :

— Dạ, ở Chí-Hòa.

Bà cụ mời khách :

— Thấy uống la-de ?

Hiệp bước hẳn vào quán, ngồi sau cái bàn xế nơi ông già lắc đầu :

— Cụ cho một cái cà-phê đen, một ít bánh.

Không khí trở nên im lặng. Ba người theo đuổi những bận rộn riêng của mình. Hiệp ngồi ngó lung ra sân vận động rộng thênh thang. Mưa gieo nhè nhẹ trên lá cây, trên mái tôn, trên đường nhựa.

Bà cụ mang cà-phê và đĩa bánh kẹo ra. Cụ nói :

— Cà-phê, thầy.

Hiệp gật đầu. Chàng ngó vào phía cửa hậu của ngôi quán. Bức rào vôi và cụm tre ướt mờ dưới màn mưa nhẹ. Hiệp có ý tìm cô Năm. Chàng ngó lên vách ván. Tấm hình có chàng thủ môn Tư đã bị gỡ đi từ bao giờ. Trên đó chỉ còn một dấu tích là ba cái đinh đỡ cái khung ảnh trước khi nó bị tháo xuống.

http://tieulun.hopto.org

Hiệp liếc nhìn ông cụ. Ông đang trầm ngâm trước ly la-de lớn đã vơi quá nửa.

Bà già nhìn chàng, cười :

— Thầy kiếm cái chi đó ?

Hiệp lắc đầu, hỏi lại :

— Cô Năm đâu cụ ?

Bà vẫn cười nhưng không trả lời Hiệp. Nụ cười mở rộng nhưng không thành tiếng, không tự nhiên. Chàng quay nhìn sang người chồng. Ông già mặt đỏ gay.

Bỗng bà cụ nói đột ngột :

— Tôi không có dè nó bỏ nhà đi, thầy à.

Hiệp cười, ngó xuống ly cà-phê. Chàng không biết nói gì với hai người.

Khi Hiệp ngửng lên thì bà cụ đã bỏ ra đứng nơi cửa hậu, nhìn ra ngoài. Cụ đứng vịn một tay lên thành cửa, ngoài hàng rào mưa vẫn gieo nhè nhẹ. Cụ đứng giữa khoảng sáng của khung cửa, trông cụ như vết thẫm của một bức tranh mờ dựng nơi cuối phòng.

Hiệp đánh diêm châm thuốc. Chàng nghe được tiếng những sợi thuốc cháy nổ sẹt sẹt nhỏ.

Ông già đặt cái ly xuống bàn, nói với Hiệp :

— Nó yêu thương thằng đó hơn cha mẹ nó, thầy à.

Mắt ông đỏ hoe. Nhưng ông vẫn ngồi bất động sau chai la-de, nhìn ra Sân Vận Động. Phải chi bây giờ ông trông thấy thủ-môn Tư đang bắt bóng.

Hiệp thấy phải lên tiếng, chàng nói :

— Không phải đâu, cụ. Cô Năm thương hai cụ hơn anh đó.

Ông cụ nhìn thẳng mắt Hiệp.

— Vậy mà nó bỏ tôi ?

Hiệp nói tiếp :

— Cô Năm thương hai cụ — chàng cười rất tươi : — nhưng cô ấy phải sống chứ ?

Bà cụ đã trở ra, ngồi ở cái bàn thứ ba. Bà phàn nàn :

— Ông cứ cầm nó, thầy xem... Tôi đã biểu đừng có cầm... Tôi là đàn bà, tôi biết dư mà.

Ông già mặc áo đen trừng trừng :

— Tôi cầm !

Bà già :

— Ờ, cầm đó !

Ông già nói với Hiệp :

— Thầy à, thầy là người trí thức, thầy thầy sao ?

Hiệp nhìn ông, da mặt ông căng ra. Ông hỏi chàng và chăm chú ngó chàng.

Hiệp cũng thấy bà già ngó chàng nữa. Hiệp cảm thấy lúng túng, ngó quanh mặt bàn. Chàng ngửa đầu, nhìn ra khung cửa hậu. Mưa rơi nhanh hơn, hàng rào và cụm tre mờ nhạt. Hiệp tức cười thẩm về câu hỏi của ông già : « Thầy là người trí thức..» Chàng, chàng chẳng thấy gì hết. Ông hỏi như thế để làm gì, Hiệp không hiểu. Cô Năm đã bỏ đi, câu trả lời

http://tieulun.hopto.org

của chàng chẳng thiết thực và cần thiết gì cho ông nữa. Hay ông muốn duyệt lại chính mình ? Muốn xét lại quan niệm của chính ông ?

Ông già áo đen đã quay lại ngồi ngay ngắn sau cái vỏ chai la-de đỏ. Ông ngó lung ra Sân Vận Động. Hiệp cũng ngồi ngó ra đó. Khoảng bãi trống trước mặt chàng mù mịt những hơi mưa, những giòng nước lớn. Chàng thấy lòng chàng bỗng dưng nở ra theo cơn mưa như một chồi lá non khoẻ mạnh. Chàng thấy mỗi lần đặt chân vào ngôi quán này, tâm hồn chàng lại mở ra theo một nguồn ánh sáng tươi trong.

Những lo âu, những phiền muộn của chàng cứ tới đây lại tan ra, lại rơi mất hút. Hình ảnh của Ánh cũng đã nhẹ nhàng bốc lên theo hơi mưa. Hiệp thấy nàng đã lùi xa, đã khuất dần sau một bức tường vô hình nhưng cách biệt, chẳng còn liên quan gì tới chàng. Chàng đã thua những lý lẽ mà Ánh đã viện ra, chàng thua những lý lẽ ấy như đã chán những ngẫu-tượng của một đời sống quá nhiều dòng tinh thần. Hiệp không thích những ngẫu-tượng đó. Cô Năm không biết có những ngẫu tượng đó. Hiệp bỗng thấy yêu mến cô Năm lạ lùng.

Chàng ho nhẹ đánh tiếng. Ông già quay đầu nhìn chàng. Hiệp cười :

— Cụ nghĩ chi đó ?

Ông quơ tay :

— Nghĩ chi đâu thấy. Có chi mà nghĩ.

Hiệp đứng dậy mặc áo mưa. Bà cụ cũng đứng lên đi ra :

— Thấy về sao ?

— Dạ.

Hiệp đặt tiền lên bàn chào họ và bước ra. Mưa gieo nhẹ trên vai Hiệp. Chàng cảm thấy ít khi tâm hồn chàng thanh thản như lúc này. Cô Năm đã đi nhưng hình ảnh cô đã đánh vỡ tan cái chén gỗ quí là khối buồn kết tinh của Hiệp. Hiệp thấy chàng mới mẻ như mới hồi sinh với một trái tim hồng. Chàng thấy nhớ cô Năm và quay đầu nhìn lại ngôi quán. Chắc từ giờ không bao giờ Hiệp còn đặt chân vào đó nữa : cái nguồn sáng tươi trong và khoẻ khoắn của một cuộc đời mới đã bay ra khỏi đầy. Nó đã nhập vào anh Tư, thủ môn banh tròn, và nó đã nhập cả vào Hiệp...

VIÊN-LINH

THỜI BÁO
tờ báo của mọi gia đình

http://tieulun.hopto.org

THE CHARTERED BANK

Anh-Quốc Ấn-Chiếu Ngân-Hàng

(Thành-lập tại Anh-Quốc do Ấn-Chiếu năm 1853)

SỐ VỐN : 6.600.000 Anh-kim
DỰ TRỮ : 7.150.000 Anh-kim

*

LUÂN - ĐÔN TỔNG - CỤC

38, Bishopsgate, London E. C. 2

*

SAIGON CHI - CỤC

CHI - CỤC CHÁNH : 3, Đường Võ-Di-Nguy
CHI - CỤC PHU : Đại - lộ Thống - Nhất

(Immeuble Esso Standard Eastern Inc.)

*

NAM - VANG CHI - CỤC

10, Phlauv Preah Kossamac

*

CHI-NHÁNH THÀNH-LẬP TẠI CÁC NƯỚC VIÊN-ĐÔNG

*

Phụ-trách tất cả các công việc ngân-hàng

Có Đại-diện khắp hoàn-cầu

http://tieulun.hopto.org

QUAN NIỆM HỘI HỌA

do NGUIỄN-NGU-Í phụ-trách

VI

Trần-Văn-Quang

★ TRẦN-VĂN-QUANG

Sinh ngày 22-2-1934 tại làng Lại-Trì, tỉnh Thái-Bình (Bắc-Việt).

Chính thức bước vào ngành vẽ Quảng cáo và Trang trí năm 1950.

Năm 1955, theo học trường Cao đẳng Mĩ thuật Quốc gia một thời gian, nhưng vì hoàn cảnh, phải bỏ ngang.

Từ đó, tự học hỏi.

Đã triển lãm nhiều kì :

— chung *với Phạm-Huy-Tường tại phòng Triển lãm Đô thành năm 1960 ; dự các cuộc Triển lãm do hội Văn hóa Việt-Nam và Văn hóa vụ tổ chức ; dự triển lãm Stanvac (1961).*

— riêng *tại phòng Triển lãm Đô thành, do hội Không học Việt-Nam bảo trợ (1960), tại Long-Xuyên và Cần-Thơ (1961) v.v..*

— *Dùng « sơn mài nhân tạo » do kĩ thuật gia Phạm-Văn-Thành sáng chế mà sáng tác trên 60 bức tranh theo cả hai lối kĩ thuật hội họa phổ thông và kĩ thuật sơn mài thiên nhiên (đã triển lãm họa phẩm và mĩ phẩm vẽ với « sơn mài nhân tạo » trong cuộc triển lãm « Sơn mài Mĩ-Á » năm 1961).*

http://tieulun.hopto.org

CUỘC PHỎNG VẤN VỀ QUAN NIỆM HỘI HỌA

— Giữa năm 1962, về miền Trung để lần lượt triển lãm ở Đà-Nẵng, Huế, Đà-Lạt, Nha-Trang, Phan-Thiết.

— Bức tranh sơn dầu « Hoàng hôn » *được bằng danh dự cuộc Triển lãm hàng năm do hội Văn hóa Việt-Nam tổ chức (1960).*

— Được giải thưởng Stanvac (1961).

Có tranh được chọn gởi dự các cuộc Triển lãm ở Mĩ (Cầu chữ Y), *Pháp* (Sông Thị-Nghè), *Mã-Lai...*

I.— Tôi thấy Hội-họa hiện ở nước ta xu hướng nào cũng có, và đều làm người quan tâm đến ngành nghệ thuật này phải chú ý, nhưng tiếc một điều là chưa có xu hướng nào có những thành công nổi bật.

Riêng tôi, lối nào tôi cũng thích, và tôi vẫn cố học như ngày mới bước vào nghề, mong sẽ rút tỉa được những điều hay để có thể dựa vào đó mà tìm ra được cái gì mới lạ chăng.

Còn việc áp dụng thứ sơn mới do anh bạn Phan-Văn-Thành sáng chế mà chúng tôi tạm gọi là «sơn mài nhơn tạo» (laque artificielle hay laque esthétique), thì tôi mới ở thời kì dọ dẫm. Tôi rất mừng mà thấy có một chất sơn giống sơn mài, mà lại đủ màu như sơn dầu, cách sử dụng không khó khăn, không tốn kém mà lại rất bền. Tôi mong rằng nền Hội-họa và ngành tiểu công nghệ nước nhà sẽ nhờ chất liệu mới này mà

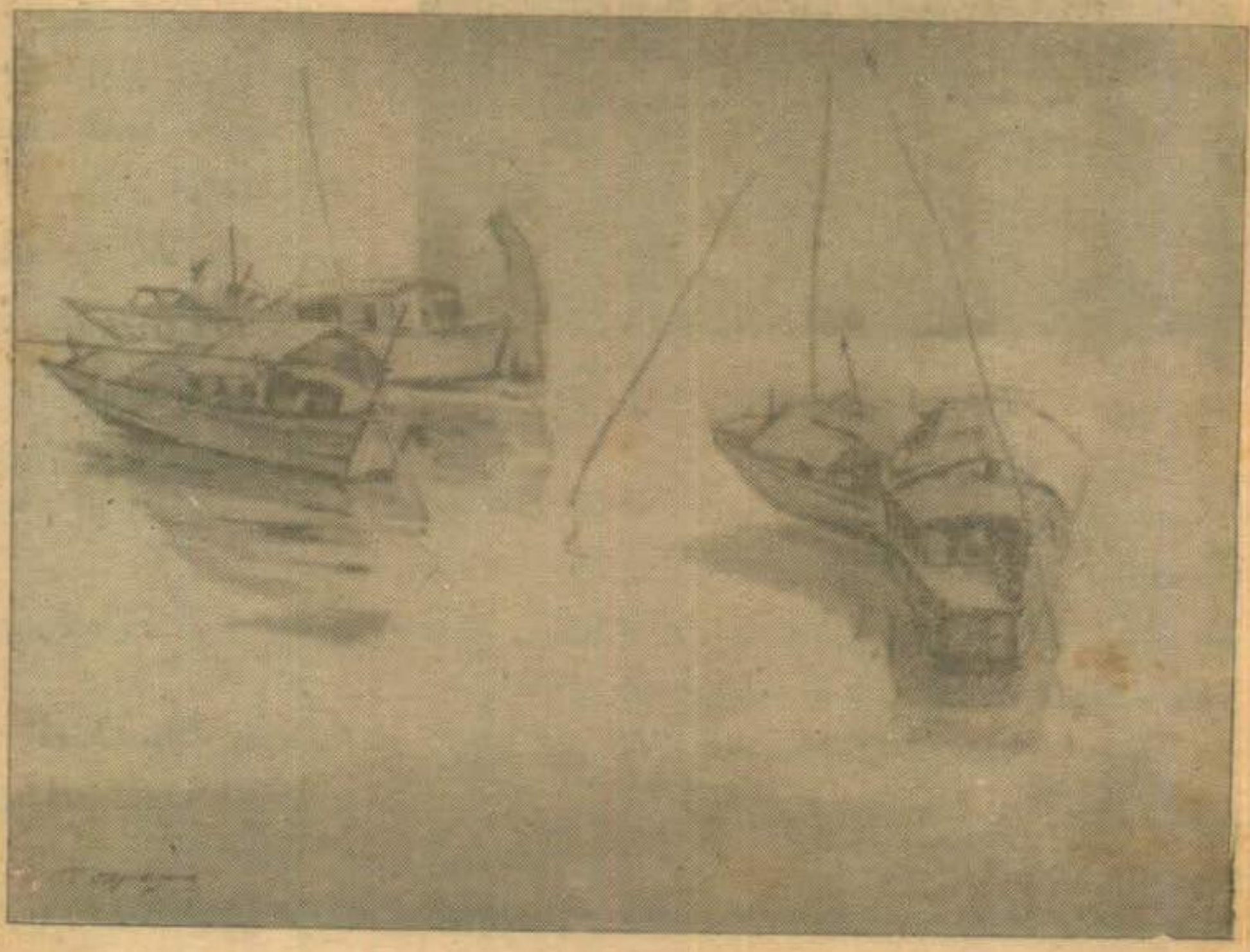

Thuyền

http://tieulun.hopto.org

NGUIỄN-NGU-Í *phụ-trách*

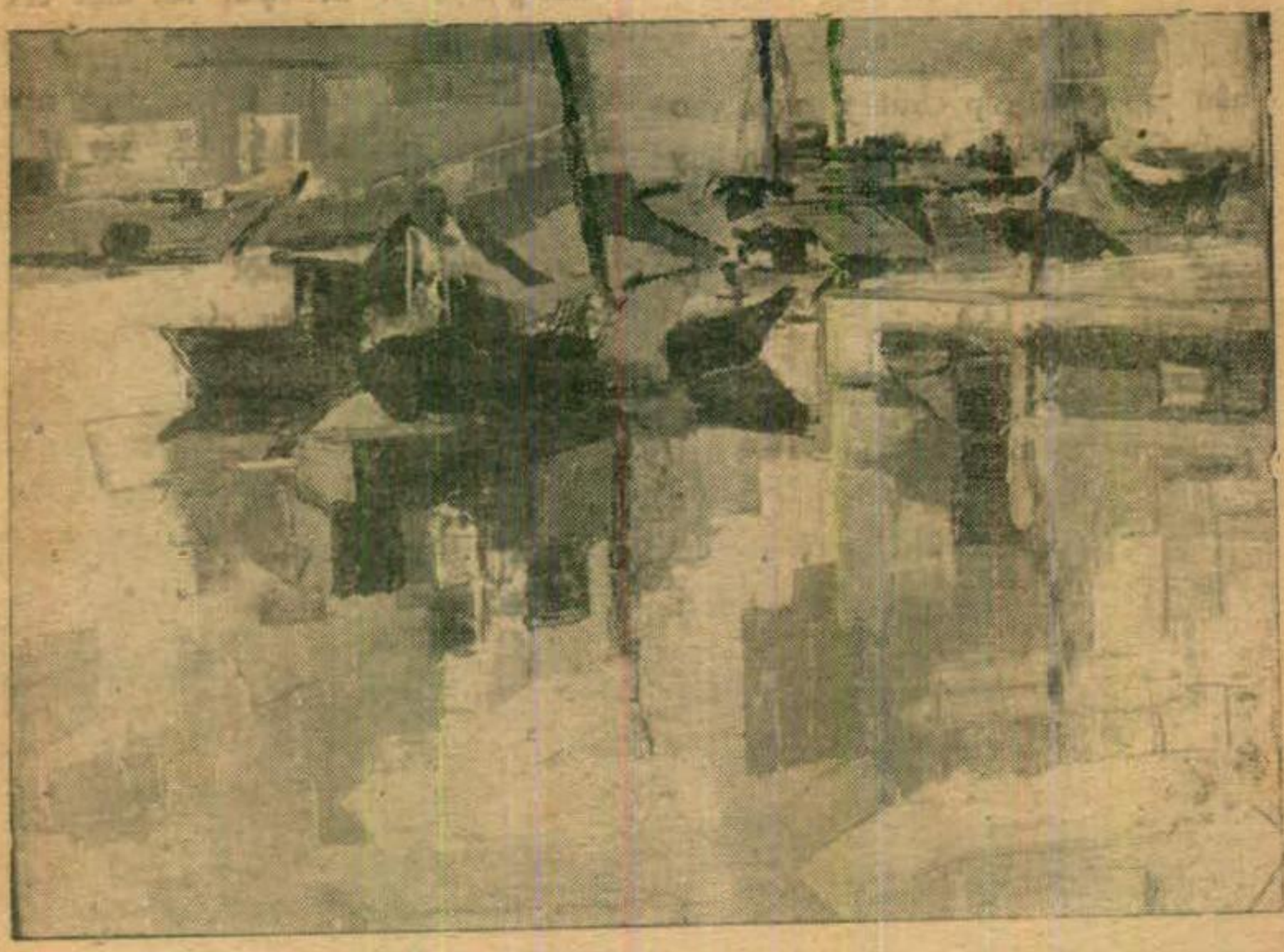

Sông Thị-Nghè

thêm một sắc thái mới, và nhất là mĩ thuật nhờ đó mà đi rộng vào dân chúng.

II.— Dân tộc tính trong Hội họa là một điều cần, mà tánh cách Quốc tế trong tranh lại càng cần hơn nữa. Vì tôi nghĩ rằng trước hết, mình phải là mình trước đã, thì màu sắc, đường nét, đề tài, mình phải tận dụng cái vốn mà ông cha và các bậc đàn anh mình để lại, nhưng rồi ta phải tiến theo trào lưu của thế-giới, tức là trào lưu «năm châu chung chợ, bốn biển chung nhà», thì cái tiếng nói của ta phải cố sao cho khắp mọi người đều hiểu, đều cảm. Thành ra kĩ-thuật và đề tài phải giã từ tánh cách địa phương mà vươn đến tánh cách quốc tế.

Tôi cho rằng hai lập luận Dân tộc tính và Quốc tế tính bổ túc cho nhau chớ không trái nghịch nhau. Phần tôi, tôi còn đang ở giai đoạn dân tộc.

III.— Công trình tìm kiếm và những kết quả của tôi hiện chưa có gì đáng nói. Tôi vẫn đang dò dẫm. Đến nay, lối vẽ của tôi chưa có gì độc đáo, nhưng có điều tôi tự hào, là tôi không hề cóp nhặt kĩ thuật của một ai.

IV.— Tôi xin gởi hai ảnh chụp lại hai bức tranh mà tôi thích. Bố cục, màu sắc, đường nét đều đơn giản. Chủ ý của tôi là muốn sao giữa người sáng tác và người thưởng ngoạn, không có sự cách biệt quá xa hay quá sâu. Tôi muốn người thưởng ngoạn tranh có thể hiểu được họa sĩ muốn diễn tả gì, chớ không muốn người xem tranh mệt ngay với kĩ thuật của mình.

http://tieulun.hopto.org

V.— Mấy năm gần đây, nền Hội-họa nước nhà vươn lên rất mạnh. Tôi rất tin tưởng ở ngày mai của nó.

Tôi nhân dịp này góp chút ý mọn vào các cuộc triển lãm do các hội tư nhân hay các cơ quan chánh quyền tổ chức:

1.— Các cuộc triển-lãm, nên chia ra từng môn phái, mà không nên chia ra từng loại tranh (như có họa sĩ *vẽ trên nhung* thì không được triển lãm ?)

2.— Ban giám khảo, nên công bố trước khi nhận tranh (để tránh những lời bàn ra tán vào của một số họa sĩ nhiều tự ái khi tranh họ bị loại).

3.— Tổ chức một cuộc triển lãm toàn những họa sĩ kì cựu, rồi một cuộc triển lãm toàn những họa sĩ mới nổi tiếng, để công chúng được thấy sự giống nhau hoặc khác nhau của hai thế hệ, và để hai lớp họa sĩ hiểu nhau hơn.

4.— Tổ chức một « phòng tranh ra mắt » để giới thiệu các họa sĩ chưa có tranh triển lãm lần nào.

5.— Giúp các họa sĩ đàn anh có thành tích xuất ngoại để mở tầm nghe thấy, học hỏi thêm, hầu về nước chỉ vẽ cho các đàn em.

TRẦN-VĂN-QUANG

Bé-Kỳ

✶ BÉ-KỲ

Tên thật : Nguyễn-Thị-Bé.

Sanh ngày rằm tháng 10 năm kĩ-mão (nhằm ngày 25 tháng 11 năm 1939) tại tỉnh lị Hải-Dương (Bắc-Việt).

Năm 1954, được họa-sĩ Trần-Đắc thu nhận làm môn đệ, và nhờ các họa-sĩ Văn-Đen, Nhan-Chí, Trần-Văn-Thọ chỉ dẫn thêm.

Đã theo lớp Hội-họa hàm thụ của trường A B C ở Pháp.

Chuyên vẽ hoạt họa, hí họa.

Đã triển lãm tại :

Pháp văn Đồng minh hội (1957), phòng Triển lãm Đô thành do hội Văn-hóa Việt-Nam tổ chức (1957), Langbian palace, Đà-Lạt (1958), Pháp văn Đồng minh hội (1958), phòng Triển lãm Đô thành do hội Văn hóa Việt-Nam tổ chức (1958).

Dự Triển-lãm mùa Xuân (1959-1960), và tranh « Nghe đàn » đã được sở Thông tin Huê-Kì chọn đăng vào lịch của sở năm 1959.

http://tieulun.hopto.org

Triển lãm tại công ti Việt-Hà (1959-1960).

Tranh « Bà bán hàng rong » *được nha Mĩ-thuật học vụ chọn gởi triển lãm ở Hiệp-Chúng-Quốc (1960).*

Dự cuộc Triển lãm do Nghiệp đoàn Hội họa tổ chức (1960).

Dự cuộc Triển lãm do Văn hóa vụ tổ chức tại tòa Đô sảnh (1961).

Triển lãm tại Hôtel Catinat (1961).

Bức « Thuyền chài nghỉ lưới » *được Tưởng lệ danh dự Triển lãm mùa Xuân 1961...*

Tôi nhìn người ngồi đối diện mà không khỏi ngạc nhiên.

Bảy năm qua mà cô thanh nữ giờ đây không mấy khác cô thiếu nữ bán tranh tự vẽ trên vỉa hè các đường còn mang tên Catinat, Bonard, Charner... Vẫn cái dáng ốm, thấp, vẫn cái mái tóc kẹp sau lưng, vẫn cái vẻ chất phác, hiền lành, từ tốn trong cử chỉ, trong lời. Chỉ khác một thoáng già dặn trong cái cười é ấp, trong cái nhìn thuần lương. Ngắm Bé-Ký, người ta có ý nghĩ : nghệ thuật là cái gì ở tầm tay của mọi người, chớ không phải dành riêng cho một hạng người nào.

Nghe đàn

http://tieulun.hopto.org

CUỘC PHỎNG VẤN VỀ QUAN NIỆM HỘI HỌA

Gánh nặng

— Tu (thơ của em chắc không được vui mấy ?

Hai bàn tay xương xương, móng để tự nhiên và cất bằng đầu nắm lấy nhau và gương mặt đăm chiêu hơi nghiêng về trước.

— Em mồ côi cha mẹ lúc còn nhỏ dại, vào vụ đói 1944, anh chị em thất lạc cả, chết sống thế nào nay em cũng chẳng biết. Nhờ ông bà Trần-Đắc cám cảnh nuôi làm con, cho đi học.

— Em thích vẽ từ đó ?

— Thưa ông, không ạ. Em thích vẽ trước khi học chữ. Em vẽ chim, vẽ cò, thấy gì vẽ nấy và thích xem sách báo có hình. Chỉ khi em học trường Trí-Tri ở Hải-Phòng là khiếu vẽ của em mới nảy nở. Sau này, nghĩa phụ em mới dạy em...

Vừa lúc ấy họa sĩ Trần-Đắc bước vô, và cùng ngồi góp chuyện. Tôi hỏi :

— Ông dạy em Bé-Ký vẽ, hẳn lúc đó ông thấy ở em nhiều hứa hẹn ?

— Cái khiếu vẽ của cháu, tôi biết từ lâu, nhưng tôi chỉ thật sự nhận cháu làm môn đệ lúc cháu được mười lăm tuổi. Tôi vốn chuyên về sơn mài, cháu phụ việc với tôi cùng một số trẻ khác. Nhưng chỉ có cháu là chịu khó nhất, và cần cù nhẫn nại chẳng ai bì. Có những đêm cháu thức đến một, hai giờ khuya để làm cho xong việc tôi giao. Tôi từng học trường Cao đẳng Mĩ thuật Hà-Nội, từng lăn lộn trong nghề, thấy lắm gian nan, một người đi tất cần phải bền chí lắm mới mong thành công được phần nào.

— Thế thì ông bắt đầu dạy em theo lối nào ?

http://tieulun.hopto.org

Trên một vỉa hè...

— Tự nhiên là không theo lối nhà trường. Tốn công, tốn thì giờ, mà khi ra đời những điều học hỏi dùng cũng chẳng được bao nhiêu. Tôi khuyên cháu nên theo con đường hoạt họa. Ghi nhanh chóng một dáng người, một hoạt cảnh... hợp với cái khiếu nhận xét của cháu hơn và cái tài sẵn có của cháu.

— Ngoài ông ra, em có còn thọ giáo của ai nữa không ?

— Còn có trường hàm thụ ABC ở Pháp, và các anh bạn : Văn-Đen, Nhan-Chí, Trần-Văn-Thọ.

Đến đây, họa sĩ Trần-Đắc có việc lên xưởng họa, tôi trở lại chuyện trò cùng Bé-Ký.

— Tôi thấy trong các bức vẽ của em, em hay chọn những đề tài lấy ngay ở cuộc sống quanh em, những cảnh, những người bình dân, như «*Ông già xem tướng, Người kéo nhị, Gánh phở, Cô bán hột vịt Cô bán đu đủ, Em bé bán bong bóng đỏ, Lớp học bình dân...*» Có phải vì tuổi thơ của em phải chịu thiệt thòi mà em thích vẽ những người xấu số, những kẻ phải lấy mồ hôi đổi lấy miếng ăn ?

Một thoáng cười, vui buồn lẫn lộn.

— Dạ, thưa ông nói đúng. Em mến những người lao động, những cảnh tay làm hàm nhai.

— Thế thì dạo trước, tự em em muốn đi bán tranh dạo và đi vẽ dạo hay vì hoàn cảnh khiến thế.

— Thưa ông, có cái này một chút, cái kia một chút. Đi bán và đi vẽ rong thế, em nuôi hai hi vọng : gặp những khách hàng người Pháp, và những họa-sĩ ngoại quốc. Em mong một ngày kia được sang Pháp, sang Í để xem, để học, nên em có học chữ Pháp. Đọc thì được mà nói thì khó. Đi bán rong, em tự buộc mình ở vào cái thế phải mời khách, phải nói này nói nọ, dầu nói bập bẹ đi nữa. Nhờ thế, em trở nên dạn dĩ, và nói một ngày một thêm trôi chẩy. Và em cũng được gặp các họa sĩ Pháp có, Mĩ có, Í có, Nhật có, mến chút tài em (vì lắm khi em vẽ tại chỗ ảnh họ để tự giới thiệu hoặc ghi nhanh những dáng điệu đặc biệt thoáng qua) họ hỏi chuyện, họ chỉ vẽ thêm, họ lại nhà để xem tranh em, rồi phê bình. Nhờ thế mà sự học vẽ của em tấn tới nhiều.

Bỗng nhiên, nữ họa sĩ của đường phố ấy hỏi tôi :

— Ông có biết ông *de Berval* ?

http://tieulun.hopto.org

Một hình, một bóng...

— Ông René de Berval, người chủ trương tạp chí France-Asie, tôi có biết. Hiện ông ở Nhật.

— Nhắc đến những bước ban đầu, em không thể nào quên được ông de Berval. Chính ông là người đầu tiên đã nâng đỡ em về tinh thần nhiều nhất và khiến em vững tin ở em. Ông đến xem các loại tranh em vẽ, (em vẽ tranh lụa, vẽ phấn màu, nước màu, bột màu, chì than, mực Tàu trên lụa), cho rằng em nên chuyên hẳn con đường vẽ hoạt họa trên lụa. Rồi ông ấy cho em xem các tranh hoạt họa của người xưa, khắc trên đá có từ mấy nghìn năm trước, giảng giải cho em... Khiến em quyết tâm đi con đường này.

Tôi hỏi tiếp :

— Em tìm đề tài có dễ, có lâu không ?

— Không chừng, ông ạ. Có khi vừa ra đường, em gặp ngay một cảnh hay hay, một dáng người lạ lạ ; có khi đi đó đây hằng tháng, mà chẳng vẽ được gì ưng ý.

— Chắc những lúc ấy em thấy bực mình lắm chớ ?

Hai bàn tay lại nắm chặt lấy nhau.

— Những lúc tìm không ra đề tài, hoặc đường lối chưa đạt, em cảm thấy mình như bị nhốt cứng trong một cái hòm nắp đóng lại, và mình cần phải phá cái hòm ấy để ra ngoài.

Một ít mồ hôi lấm tấm trên sóng mũi nhỏ người bị hỏi. Tôi đứng lên lại cái buf-fê để gần bộ xa-long, chỉ bức tranh vẽ bằng bột màu treo ở tường, gần sát cái buf-fê.

— Tranh « *Nghe đàn* » này hẳn là em thích nhất.

Tác giả bức tranh cũng đứng dậy, lại gần.

— Vâng ạ. Em vẽ theo lối thảm, lối tapis.

— Người đàn cũng nghe tiếng đàn mình, người ngồi đối diện cũng nghe, mà hai chị em cô này lấp ló sau mành trúc cũng nghe, và có lẽ hoa trong lọ để ở góc phòng cũng «lắng tai» nghe.

Bé-Ký mỉm cười, cúi xuống, nhìn đôi chân không.

— Em có thể cho tôi biết cái gì đã khiến em vẽ bức tranh này. Chắc là do một kỉ niệm nào, trong đó có tiếng đàn thì phải.

Bé-Ký ngước lên nhìn tác phẩm ưng ý của mình, vẻ triu mến lộ ở cái nhìn chớp nhẹ.

http://tieulun.hopto.org

— Vâng, có thể. Có một đêm, em được nghe chị Thu-Nguyệt đàn thập lục ở nhà hát Thống-Nhất. Dạ, ông có biết đàn thập lục chớ ?

Tôi mơ màng :

— Trong Nam gọi là đàn tranh. Thuở thiếu thời (khoảng hai mươi năm về trước) tôi thường được nghe tiếng đờn của một người cô lớn tuổi, của một người bạn cùng lứa, trong một mái nhà tranh, cạnh một con sông lịch sử, thường là về đêm...

Người hỏi tôi cũng mơ màng, rồi một hồi sau mới nói :

— Em được nghe cô Thu-Nguyệt đàn ; em cảm động quá. Định phải vẽ một bức tranh về đàn mới được. Nhưng cứ để đó. Sau, có việc vào trường Quốc gia Âm nhạc, em lại nghe tiếng đàn thập lục ấy nữa. Lại bồn chồn. Nhưng vẫn chưa vẽ được. Lần thứ ba, mở ra dô, lại nghe tiếng đàn tranh. Lần này thì em không thể đừng được.

Bé-Ký ngừng nói. Tôi nhìn lại bức tranh, rồi lại nhìn tác giả. Tác giả mỉm cười.

— Em đổi cây đàn tranh ra cây đàn tì bà. Vì đàn tì bà nó có cái vẻ Á-Đông hơn. Em muốn nói cái hình dáng nó...

Tiếng nhỏ nhẻ, chẫm rãi của người trước mặt tôi lại đều đều :

— Cái cô bé đứng cạnh chị, sau màn trúc và nép vào cột ấy, em có ý muốn nó là em, được nghe đàn, mà sợ mình lỡ gây tiếng động, lỡ thở mạnh, làm người đang đàn mất hứng, thôi đàn thì chẳng biết mình phải trốn vào đâu...

Họa sĩ Trần-Đắc bước ra. Tôi vội hỏi :

— Em Bé-Ký hiền thế nhưng đôi khi cũng lì, cũng cộc ?

Người nghĩa phụ cười dòn.

— Quả có thế. Lại còn gàn nữa !

Người nghĩa nữ cười, e thẹn và xây mặt qua bên.

— Tôi muốn xem ít tranh vẽ mực Tàu trên lụa của em.

Mười mấy bức tranh được trao qua tay tôi.

— Bức này, em đặt tên gì ?

— Dạ, « *Gánh nặng* ».

— Người này toan gánh hay là gánh rồi để xuống.

— Dạ, tùy ông. Và ông có hiểu gánh lúa gánh gạo nặng cũng được, mà gánh gia đình nặng, cũng chẳng sao.

Tôi toan mở miệng để thêm một cái gánh nặng nữa, nhưng chẳng hiểu sao, lại thôi, mà im lặng nhìn tranh để nghe văng vẳng từ đâu lại điệu nhạc « *Hòn Vọng Phu, III* » của Lê-Thương : *bến nợ tình thâm, bến nợ giang san*...

— Tôi sẽ xin chụp lại tranh « *Gánh nặng* » này với tranh « *Nghe đàn* » kia để in lên báo. Chắc ông và em không phản đối.

Họa sĩ Trần-Đắc buột ra hai tiếng « Hân hạnh ! » trong khi họa sĩ Bé-Ký chỉ mỉm cười.

« Em định vẽ là vẽ chơi chơi, cho vui một đoạn đời, hay là em quyết vẽ trọn đời, lấy Hội họa làm một lẽ sống ?

Câu trả lời không cần phải đợi.

http://tieulun.hopto.org

— Em nghĩ, em có chút khiếu Trời cho, may được nghĩa phụ em chỉ dạy, được lắm bậc đàn anh trong nước và ngoài nước khích lệ và mong mỏi nơi em, thì em không có quyền phụ lòng những người tốt ấy. Em không thể cầm cây súng để xứng là con gái bà Triệu, bà Trưng, em không thể cầm cây bút để đáng là con gái bà Thanh-Quan, bà Thị-Điểm, thì em xin cầm cây chì, cây cọ, dùng màu dùng nét để mong đem chút gì rạng rỡ cho phụ nữ nước nhà.

Nói xong, Bé-Ký bẽn lẽn, như trách mình sao lại lắm lời.

— Em chuyên vẽ mực Tàu trên lụa, hẳn em cũng có cái lí gì...

— Dạ. Em nghĩ nghệ thuật chẳng cần gì lắm màu, lắm sắc, mới đạt được. Chỉ hai màu giản dị nhất, màu trắng và màu đen, mà nếu ta quả có tài, có tình thì cũng có thể tạo nên những bức tranh giá trị vậy.

Tôi đứng dậy:

— Em có giữ đôi kỉ niệm nào hay hay trong khoảng đi vẽ rong không?

— Dạ, có hai lần em rất cảm động, việc thì i nhau, chỉ có người là khác. Đó là lúc em vẽ ở phi trường Tân-Sơn-Nhất. Khách bốn phương có người chỉ ghé mươi lăm phút, nửa giờ, rồi lại lên máy bay đi nơi khác. Có một bà Pháp mến em quá, cởi một khoanh tròn ten đeo ở tai, đeo vào tai em, rồi vội vã hôn em để kịp ra sân bay; rồi sau có một bà Mĩ, cũng có hành động như thế...

Tôi ra tới sân, cúi xuống mở khóa xe, bỗng ngẩng lên hỏi người đứng ở cửa:

— Tại sao em lại lấy biệt hiệu là Bé-Ký mà không Bé-Tí chẳng hạn?

— Dạ thưa ông, vì em tên Bé, Nguyễn-Thị-Bé, có lần em viết trên giấy: Nguyễn-Thị-Bé ký tên, Thị-Bé ký tên, Bé ký tên, Bé ký, Bé-Ký, nghe hay hay hay, từ đó em bèn lấy hiệu Bé-Ký.

NGUIỄN-NGU-Í *thuật*

Đã phát hành trên toàn quốc

VĂN NGHỆ

SỐ 14

Với các tác giả: Lê Huy Oanh — Sao Trên Rừng — Trần Thy Nhã Ca — Đỗ Quý Toàn — Nguyễn Thạch — Viên Linh Dương Nhiễm Mậu — Lý Hoàng Phong — Hà Hoài — Phan Nguyên — Ngọc Dũng — Nguyễn Trung — Trần Dạ Từ — Trần Đức Uyển . . .

http://tieulun.hopto.org

TRÀNG - THIÊN

Về một thái độ trong văn nghệ miền Bắc

Trong hồi kháng chiến hầu hết văn nghệ sĩ có tài đều ở chiến khu. Hoàn cảnh chiến tranh chưa cho phép họ xây dựng kịp những tác phẩm lớn lao ; nhưng về cuộc chiến tranh thì đã có nhiều phóng sự, ký sự, nhiều bài thơ nhỏ rất có giá trị. Trong những trang ghi chép của Trần-Đăng về các trận đánh nhau ở Cao-Bắc-Lạng, của Nguyễn-Tuân về các trận Đại-bục, Đại phác..., cảnh thực sống động, và tình cảm người viết thì chân thành nồng nhiệt. Những bài thơ như bài *Màu tím hoa sim* của Nguyễn Hữu-Loan từng vượt chiến khu về thành, và được tán thưởng. Hồi đó, mỗi người mỗi cách, họ đồng nói về cuộc chiến đấu với thực dân để giành đất nước. Trong cảnh đề huề ấy họ đạt được những thành tích đẹp đẽ.

Nhưng sau 1949, Mao Trạch-Đông thắng ở Trung Hoa rồi, cộng sản bên này chủ trương vừa đánh giặc vừa cải cách ruộng đất. Trước khi những cuộc đấu tố diễn ra, các văn nghệ sĩ có được hướng dẫn cho nghiên cứu trước về chính sách và về nhiệm vụ trong các lớp chỉnh huấn. Về nhiệm vụ, họ được cho biết rằng không phải chỉ có đấu tranh với giặc ngoài mà thôi, còn phải đấu tranh với kẻ thù giai cấp nữa, trong hàng ngũ của họ liền mất sự đề huề, một số rời bỏ chiến khu (Phạm-Duy, Lê Trọng-Nguyễn, Đoàn-Phú-Tứ, Vũ-Hoàng-Chương...) Từ đó chúng ta có nghe nói những người như Xuân-Diệu, như Nguyễn-Tuân, Lưu-Trọng-Lư v. v..., họ chối bỏ hết những thành tích cũ trước 1945, họ quyết đổi mới, họ « lột người ». Nhưng thỉnh thoảng những gì của họ được truyền tụng ra ngoài chiến khu đều là có quan hệ đến cuộc kháng chiến, còn sáng tác về lập trường giai cấp của họ ít truyền đi xa. Sau này, nhờ bài *Phê bình lãnh đạo Văn nghệ* của ông Phan-Khôi, ta mới rõ trong giai đoạn có các vụ « lột người » ấy đã xảy ra lắm sự lục đục trong số văn nghệ sĩ ở ngoài kia, đó là giai đoạn các văn nghệ sĩ bị lãnh đạo chịu nhiều điều cay đắng,

http://tieulun.hopto.org

nhưng họ phải « chín bỏ làm mười », vì kháng chiến.

Rồi một năm sau đình chiến, lại có độ bỗng nhiên thơ văn ngoài kia vượt giới tuyến vào trong này khá nhiều : *Thi sĩ máy* của Nguyễn Hữu-Đang, *Những người không lời* của Trần Duy, *Chúng ta gắng nuôi con* của Chu Ngọc, và nhất là những tác phẩm mạnh mẽ của Trần Dần, Hoàng-Cầm, Văn-Cao... Trong khoảng nửa năm cuối 1956 văn nghệ miền Bắc đã tìm gặp một cảm hứng mới và có nhiều thành công tốt đẹp. Nguồn cảm hứng đó là cuộc đấu tranh chống độc tài đòi tự do dân chủ. Thế rồi từ 1958 tới nay, phong trào *Nhân văn Giai phẩm* bị đàn áp, đường lối của nhà cầm quyền được tuân hành tử tế, và không khí ngoài đó lại lặng lẽ, có vẻ tiêu điều.

Vậy thì hóa ra, bất chấp sự lãnh đạo, những gì có giá trị trong văn nghệ, dù ở dưới khu vực cộng-sản, vẫn xuất từ tinh thần quốc gia yêu nước và từ lòng tha thiết đối với tự do, chống lại chuyên chế. Những cái đó không liên quan gì đến chế độ cộng-sản, lại còn nghịch thù với chế độ nữa là khác.

Còn đích thực thứ văn nghệ đúng đường lối, thứ văn nghệ của những kẻ đã « lột người » cẩn thận, nó ra sao ? Những sáng tác ấy không gây nên tiếng tăm gì, không được mấy ai nói tới, ngoài khu vực cộng-sản. (Không phải hoàn toàn bởi lý do nó bị cấm đoán đâu ; vì những bài thơ như *Màu tím hoa sim* có hưởng được đặc quyền gì trong sự phổ biến ở bên này đâu mà vẫn được truyền tụng khá rộng trong giới văn nghệ ?) Ta nên nhận rằng sự lọc đãi của quần chúng là công bình. Ngay những người lãnh đạo văn nghệ ở ngoài kia, khi họ bình tâm nhận xét, họ cũng không đi tới kết luận nào khác hơn. So sánh thơ ca từ độ « lột người » về sau với thơ ca kháng chiến, «Hội nghị những người sáng tác văn học » do ban thường vụ Hội Nhà Văn ngoài Bắc tổ chức vào những ngày 17, 18, 19 tháng 10 năm 1960 đã cho rằng : « *Phong trào thơ hiện nay phát triển về số lượng, nhưng về mặt cảm xúc thì không mạnh mẽ, sâu sắc như thơ trong kháng chiến.* » Lại so sánh thơ ca đúng đường lối với thơ ca chống lại đường lối, Tô Hoài đã viết trên tạp chí *Văn* hồi 1957 : « *Đã nhiều lần người làm thơ và ngâm thơ phải phàn nàn rằng thơ ta bế tắc, nhạt nhẽo, nghèo nàn và rập khuôn. Trước những bài thơ vô vị ấy, nếu ta đưa ra Trần Dần, Lê-Đạt, Văn-Cao, Hoàng-Cầm v.v.. Họ hăng hái mà tình tứ, táo bạo nhưng có trách nhiệm, đẹp và đáng yêu biết bao ! Những loại thơ đầy ánh sáng chiếu rực rỡ vào tâm hồn, đập vào các thứ nhọ nồi, bờ hóng, sửa sang trang trí đầu óc cho luôn luôn được mới, được đẹp. Những loại thơ đầu tiên ấy đã đem một sắc thái riêng vào thơ thời đại.* »

Tô-Hoài đã gọi những sáng tác đúng đường lối ngoài ấy là nhọ nồi, là bờ hóng, thoạt mới nghe tưởng là những lời quá khích thốt ra trong cơn phẫn nộ, nhưng quả thực xem qua những sáng tác ấy ta hiểu ngay tâm trạng của Tô-Hoài. Sáng tác ấy dở hay tưởng cũng có thể cho là chưa quan trọng, nhưng điều khiến ai nấy buồn lòng nhất là người nghệ sĩ đánh mất phẩm cách thật dễ dàng sau khi lột người. Chắc chắn trong chúng ta, bất

http://tieulun.hopto.org

cứ ai biết rằng nhà thơ duyên dáng, nồng nhiệt với cuộc sống là Xuân-Diệu trước kia, bây giờ nhà thơ đó đã phải viết những câu như :

...« *Chúng con thề nguyện một lời*
Quyết tâm thành khẩn lột người từ đây»

thì cũng đến rụng rời ! Xuân-Diệu có thể thề nguyện cái gì tùy ý, nhưng tại sao lại « chúng con » ? Cái cảnh một con người ngót năm mươi tuổi, tóc trên đầu đã bạc hoa râm, mà mở miệng xưng « con » trong khi thưa gửi với cấp lãnh đạo, cảnh đó thật là bi thảm.

Nhưng biết thế nào, xung quanh ông người ta đua nhau làm những điều như vậy, ông không vượt thì thôi, lẽ đâu lại chịu thua ! Tố-Hữu hôn hít lãnh tụ :

« ... *Con muốn hôn má gầy của bác,*
Hôn chòm râu mát rượi hòa bình... »

Chế - Lan - Viên khoe rằng đêm nằm thường không ngủ :

« ... *Gối xoay mấy chục bận rồi,*
Trăng mòn đã muốn rụng ngoài đầu cây».

và ông trăn qua trở lại suốt đêm như vậy là vì lòng nhớ tới lãnh tụ :

« ... *Việc nhiều, bác đã ngủ chưa ?*
Cho xong chiến dịch, bác già lắm không ?»

(Cho uống thuốc)

Không biết dưới sự cai trị của vua chúa trên mấy nghìn năm ở ta và ở nước Tàu phong kiến, người ta có tìm thấy được câu nào mơn trớn nhà cầm quyền đến bậc đó chăng.

Có lẽ những nhà thơ ngoài Bắc vừa kể trên sẽ phản đối, cho rằng không thể có sự so sánh giữa thái độ khúm núm xấu xa dưới thời phong kiến với một tình cảm mới dưới chế độ xã hội ; họ sẽ kêu rằng ngờ vực lòng kính yêu chân thành của họ là kbông hiểu được những tình cảm mới của những con người mới. Nhưng có thực việc tôn kính tán dương các nhà cầm quyền tại vị là « mới » chăng ? Còn về điểm chân thành thì lẽ nào họ dám tự xưng chân thành hơn cả ông Khơ-Rút-Sốp khi ông này viết về Xít-Ta-Lin : « Người là Đấng Sáng-Tạo ra nền văn hóa sô-viết... là người chăm nom chu đáo, đã nuôi nấng những con người được giao phó cho Người chăm nom. » Lẽ dĩ nhiên ông Khơ-Rút-Sốp kính yêu Xít-Ta-Lin như vậy từ lúc trong thâm tâm ông biết rõ Xít-Ta-Lin là kẻ « đồ tể khát máu », bởi vì chính ông đã bảo ông biết vậy từ lâu chứ không phải bỗng nhiên sáng suốt sau khi Xít-Ta-Lin chết, hoặc khi Đại hội thứ 20 của đảng cộng sản Nga khai mạc. Ta có thể tin chắc rằng đem sánh lòng chân thành và sự mến yêu lãnh tụ của cácnhà thơ Bắc-Việt với của ông Khơ-Rút-Sốp nhất định không phải là một cách chế giễu hay làm nhục họ. Ấy là một việc đứng đắn, cho nên nó cũng chứng minh sự thực một cách đứng đắn.

Nhưng không cứ là đối với lãnh tụ họ mới phải tán dương đến thế. Bất cứ cái gì có liên quan đến chủ trương đường lối, đến đảng, họ cũng đều phải ca ngợi. Tác giả *Lửa Thiêng* ngày xưa, bây giờ đã phải viết đến những câu như thế này để ca tụng thành công nông nghiệp của nước bạn :

...« *Bầy gà bươi chân rạ*
Cũng béo xù cả lông »

(Trên đường đến quê hương Mao Chủ-tịch)

http://tieulun.hopto.org

(Có thật gà béo thì xù lông, và lại đi bươi chân rạ chăng ?) Còn Xuân-Diệu thì đi kể những chuyện nhảm nhí không ngờ :

... « *Mười ba thanh niên, vai đầy, ngực rộng,*

Đứng lên đầu ngọn lúa, lúa không lay,
Lúa không oằn ; lúa khỏe tựa hàng cây !
Dậm không thụt ! chuyện thần kỳ của lúa !»

(Lúa thần kỳ)

Nhưng có lẽ thảm hại nhất là trường hợp Lưu-Trọng-Lư. Nhà thơ nầy trước kia đã từng được giới phê bình cho là vô tâm và thành thực, vô tâm đến nỗi quên cả thơ của mình làm ra và thành thực đến nỗi kể cả chuyện vợ con trong thơ. Để bày tỏ lòng thiết tha đối với nước bạn, nhà thơ ấy đã viết thế này :

« *Chúng ta nói với nhau « tôi không khóc »*
Nhưng lời vừa buông, nước mắt đã chan hòa

Này người bạn thiết Trung-Hoa !
Chúng ta có con sông Hữu nghị
Dòng sông Nhị ! Dòng sông Nhị !
Bắt nguồn từ rừng núi Trung-Hoa
Và chảy qua, chảy qua....
Bao xóm làng thân yêu đất Việt
Tôi đã biết... cũng vì tôi đã biết
Nên lòng tôi thắm thiết không cùng...»

(Dòng sông Hữu nghị)

Con sông Nhị-Hà bắt nguồn từ bên Tàu chảy qua Việt-Nam. Câu chuyện chỉ có thế. Vậy mà Lưu-Trọng-Lư la lối : « Tôi đã biết. Tôi đã biết. » (nghe như tiếng Eurêka của nhà khoa học nọ), rồi nước mắt ông chảy ra chan hòa ! Có lẽ chính vì Lưu-Trọng-Lư là một người quá chân thành thực thà, không quen giọng điệu điêu xảo, cho nên khi phải nịnh hót thì ông vụng về lố bịch. Tứ thơ nghèo nàn, lời thơ giả dối (nhất là ở những chỗ lặp đi lặp lại vô vị), chứng tỏ một sự suy nghĩ hời hợt, biếng nhác, miễn cưỡng tới cực độ.

Ấy, tất cả những văn nghệ sĩ « lột người » đã sáng tác như vậy. Hồi tháng 4 năm 1960, trên tạp chí *Nghiên cứu văn học*, Chế-Lan-Viên có bài chê bai quyển *Hoa đăng* của Vũ-Hoàng-Chương, và chê luôn họ Vũ là không biết gì về miền Bắc, về những người cộng-sản. Chế-Lan-Viên kể cái chuyện một bà có con bỏ nhà ra bưng biền, bà ấy ra thăm con, hỏi nhỏ con : « Này con, con lén chỉ cho mẹ xem vài người cộng-sản xem sao. » Cô con gái bảo : « Con đây. Con vào đảng ba năm rồi. » Bà nọ không tin : trông con mình hiền lành vậy sao mà cộng-sản được ? !

Bà mẹ trong câu chuyện bịa của thi sĩ thật thà quá. Những người cộng-sản, « xem » họ bề ngoài thì khó nhận ra thực, nhưng cứ thử gọi cho họ cất tiếng thì biết, họ sẽ đồng thanh một loạt, và nghe họ nói ta đỏ mặt, ngượng chín cả người, lẽ tất nhiên khi ấy ai cũng nhận ra họ ngay. Vậy muốn nhận ra người cộng-sản không nên « xem » họ, mà nên « nghe » họ, nếu có thể thì nên nghe thơ của họ là tốt nhất.

Bàn về thơ ca, về văn chương mà đi đến một nhận định như vậy thực là điều buồn lòng. Nhưng một lần nữa, ở chỗ này, ta lại thấy những người văn nghệ miền Bắc khi họ tạm gát các chủ trương

http://tieulun.hopto.org

đường lối ra một bên mà thành tâm xét lại nền văn nghệ của mình, họ cũng không có cảm tưởng nào khác hơn. Suốt nửa năm của phong trào *Nhân văn Giai phẩm*, gần như bao nhiêu tác phẩm đều có đề cập đến cái nhơ nhuốc ấy, tức là cái thói nịnh hót. Có người cương trực thịnh nộ như Hữu-Loan, khi mắng :

...« *Những mồm*
không tanh tưởi
Ngậm vòi đu đủ
Trợn mắt
Phùng mang
Thối vào rốn cấp trên :
« Dạ, dạ, thưa anh...
Dạ dạ, em, em...»
Gãi cổ
gãi tai...»
...« *Những người*
đã đánh bại
xâm lăng
Đỏ bừng mặt
vì những tên
quốc-sỉ...»

(Cũng những thằng nịnh hót)

Đấy ! Hữu-Loan cũng đến phải đỏ mặt vì họ. Lại có người nói cay độc như Hà-Thị *(Giờ lại thối rồi)*. Có người tách vạch phân giải kỹ càng mà hăng hái như Trần-Dần, cũng có người tố cáo sang sảng như ông Phan-Khôi...

Điều nguy hại hơn nữa là sự nịnh hót không phải chỉ có ở Bắc-Việt, mà bất cứ ở xứ cộng - sản nào, nó dính liền với chế độ. Một người có nhiều thiện cảm với chủ nghĩa cộng - sản như André Gide, năm 1936, bốn ngày sau khi tới Mạc-Tư-Khoa hãy còn tuyên bố trong dịp đám tang M. Gorki tại Công trường Đỏ :« Trong tâm khảm chúng ta, tương lai của văn hóa buộc chặt với tương lai của Nga sô ». Thế mà đi viếng một vòng nước Nga xong, trở về xứ, ông ta phải chịu rằng ở nước này : « Trên bực thang xã hội mới, từ trên xuống dưới, những kẻ nào được khen chuộng nhất là những kẻ hèn hạ nhất.. »

Hăm lăm năm sau, Lâm-Ngữ-Đường nghiên cứu về xã hội ấy vẫn chú ý đến sự nịnh hót, và ông cắt nghĩa thái độ người dân ở Nga sô : « Đường lối độc nhất để cho hắn có thể vươn lên được tầng lớp trên là ủng hộ chính phủ, tuân theo đường lối của đảng, và gia nhập hàng ngũ của những quân nịnh hót luôn luôn bận rộn. Đó chỉ là kinh tế học mà thôi, chứ có gì đâu. » Không cứ là người dân, mà cho đến các tay cao cấp cũng thế : « Khruschev và đồng đảng tự nhiên là phải xu nịnh cũng như trường hợp những kẻ xu thời khác ở bất cứ nước nào ; duy có điều khác nhau là tại các quốc gia Tây phương một kẻ xu thời khi quá bực tức còn có thể từ chức, những kẻ xu thời ở Nga sô thì chỉ có hai con đường đi, hoặc liếm gót bề trên, hoặc đi Tây Bá Lợi Á ». *(Bí danh)*.

Lại một người đã sống với cọng sản quá nửa đời như ông nguyên chủ tịch quốc hội Nam-tư, M. Djilas, khi nói đến vấn đề văn nghệ, ông cũng đâm ra nặng lời đối với « những bợ đỡ, nịnh hót trơ trẽn của bọn văn nô bồi bút cộng sản » (*Giai cấp mới*, chương VI). Theo ông thì : « Bị đè nén, áp bức, tâm trí con người tất nhiên sẽ đi đến chỗ đồi bại, trụy lạc. Nếu ta tự hỏi

http://tieulun.hopto.org

tại sao đằng đẵng trong 40 năm nay Nga-sô gần như không có một tác phẩm nào xuất sắc trên bình diện văn chương, ta thấy ngay rằng nguyên nhân chính của tình trạng đáng buồn đó là sự trụy lạc của tâm hồn văn nghệ...»

M. Djilas đã nói tới điều hệ trọng nhất.

Hồi quyển *Hoa đăng* được giải thưởng văn chương Chế-lan-viên đã lên tiếng chí trích. Gần đây, thỉnh thoảng các tạp chí ngoài Bắc lại làm cái việc « điểm» qua tình hình văn nghệ trong Nam, chê tác giả này tác giả nọ v. v... Tôi nghĩ chuyện hay dở vốn là vô cùng, tùy thuộc những quan niệm thưởng thức khác nhau. Đối với tôi, nhìn về văn nghệ miền Bắc lúc này, cho dù thấy họ không có sách hay, đó cũng là chưa quan trọng. Thành tích văn học không thể đôn đốc theo kế hoạch tam niên, ngũ niên được, đốc thúc gấp lại sinh ra cái tệ « *phát triển về số lượng, nhưng về mặt cảm xúc thì không mạnh mẽ sâu sắc* », tuy vậy nếu họ có điều kiện, có hoàn cảnh thích hợp, dần dà họ có thể sáng tác xuất sắc. Tiếc thay, hoàn cảnh của họ chỉ đưa tới sự đọa lạc tâm hồn, chối bỏ phẩm cách con người.

Điều bi thảm đó trong hàng ngũ của họ không phải không có kẻ nhận thấy. Ta ao ước họ có những cơ hội (như khoảng năm 1956) để đặt thẳng vấn đề ra, cải thiện hoàn cảnh. Bởi ta biết con người vốn yếu đuối, không phải lúc nào cũng có thể hiên ngang, dõng dạc.

TRÀNG-THIÊN

NGUIỄN-NGU-Í thuật

Trung tâm Văn Bút Việt-Nam bầu lại ban Thường vụ

Đại hội đồng thường niên nhóm Bút Việt họp tại trụ sở ngày 10 tháng 6 năm 1962. Nhưng lại dời vào ngày 17 tháng 6 vì số hội viên có mặt không đủ số : hội viên đến tám mươi, mà số hiện diện chỉ được hai mươi, phải được quá bán mới hợp lệ.

Tới đây, có cuộc trao đổi ý kiến khá sôi nổi.

Ông quyền chủ tịch xin hội viên hiện diện lưu ý ở chỗ : hội viên có đến tám mươi, nhưng hội viên đóng niên liễm chỉ được có ba mươi lăm người, như thế thì mười bảy hội viên là đủ số để Đại hội đồng khai mạc.

Ông Tổng thư kí đem Điều lệ nhóm ra đọc điều thứ 4, đại khái quá sáu tháng hội viên nào không đóng niên liễm, kể như mặc nhiên ra hội. Mà trong số hội viên, có những bạn từ ngày vô hội chưa hề làm tròn cái bổn phận đầu tiên này (nghĩa là từ mấy năm nay !), cũng

http://tieulun.hopto.org

không tham gia một hoạt động nào của hội.

Có ý kiến họp ngay để khỏi mất công, mất thì giờ, vì kinh nghiệm năm rồi cho thấy, kì họp thứ nhì ít đông hơn kì thứ nhất.

Có ý kiến nên dời lại tuần sau, chừng ấy số hội viên có bao nhiêu, Đại hội đồng vẫn hợp lệ — để khỏi ai sau này nói đi nói lại, và để giữ hòa khí với anh chị em trong nhóm.

Có ý kiến : sau khi ban Thường vụ mới được cử, nên gởi thơ nhắc lại các hội viên chưa đóng niên liễm, cho họ hay nếu quá một tháng không được lời phúc đáp, tức là họ mặc nhiên xin ra hội.

Ý kiến này được đa số tán thành, và hai mươi hội viên ra về, để tuần sau, đến có mười bảy.

Và kết quả cuộc bầu cử ban Thường vụ nhiệm kì 1962-63 như sau :

Chủ tịch : *Thanh-Lãng* Đinh-Xuân-Nguyên.

Phó chủ tịch : Vi-Huyền-Đắc, Nghiêm-Xuân-Việt.

Tổng thư kí : Phạm-Việt-Tuyền.

Phó tổng thư kí : Bùi-Nhật-Tiến, *Vũ-Hạnh* Nguyễn-Đức-Dũng.

Thủ quĩ : *Trực-Ngôn* Nguyễn-Văn-Giậu

Kiểm soát viên : Lê-Văn-Hoàn, Nguyễn Hữu-Ngư, Trương-Xuân-Miễn.

Và ban chấp hành của niên khóa 1962-63 đã là tất cả mười bảy hội viên có mặt tại Đại hội đồng.

NGUIỄN-NGU-Í *thuật*

NGUIỄN-NGU-Í

Hội nhà Văn Việt-Nam

Ngày 18-6-1962, ban Vận động thành lập hội nhà Văn Việt-Nam đã họp tại trụ sở lâm thời, Câu lạc bộ Văn hóa, đường Tự-Do.

Mục đích để bầu ban Chấp hành chính thức và thảo luận chương trình hoạt động vì hội đã chính thức được thành lập. Nhưng vì số người dự không mấy đông (15 người) nên chưa thể bầu ban Chấp hành chính thức, mà chỉ có bổ túc ban Chấp hành lâm thời để hợp với điều lệ.

Ban Chấp hành lâm thời đầy đủ như sau :

Chủ tịch : *Đông-Hồ* Lâm-Tấn-Phác.

Phó chủ tịch : Vi-Huyền-Đắc, *Tuần-Lí* Huỳnh-Khắc-Dụng.

Tổng thư kí : Đào-Đăng-Vĩ.

Phó tổng thư kí : Phạm-Đình-Tân.

Thủ quĩ : *Tân-Việt-Điểu* Thái-Văn-Kiểm.

http://tieulun.hopto.org

Phó thủ quĩ : Lê-Thái-Bằng.

Ủy viên kiểm soát : Hoàng - Trọng - Miên, *Tam-Lang* Vũ-Đình-Chí.

Trong buổi họp, có hai vấn đề được bàn cãi khá sôi nổi.

Đó là hoạt động sau này của hội. Một vị có tuổi bảo : « Nếu sau này, hội chúng ta hoạt động cũng như nhóm Bút Việt, nghĩa là hằng tháng tổ chức một buổi diễn thuyết, vài tháng cho ra một tờ đặc san độ năm chục trang, rồi chấm hết, thì tốt hơn là ta nhập vào nhóm ấy để tiếp sức với họ hay hơn là lập một hội mới để làm một việc tương tợ ».

Thì ban sáng lập hứa rằng sẽ làm cho hội « sống cho ra sống ».

Kế đó, một nhà văn, vốn có chân trong Quốc hội, đưa ra nhận xét : hầu hết nhân viên ban Chấp hành là người làm việc cho Chánh phủ, như thế có ảnh hưởng đến sự lèo lái hội, ông muốn có nhiều nhà văn độc lập, ở ngoài Chánh quyền có chân trong ban Chấp hành mới thâu thập được kết quả như ý, và khỏi bị hiểu lầm.

Nhưng ý kiến này không được tán thành. Hoàn cảnh nước ta khiến ít ai sống chuyên nghiệp về cây bút, nên « cái gì cũng lai cả ». Huống chi người công chức, hay người bán công chức, có nhiệm vụ với Chánh phủ, thì nhà văn ở trong ban Chấp hành hội nhà Văn cũng có bổn phận đối với tất cả anh chị em trong hội. Hai cương vị khác nhau. Và một nhà văn chân chính không thể vì chức nghiệp mình mà phụ lòng mong mỏi của tất cả nhà văn đã tín nhiệm mình.

NGUIỄN-NGU-Í

NGUIỄN-NGU-Í thuật

Hoàng-Quang, một xử sĩ, một chứng nhân hay một lính chí nguyện ?

« Phạm-Việt-Tuyền là một người chứa đầy mâu thuẫn », quả có như lời giới thiệu của Thanh-Lãng, chủ tịch của Trung tâm Văn-Bút Việt-Nam, trong buổi nói chuyện đầu tiên của nhiệm-kì 1962-1962, ngày 1-7-1962 tại trường quốc gia Âm nhạc và Kịch nghệ. Và một trong những cái mâu thuẫn đó đã được bộc lộ ra với đề tài nói trên : chịu trách nhiệm một tờ báo hằng ngày, bù đầu vì những chuyện thời sự, mà lại lục chồng sách nát tìm một người ẩn sĩ để trình bày với người đời nay.

Phải chăng vì con người cầm bút thời nước Việt chia hai ngày nay muốn hiểu qua nỗi lòng của một kẻ sĩ cuối thời Nam Bắc phân tranh, cách đây gần hai trăm năm ?

http://tieulun.hopto.org

Nhưng vì tài liệu không có là bao, nên diễn giả chỉ cho ta thấy bóng dáng của Hoàng-Quang theo một ít sử liệu và qua tác phẩm « *Hoài Nam ca khúc* ».

***

Hoàng-Quang là bút hiệu của Hoàng-Quang-Thừa, một ẩn sĩ mà đến nay, ta chưa rõ năm sinh, năm tử. Chỉ được biết tiên sinh vốn người làng Thái-Dương, huyện Hương-Trà, tỉnh Thừa-Thiên, học rộng, sở trường về văn Nôm.

Có lần tiên sinh được Nguyễn-Huệ vời làm quan, nhưng tiên sinh khước từ. Vì nặng lòng với chúa Nguyễn. Và điều tiên sinh mong mỏi thiết tha — nước nhà thống nhất dưới cờ họ Nguyễn — khi được thực hiện (1801) thì tiên sinh đã thành người thiên cổ.

Sự nghiệp văn chương của tiên sinh, tới nay người ta chỉ biết có hai : bản dịch bài « Chức cẩm hồi văn » của nàng Tô-Huệ và khúc hát nhớ phương Nam.

« Hoài Nam » là một khúc ngâm dài tới sáu trăm bảy mươi câu thơ lục bát, thêm nhiều bài thơ Đường luật, và một bài văn tế, một bài văn, một bài văn cáo chen vào.

Ca ngợi công nghiệp các chúa Nguyễn từ khi gây dựng miền Nam, đả kích chính sách áp chế của Trương-Phúc-Loan, kết án hành động cướp đất miền Nam của chúa Trịnh cùng cuộc dấy binh của Tây-Sơn khiến sanh linh đồ thán, và kết thúc : dân chán cảnh loạn li, ước sao chúa Nguyễn trở về để gom giang san về một mối và đem lại yên vui cho toàn dân, nội dung khúc hát «Hoài Nam» mà một vị công chúa họ Nguyễn đi tu chép lại để gởi vào Nam cho chúa Nguyễn đại khái là thế.

Và chúa Nguyễn đã chớ truyền bá nó trong hàng tướng sĩ và trong dân gian, và nó đã kích thích lòng người không ít.

Hành động là thể hiện sự sống một cách đầy đủ, thiết thực hơn cả, vậy thì đối với kẻ ở ẩn như Hoàng-Quang, diễn giả nghĩ sao ? Chúng ta hãy nghe ý kiến của Phạm-quân.

« Nhưng trong những lúc xã hội rối loạn, phần đông thiên hạ lăn xả vào những hành động vụ danh vụ lợi đến nỗi bất lương, bất chấp mọi ý tưởng sáng suốt, bất chấp mọi cảm tình tốt đẹp, thì chính những người đã đi ẩn dật để tồn tâm dưỡng tính hay những người đứng tách ra bên lề xã hội để mà quan sát, để mà nhận định, lại là những kẻ biết sống, biết hành động, trong khi những kẻ tưởng là hoạt động kia thực sự chỉ xuẩn động chớ không hành động.

Rồi diễn giả đem so sánh lối ẩn dật của Hoàng-Quang với người đồng thời, và ông cho rằng « tuy ẩn dật, tiên sinh vẫn tha thiết với đời, vẫn theo dõi thời cuộc, vẫn để tâm hồn rung động theo những thăng trầm, những sướng khổ của đồng bào».

Và những thảm cảnh của xã hội loạn li thời ấy đã được Hoàng-Quang ghi vào khúc hát nhớ phương Nam, khiến tác giả nó là một chứng nhân của giai đoạn gần chót của thời Nam-Bắc phân tranh.

Hoàng-Quang ẩn dật đấy, mà vẫn quan tâm đến thời cuộc, Hoàng-Quang là một

http://tieulun.hopto.org

chứng nhân, mà quan sát thiếu khách quan, nhận định thiếu vô tư, và với «Hoài Nam ca khúc», Hoàng-Quang đã gia nhập vào một mặt trận. Và kẻ sĩ này đã chọn thái độ vì chính nghĩa, chứ chẳng phải vì cảm tình cá nhân, càng không phải vì quyền lợi bè phái. Và giữa Hoàng-Quang và Nguyễn-Ánh, đã có sự cảm thông, người trước chuẩn bị nhân tâm cho người sau, người sau đã thực hiện cái mộng của người trước, và cả hai đã «đi đúng một trào lưu lịch sử».

Đoạn kết của «*Hoài Ham ca khúc*» là mười điều Hoàng-Quang nguyện với Đất Trời, mà ông Phạm-Việt-Tuyền thấy đó là cả một chương trình cách mạng để trung hưng cơ nghiệp của họ Nguyễn, hay nói cho đúng hơn, phục hưng đất Nam-hà thời ấy đang trải qua một cuộc khủng hoảng trầm trọng vì những khó khăn nội tại cũng như ngoại lai. Lời nguyền thứ nhất đặt ra vấn đề đoàn kết để thực hiện cách mạng. Lời nguyền thứ hai nêu lên việc lập người xứng đáng để tượng trưng và lãnh đạo cuộc cách mạng sao cho đúng với lẽ trời và hợp với lòng Dân. Từ lời nguyền thứ ba trở đi nói về các công việc cần xúc tiến để hoàn thành cuộc cách mạng : nào thu dụng tiền tài một cách cởi mở, nào thu phục nhân tâm bằng hành động nhân nghĩa, nào chiêu dụ nghịch đảng, nào an định nhân dân, nào trừ khử bạo tàn tham nhũng, nào chiêu tập hào kiệt anh hùng, nào liên kết với các giới kinh tế tài chính có thế lực... Lời nguyền thứ mười vẽ ra viễn tượng của một chế độ được củng cố vẻ vang trên bối cảnh của một giang sơn thống nhất.

***

Và khi cho rằng «Hoài Nam ca khúc» là một vết tích của Hoàng-Quang trong văn học, một bằng chứng của xã hội tao loạn ở cuối thời Nam - Bắc phân tranh, một hồi kèn đồng kêu gọi toàn dân góp phần vào trong cuộc phục hưng miền Nam để rồi thống nhất nước nhà, người chủ trương cơ quan ngôn luận Tự Do nêu lên một câu hỏi :

« Lúc này, trong tình cảnh đất nước phân chia, biết đâu ở miền Bắc hiện thời lại chẳng có những Hoàng-Quang mới với những bản tân « *Hoài Nam ca khúc* » ?

Câu hỏi này, ông Phạm-Việt-Tuyền để cho thời gian sẽ trả lời.

NGUIỄN-NGU.Í *thuật*

NHÂN-THẾ

Phái đoàn giáo-sư trường Mĩ-thuật đi thăm các nước bạn về...

Các nước bạn đây là Hương-Cảng, Trung-Hoa dân quốc và Nhật-Bản. Và phái đoàn trện đây gồm mười bảy người, nam có, nữ có. Và sau ba tuần xuất ngoại, trở về nước, phái đoàn đã cử một số đại diện để trình bày với công

http://tieulun.hopto.org

chúng Thủ đô những điều nghe thấy của mình.

Buổi nói chuyện được tổ chức tại phòng Thông tin Hoa-Kì, 6 đại lộ Lê-Lợi, lúc 6 giờ chiều ngày 27 tháng 6.

Ông Giám đốc nha Mĩ thuật học vụ nói mấy lời cám ơn thính giả, cám ơn nhà chức trách trong nước, nhà cầm quyền các nước bạn nói trên đã giúp cho cuộc du lịch quan sát đầu tiên về Mĩ thuật này được dễ dàng và lí thú. Theo lời ông, thì phái đoàn đã được hướng dẫn thăm các trường Đại học, các viện Bảo tàng, các phòng triển lãm tranh, dự thính các buổi hòa nhạc, diễn kịch, quan sát các công trình kiến trúc tối tân cũng như viếng các danh lam thắng cảnh, và tiếp xúc thân mật với một số văn nghệ sĩ. Vì thời gian quan sát ngắn (từ 19-5 đến 10-6-1962). nên kết quả thâu thập chưa làm thỏa mãn phái đoàn. Và ông giới thiệu các vị đại diện của phái đoàn cùng đề tài họ sẽ trình bày cùng thính giả.

***

Trước hết, ông *Bùi-Quang-Hanh* nói chuyện về « *Mục đích và chương trình cuộc quan sát* ».

Phái đoàn gồm có những vị giáo sư các ngành Kiến trúc, Âm nhạc, Kịch nghệ, Hội họa, và đi chuyến này, để liên lạc với các giới mĩ thuật ở Hương-Cảng, Đài-Loan, Nhật-Bản, trao đổi những kinh nghiệm, quan sát các công trình kiến trúc mới và cũ, quan sát các ngành mĩ thuật, và mời các giới mĩ thuật tham dự cuộc Triển lãm Quốc tế tổ chức trong lễ Quốc khánh năm nay. Thời gian du lịch là 3 tuần, viếng Đài-Loan bốn ngày, Nhật-Bản, nửa tháng, và Hương-Cảng ba hôm.

Theo ông, rất tiếc ít thì giờ, tài chánh eo hẹp mà chương trình quan sát rộng quá, nên không thể nghiên cứu thật kĩ như lòng mong muốn.

Tiếp đến, ông *Nguyễn-Hữu-Thiện* tỏ bày « *Những nhận xét trong ngành giáo-dục : Hội họa, Kiến trúc, Âm nhạc và Kịch nghệ* ».

Nhận xét chung, thì nền Mĩ thuật Nhật hướng về khía cạnh tô điểm cuộc sống hơn là để phụng sự nghệ thuật thuần túy.

Môn giáo dục về Mĩ thuật gồm có :

Mĩ thuật Âu-Châu, Mĩ thuật Nhật-Bổn cổ truyền, Điêu khắc, Mĩ thuật Kĩ nghệ, Kiến trúc, Lí thuyết về Mĩ thuật.

Và từ cấp Tiểu học, đã có ba giờ học mỗi tuần về Mĩ thuật. Trẻ mới cắp sách đến trường là đã học tô màu, dán hình, vẽ, hát...

Lên Trung học đệ Nhất cấp, hai giờ, có giáo sư riêng phụ trách. Chương trình dạy nhắm vào : mở mang cách thể hiện mĩ thuật, mở mang sự hiểu biết về đường nét, về màu sắc, mở mang cảm giác về mĩ thuật.

Lên bậc đệ Nhị cấp, cũng hai giờ, mục đích nhắm vào sự phát triển cá tánh sáng tác về đường lối hữu hình cũng như đường lối vô hình, phát triển tinh thần thẩm mĩ, áp dụng những kiến thức về mĩ thuật trong đời sống hằng ngày (trang trí nhà ở, trường học, công sở, xưởng làm, hãng buôn v. v...). Học sinh còn học nặn hình, vẽ đồ án, học về nhạc thì có cổ nhạc, tân nhạc và nhạc ngoại quốc.

http://tieulun.hopto.org

Trường Đại học Mĩ thuật cũng nhắm mục đích chính là phụng sự cho đời sống được vui tươi.

Bậc Trung học, có những trường chuyên môn cho mỗi ngành, phải học 70 giờ mỗi tuần, và phải qua một kì thi mới vào Đại học.

Ở Đài-Loan, chương trình cũng tương đương, hướng về Đạo đức và Xã hội.

Tiêu ngữ của trường Mĩ thuật quốc gia ở Trung-Hoa dân quốc là : *Chân, Thiện, Mĩ*, và trường dạy sáu môn : Âm nhạc, Kịch nghệ, Điện ảnh, Thuật in thạch bản, Tiểu công nghệ và Mĩ nghệ. Điều kiện nhập học : học xong chương trình Trung học, và thời gian học là sáu năm.

Ông *Tô-Công-Văn* cho biết « *Quan niệm về Kiến trúc* » ở các nước đã qua và giới thiệu vài danh lam thắng cảnh.

Ở Hương-Cảng, thì nhà bằng bê-tông cốt sắt, nhà cũ xây cất bằng đá, nhà mới cao vọt, ta có cảm giác ở một đô thị Anh-Quốc. Ở Đài-Bắc, kiến trúc có Á-Đông, mà cũng có Âu-Mĩ. Ở Đông-Kinh, kiến trúc tuy tối tân mà vẫn giữ được những gì cổ kính của Phù-Tang. Và gần một nhà chọc trời đồ sộ, ta thường được thấy một ngôi đền cổ kính.

Rồi ông *Nguyễn-Thành-Châu* trình bày « *Các nhận xét về ngành Âm-nhạc và Kịch nghệ* ». Thì giờ dành cho cuộc quan sát hai ngành này rất ít, tuy thế ông đã được đi nghe hòa nhạc, đi xem đóng phim và diễn kịch. Về Âm nhạc, họ dạy song song cổ nhạc và tân nhạc, nhạc cổ điển Tây-Phương. Về kịch nghệ, họ có trường dạy riêng các lối diễn xuất cổ điển và tân thời. Ở Đài-Bắc, đặc biệt là các học viên về Sân khấu cổ truyền học từ nhỏ, lớn lên, sanh sống với nghề, chớ không có thi cử ra trường gì cả. Ông Giám đốc trường Mĩ thuật và Âm nhạc cho rằng sân khấu Quảng-Đông không phải tiêu biểu sân khấu Trung-Hoa như người ngoại quốc thường tưởng, mà chính là sân khấu Bắc-Kinh.

Ở Nhật, Âm nhạc được dạy từ khi trẻ vào Mẫu giáo. Trẻ em học những bài hát cổ truyền nước nhà, mà cũng học dân ca các nước khác. Giáo dục âm nhạc được chú trọng đặc biệt và nhắm mở mang năng khiếu về nghe nhạc, hiểu nhạc, sử dụng nhạc khí nước nhà và nhạc khí Tây-Phương, sáng tác nhạc... Đặc biệt là họ thường dùng cả nhạc khí Âu-Mĩ và nhạc khí cổ truyền để hòa nhạc, giống như lối « cổ kim hòa điệu » ở ta.

Viếng vài hí viện, thuyết trình viên thấy mà thèm : rộng rãi (chứa đến ai ngàn người) sạch sẽ, đẹp đẽ và ngăn nắp ; sân khấu và dàn cảnh vĩ đại : sân khấu quay có, trời có, sụp có...

Về cách trình diễn, Nhật có lắm cái táo bạo mà sân khấu ta không có hay chưa có, nhất là họ ưa lồng những tư tưởng, những điệu bộ của họ bây giờ vào các nhân vật cổ. Ông đã giựt mình khi xem một tuồng Tây-du, thấy Tề-Thiên đại thánh náo thiên cung bằng cách bịp Ngọc-Hoàng trong một cuộc hơn thua bằng... bài cào, và đụng độ với Quan-Âm, ông Khỉ trời ôi ấy vừa hát một bài hát tân thời, vừa nhảy điệu « rốc » !

Về Thoại kịch, diễn viên họ tiết kiệm cử chỉ và cả lời nói. Ở Nhật, cái mới

http://tieulun.hopto.org

nhất của Mĩ họ cũng có, mà cái mới nhất của Âu họ cũng có : có những vũ khúc công phu mà cũng có những trò thoát i vũ. Đặc biệt là khi được cho mời đi xem một trò này, thuyết trình viên ngạc nhiên thấy có những cặp vợ chồng già, những người đứng tuổi, vẻ đạo mạo, và gặp những cảnh táo bạo, họ vẫn nghiêm trang thưởng thức. Quả là trình độ thẩm mĩ của họ đáng cho ta cảm phục.

Trước khi sang Nhật, một bạn có nói với ông : « Anh sẽ thấy sân khấu Nhật tổng hợp các ngành sân khấu thế giới ». Ông thấy lời ấy không ngoa. Và ông hi vọng rằng những điều ông học được về sân khấu trong chuyến đi này sẽ giúp ông trong việc cổ canh tân sân khấu nước nhà.

Ông *Huỳnh-Kim-Mãng* « *So sánh các đô thị Đông-Kinh, Đài-Bắc và Hương-Cảng* ». Về mặt thiết kế đô thị, ông thấy chẳng học được gì mới, nhưng nếp sống mỗi nơi có những sắc thái riêng. Và ông kết luận với một nụ cười :

— Xin nhắn nhủ với những ai muốn mua đồ rẻ tiền, xin đến Hương-Cảng, muốn tìm kỉ niệm sâu xa, xin thăm Đài-Bắc, và muốn xài tiền mau cạn túi thì hãy ở Đông-Kinh.

« *Các nhận xét về Hội họa và Tiểu công nghệ* » là đầu đề câu chuyện của ông *Nguyễn-Văn-Long*. Đặc biệt là ở Nhật, có nhiều hội Họa sĩ, mục đích là nâng cao đời sống của họa sĩ và giúp hội viên phát triển nghề của mình. Dự một cuộc triển lãm, ông thấy cả hai phái cũ và mới đều có mặt và đều phong phú cả. Tiểu công nghệ ở Nhật phát triển rất mạnh, nơi nào cũng thấy trưng bày những dụng cụ xinh xắn, những đồ chơi tinh xảo.

Ông *Đan-Hoài-Ngọc* « *Nhận xét về Điêu khắc và Đồ gốm mĩ thuật* » : ở Nhật, hai ngành này rất được chú trọng và đang phát triển.

Sau cùng họa sĩ *Nguyễn-Trí-Minh* tỏ bày « *Cảm tưởng riêng về cuộc quan sát* ». Các hội nghệ sĩ tiếp đón phái đoàn rất nồng hậu, các họa sĩ nặng về tinh thần quốc tế hơn là quốc gia. Các nghệ sĩ Nhật đoàn kết thật sự với nhau và tỏ ra rất sốt sắng với phái đoàn. Đặc biệt là một họa sĩ tên tuổi Nhật, ông Yoshimobu Masuda khi nghe bên ta Triển-lãm Hội họa, công chúng tự do xem, thì giơ tay thốt : « Quả là Thiên đàng ! ».

Sau hết những ảnh màu chụp tại Hương Cảng, Đài-Bắc và Nhật-Bản trong dịp phái đoàn viếng thăm ba nơi này được đem ra chiếu, để buổi nói chuyện kết thúc vui vẻ.

NHÃN-THẾ

Cần

Mua lại hoặc xin sao lại :

1. — Tuồng cổ **Vạn bửu trình tường** của Đào-Tấn cùng soạn với Lê-Quí-Đồng, Võ-Đình-Phương.

2. — Kịch thơ **Quỳnh-Như** của Phan-Khắc-Khoan.

Xin liên lạc với NGUIỄN-HỮU-NGƯ do tạp chí Bách-Khoa.

http://tieulun.hopto.org

SHELL CUNG CẤP NGUYÊN-LỰC XÂY CẤT ĐẬP LỚN NHẤT MIỀN ĐÔNG-NAM-Á

Đập vĩ-đại nhất miền Đông-Nam-Á, đập YAN HEE DAM, hiện đương được xây cất tại miền Tây-Bắc nước Thái-Lan.

Đập này có hai mục-đích : chống lại nạn lụt có thể gây nên bởi mực nước của Sông Ping và phát điện để ứng đáp một phần nhu cầu nguyên-lực trong xứ.

Công-Ty Shell cung cấp tổng số nhu cầu về sản-phẩm dầu hỏa dùng trong việc xây cất chiếc đập này. Tổng cộng 45.000 tấn gas-oil, 5.000 tấn xăng, 200.000 gallons dầu nhớt đủ cỡ được dùng cho hơn 100 thứ máy khác nhau. Nào là máy ủi đất, máy phát điện, máy trộn bê-tông, máy đập đá, máy khoan và cam-nhông chuyện chở đủ loại.

Sau một cuộc gọi thầu quốc-tế, công cuộc xây cất được giao phó cho hai hãng BROWN & ROOT và UTAH CONSTRUCTION Co.

Đập vĩ-đại nhất Đông-Nam Á này sẽ hoàn thành vào năm 1964, với chiều cao 154 thước, trên đỉnh rộng 412 thước và dài trên 100 cây số. Sức chứa của nó chừng 12,2 triệu thước khối nước. Nhà máy phát điện của đập sẽ cung cấp 560 mégawatts điện-lực và sẽ được đem phân phối cho Bangkok (Vọng-Các) và 35 tỉnh trong số 71 tỉnh của Thái-Lan.

Nhựa tráng đường làm cho cỏ mọc rậm

Một ngành quan trọng, của dầu hỏa là hóa học phẩm gốc ở dầu hỏa, của một phần lớn hóa học phẩm này dùng vào Canh Nông.

Ta biết sản phẩm dầu hỏa có xăng xe hơi, xăng máy bay, có dầu diesel, gas oil, fuel oil, cho canh nông và kỹ nghệ, có bạch lạp, có nhựa tráng đường, có hóa học phẩm thuốc sát trùng, phân bón hóa học và bao nhiêu thứ khác.

Xong hàng ngày các chuyên-viên kỹ thuật dầu hỏa lại càng tìm ra những công dụng mới cho các sản phẩm dầu hỏa.

Nhựa tráng đường này có công dụng làm cho cỏ mọc. Không phải thứ cỏ xanh vờn trong các công viên, mà thứ cỏ dại, trên bờ đê bờ sông chẳng hạn, hay ở những nơi cần có cỏ mọc rậm để tránh cho đất khỏ soi mòn.

Người ta rải hạt tưới nước, lấp lên lớp cát chừng một phân tây phun lên một lớp bụi nhựa tráng đường rồi một lớp cát nữa.

Lớp cát và nhựa làm tránh sự soi mòn của bờ đê bờ sông trước khi cỏ mọc, và làm cho đất khỏi lún và bùn lầy khi dẫm lên. Lớp nhựa hút sức nóng và chận bớt sự bay hơi làm cho đất

http://tieulun.hopto.org

khỏi bị khô nẻ khi trời hanh nóng. Lớp hạt cỏ cũng được che chở khỏi bị chim ăn. Hạt giống cỏ dại bay tới không thể qua lớp nhựa và hạt giống cỏ dại có sẵn ở đất không thể gieo mầm được.

Xong chất này chỉ có thể dùng ở chỗ đất cỏ có thể mọc được.

Một thứ phân bón Hóa học Shell dùng đề phòng ngừa hỏa hoạn

Một chất phân bón hóa học Shell đã được thu dùng bên Mỹ Quốc để trừ hỏa hoạn — Chất này là chất « diammonium phosphate », từ trước tới nay dùng như phân bón cho mùa màng.

Các chuyên viên đã thâu được nhiều kết quả khả quan về sự hiệu nghiệm của chất này, và tính có thể rắc một lớp chung quanh rừng thành một vòng tròn chặn lửa hay dùng nó phun lên tường thành những bức tường chặn lửa khi ngọn lửa ở xa đang tiến tới. Những bức bình phong chặn lửa còn có thể dùng chung quanh nhà, trại chăn nuôi, ruộng lúa...

Những cuộc thí nghiệm đã qua tỏ ra rằng chỉ phun một lần là có thể hiệu nghiệm suốt một mùa. Ngoài ra, chất này không có hại cho đất như một chất hóa học khác, chất borate mà cho tới nay người ta thường dùng để chống hỏa hoạn trong rừng. Chất borate làm cho đất bị mất mầu tươi tốt, còn chất « diammonium phosphate » làm cho mùa màng tốt thêm (vì chính khởi đầu nó là phân bón hóa học) khi mưa to làm nó trôi xuống đất.

Sản phẩm dầu hỏa trong công việc chinh phục không gian

Công Ty dầu hỏa Shell oil Company bên Mỹ Quốc công tác chặt chẽ với North American Aviation Inc. trong việc tìm những sản phẩm thích ứng cho cuộc viễn du Mặt Trăng trong một tương lai gần đây.

Ngoài ra sản phẩm dầu hỏa Shell UMF. C được dùng trong chặng đầu của những cuộc phóng hỏa tiễn và hành trình quanh quỉ đạo tại Cap Canaveral.

Xong bạn có biết sản phẩm dầu hỏa còn dùng trong nhiều việc khác mà đây là một vài thí dụ.

Quần áo của phi hành gia sẽ bọc nhựa (thứ nhựa tráng đường ?)

Phi hành gia trong tương lai sẽ gặp nhiều khó khăn, một trong đó là bị các vũ trụ tuyến dọi chiếu.

Một giáo sư đại học Maryland bên Mỹ Quốc đề nghị tráng lớp nhựa mỏng trên bộ quần áo của phi hành gia sẽ ngăn ngừa chất độc của vũ trụ tuyến thấm vào người.

Thật là một công dụng mới nhất cho những sản phẩm đã có từ lâu nhất, trên thế giới.

Phi hành gia sẽ ăn bằng bao tay bằng chất dẻo

Chất dẻo cũng là một chất hóa học phẩm mà nguồn gốc tự dầu hỏa. Ai cũng biết chất dẻo bây giờ dùng khắp mọi nơi. Trong kỹ nghệ cũng như trong đời sống hàng ngày. Với cái công dụng muôn mặt của nó, lẽ cố nhiên chất dẻo dù để dùng trong việc chinh phục không gian. Một công dụng khác của nó như sau :

Người ta dự tính rằng một trong những nhu cầu của một phi hành gia trong một chuyến du hành trong 2, 3 ngày trong một phương thuyền không gian, là làm sao sau khi ăn uống không phải rửa tay. Như vậy có cách là dùng một bao tay bằng chất dẻo. Khi ăn, phi hành gia đeo thêm bao dựa này ra ngoài găng tay, để cho đồ ăn và mỡ không làm bẩn những dụng cụ máy móc tinh vi trong phương thuyền.

http://tieulun.hopto.org

Bách-Khoa vừa nhận được :

Thôi còn gì đâu, Phi Châu, Bất kham (Xuân-Thao) — Thơ (Hoàng Văn) — Những bài tình buồn, mùa hạ, Những ảo điệu buồn, mùa hạ,.. (Ng-T-Liên-Phượng) — Ruồng bỏ, Những ngày còn lại (Lữ Quỳnh) — Quê tôi, Băn khoăn (Phong Linh) — Những màu tôi yêu (Tinh Huyền) — Trăn trối, Giã từ (Nhật Lệ Giang) — Sáo vọng u hoài v.v.. (Trúc Bạch) — Tình quê, Chiều rừng, Điệu buồn cuối... (Thái Tú Hạp) — Tôi, Tiếng hát trong học đường, Trời trong mắt (Lê Thùy Lam) — Ngỡ ngàng, Hận (Triều Vi Dạ Thơ) — Ngày mai anh đi, Lời hôn (Thư Nhất Phương) — Người ơi gởi lại (Cô Lữ) — Sành sỏi.,. (Vũ Văn Hàu) — Khép quá khứ (Việt Hoài Chương) — Sau hồi chuông (Triều Hoa Đại) — 5 đoạn thơ cuối mùa, Mai (Tôn nữ Hoài My) — Chuyện viết sử (Phan Trần Nghĩa) — Thơ (Linh Vũ). — Đọc Giã Từ của Võ-Phiến (Nguyễn Thị Nại) — Ngày mai... (Nhị Ngọc) — Tìm về dĩ vãng, Tôi về (Giang Châu) — Lá đỏ vàng công viên (Kỳ Lê Văn) — Thuyền thế kỷ (Vy Linh) — Khoảng buồn chiều (Thương Hoài Hưng) — Chiều hoang phố tịnh... (Trường Thủy)

Xin trân-trọng cảm ơn các bạn. Tất cả những bài trên đây nếu bài nào qua bốn kỳ Bách-Khoa mà vẫn chưa đăng, **trừ THƠ** và trường hợp đặc-biệt có thư riêng, thì xin các bạn coi như là không đăng mà thông cảm cho. Đa tạ.

— **Anh Nguyễn-Đình-Chung-Song.** Báo gởi anh, bị trả lại, với câu *Đi không để lại địa chỉ*. Xin anh cho biết địa chỉ mới.

— **Bạn Nguyễn-Thanh-Thản, Huế.** Cảm ơn bạn đã muốn tiếp tay. Tôi cũng đã có ba lá thư ra Huế. Vậy bạn tiếp xúc giùm ba người bạn nói trong thư. Sau, sẽ tiếp theo, nếu cần.

N. N. Í.

— **Ông Trúc-Bạch** — Thơ ông gửi chúng tôi nhận được đủ cả. Nhưng vì đề tài và lời sáo, hình ảnh cũ, chúng tôi không đăng được Mong ông tìm những tình cảm chân thật hơn.

☆

SÁCH BÁO MỚI

Bách-Khoa đã nhận được :

— **Contribution à l'étude du Kim Vân - Kiều** của ông Thái - Văn - Kiểm, do tác giả gửi tặng. Tập này trích ở Văn-hóa Nguyệt-san, bộ mới, tháng 3 và 4 năm 1962.

— **Vaste recueil de légendes merveilleusses,** Truyền-kỳ mạn-lục của Nguyễn-Du, do Bs. Nguyễn-Trần-Huân dịch ra Pháp văn và gửi tặng ; nhà Gallimard xuất bản, UNESCO phát hành. Sách dày trên 270 trang ; giá 16 N.F. (quan mới).

http://tieulun.hopto.org

SÁCH BÁO MỚI

— Một bộ **Việt ngữ Tân-Thư** do Ô. Ô. Bùi-Văn-Bảo, Bùi-quang-Minh, Chu-Đức-Nhuận biên soạn và gửi tặng, Sống Mới xuất bản Bộ sách trên đây gồm có :

1 — Cuốn **Lớp năm B** cho học sinh mới học vần và lớp Mẫu giáo ; giá 20 đ.

2 — Cuốn **Lớp năm A** cho học sinh đã biết đọc biết viết; giá 26đ.

3 — Cuốn **Phần giáo viên** giúp tài liệu cho giáo viên giảng dạy giá 15đ

Có kèm theo hai tờ **Bảng chữ mẫu**.

Những sách trên đây đều có in mầu, viết bằng lời văn sảng sủa dễ hiểu; soạn theo chương trình của Bộ Quốc gia giáo dục và hợp với trình độ hiểu biết của trẻ em lớp Năm.

— **Cung tìm** tập thơ của CHGVA (tức Việt-Chung-Tử) do tác giả xuất bản và gửi tặng Sách dày 36 trang, khổ lớn, gồm 24 bài thơ tâm tình, giá 25đ.

— **Tương lai ở trong tay ta** của Nguyễn-Hiến-Lê, do nhà Nguyễn-Hiến-Lê xuất bản và tác giả gửi tặng «Tương lai ở trong tay ta» là cuốn sách viết cho các bạn thanh niên, nam và nữ, và cách chọn lối sống, giữ sức khoẻ, cách làm việc, nghỉ ngơi, luyện trí, về lựa bạn trăm năm, giữ gìn hạnh phúc v.v.. mà tạp chí Bách-Khoa đã trích đăng một chương về «Thành công và thất bại» trên Bách Khoa các số 119 và 120 để giới thiệu với bạn đọc Sách dày 264 trang. Giá 58đ,

*

Xin trân trọng cảm ơn các tác giả nhà xuất bản và ân cần giới thiệu cùng quí vị độc giả.

Đã có bán các hiệu sách

THÂN PHẬN

tập Thơ thứ 2 của HOÀI-KHANH

— Gồm 50 bài thơ trong đó có 24 bài thơ lục bát.

— Bìa và trình bày do họa sĩ Đinh-Cường.

— In thật đẹp trên giấy Vergé bìa giấy Ingres giá 32 đ.

— Các bạn ở xa muốn mua xin liên lạc với tác giả, số 5, Nguyễn-Hữu-Cảnh — BIÊN-HÒA.

http://tieulun.hopto.org

ĐẠI NAM VĂN HIẾN XUẤT-BẢN-CỤC

trân trọng báo tin cùng bạn đọc :

NHÀ VĂN HẬU CHIẾN

trong bộ Lược Sử Văn Nghệ Việt Nam

phê bình của THẾ PHONG — 200 đồng.

● Sẽ in bìa lại và gởi bán tại các hiệu sách lớn Saigon. Quí vị nào chưa mua cuốn trên cho trọn bộ, hãy tìm mua để thỏa mãn ý muốn. Bạn đọc nào đã gửi tiền trước mua bản đẹp, chúng tôi sẽ gởi sách đến tận nhà ; hoặc liên lạc với xuất-bản-cục bằng thư theo địa chỉ :

Ông ĐỖ-MẠNH-TƯỜNG

201-II, Nguyễn-Huệ, Phú-Nhuận. — SAIGON

● *Trả lời chung* — Những cuốn « NHẬN DIỆN VÓC DÁNG NGUYỄN ĐỨC QUỲNH » lãnh tụ nhóm Hàn Thuyên và « HIỆN TÌNH VĂN NGHỆ MIỀN NAM 1957-1961 » không bán ra ngoài, vì chỉ in thành bản thảo để tặng anh em văn nghệ. Xin các bạn miễn biên thư hỏi mua những cuốn trên ; hoặc xin cũng vậy.

http://tieulun.hopto.org

BÁCH-KHOA
Bán nguyệt-san
Biên Khảo, Nghị Luận, Văn Nghệ
160, Phan-Đình-Phùng
Đ. T. 25.539 – H. T. 339
SAIGON
-:-

PHIẾU MUA BÁCH-KHOA DÀI HẠN

Phương danh độc giả_____

Địa chỉ_____

Thời hạn mua (1)_____ bắt đầu từ_____

Thể thức trả tiền_____

_____ *ngày* ____ *tháng* ____ *1962*

Ký tên,

Giá báo dài hạn :

Một năm : 180 $
6 tháng : 90 $

---

(1) Một năm hoặc 6 tháng.
(2) Trả tiền mặt, bay bằng chi phiếu hoặc gởi bưu phiếu.

• Mua dài hạn Bách-Khoa

— Các bạn ở Saigon sẽ có người giao báo tận nhà.

— Các bạn ở xa sẽ được gửi đến chỗ ở, thất lạc số nào nhà báo sẽ gửi lại số đó.

— Trả trước 180 $, các bạn sẽ tiết kiệm được mỗi năm 60 $ (20số thường 200 $ + 2 số đặc biệt và số Tết 40 $ = 240 $)

• Mua dài hạn Bách - Khoa để gửi tặng các bạn quen là một món quà trang nhã trong dịp Tết mà người nhận sẽ vui thích và lưu giữ mãi mãi.

http://tieulun.hopto.org

FOREIGN EXCHANGE BANK

THE BANK OF TOKYO LTD

HEAD OFFICE : TOKYO JAPAN

SAIGON OFFICE

No 12 - 22, Dai lo HAM NGHI

Tel : 25.807-25.808 P.O. Box No M. 1

DOMESTIC OFFICES

Head Office - Ginza - Yaesudori - Ningyocho - Marunouchi - Yurakucho - Hibiya - Shimbashi - Asakusa - Uchisaiwaicho - Yokohama - Shimizu - Nagoya - Akatsuka - Osaka - Semba - Shinsaibashi - Kobé - Tor Road - Hiroshima - Shimonoseki - Fukuoka - Nagasaki - Sapporo - Otaru.

OVERSEAS OFFICES

New York - San Francisco - Los Angeles - Seattle - Rio De Janeiro - São Paulo - Buenos Aires - London - Hamburg - Dusseldorf - Paris - Karachi - Bombay - Calcutta - Vientiane - Kuala Lumpur - Singapore - Hong Kong.

REPRESENTATIVES OFFICE

Chicago - Houston - Toronto - Mexico City - Lima - Brussels - Lagos - Johannesburg - Beyrouth - Baghdad - Teheran - New Deihi - Rangoon - Bangkok - Phnom-Penh - Djakarta - Manila - Sydney.

THE BANK OF TOKYO OF CALIFORNIA

San Francico - Los Angeles - Gardena

THE BANK OF TOKYO TRUST COMPANY

New York

http://tieulun.hopto.org